

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY KHÁNH HÒA

**TÀI LIỆU
BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HÈ
NĂM 2021**

*(Phục vụ bồi dưỡng chính trị hè năm 2021 cho cán bộ quản lý,
công chức, viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa)*

Khánh Hòa, tháng 8 năm 2021

MỘT SỐ KẾT QUẢ

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII

CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng được tổ chức tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia, Thủ đô Hà Nội từ ngày 25/01/2021 đến ngày 01/02/2021 là sự kiện chính trị trọng đại của Đảng ta, đất nước ta và dân tộc ta, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới. Tham dự Đại hội có 1.587 đại biểu thay mặt cho hơn 5 triệu đảng viên toàn Đảng. Đây là kỳ Đại hội có số lượng đại biểu đông nhất trong 13 kỳ Đại hội Đảng toàn quốc¹.

Sau 07 ngày làm việc nghiêm túc, khẩn trương, Đại hội XIII đã thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, dân chủ và nhất trí cao thông qua các văn kiện quan trọng sau:

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII

Chủ đề của Báo cáo chính trị (đồng thời là Chủ đề của Đại hội XIII): ***"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết***

¹ Trong đó có 191 đồng chí (chiếm tỉ lệ 12,04%), bao gồm 171 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng chính thức và 20 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng dự khuyết khóa XII; 1.381 đại biểu được bầu từ đại hội đảng bộ các tỉnh, thành phố và đảng bộ trực thuộc Trung ương (chiếm tỉ lệ 87,02%); 15 đồng chí do Trung ương chỉ định theo quy định (chiếm tỉ lệ 0,95%). Dự Đại hội có 222 đại biểu nữ (chiếm tỉ lệ 13,99%); đại biểu là người dân tộc thiểu số có 175 đồng chí (chiếm tỉ lệ 11,03%). Có 3 đại biểu là Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (chiếm tỉ lệ 0,19%); 13 đại biểu là Nhà giáo ưu tú, (chiếm tỉ lệ 0,82%); 15 đại biểu là Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, chiếm tỉ lệ 0,95%.

toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”².

Báo cáo chính trị đánh giá: Năm năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã đoàn kết, chung sức đồng lòng nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều *thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật*. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn; các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển. Phát triển văn hoá, xã hội, con người đạt nhiều kết quả quan trọng. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu được chú trọng, bước đầu đạt được kết quả tích cực. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt nhiều thành tựu nổi bật. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố; dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp, hành pháp và

² So với Đại hội XII có một số nhận thức mới trong chủ đề Đại hội XIII, đáng chú ý là: (1) Bổ sung “xây dựng hệ thống chính trị” vào nội dung xây dựng Đảng thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”; (2) Nêu “khát vọng phát triển đất nước” và bổ sung “kết hợp với sức mạnh thời đại”; (3) Xác định mục tiêu “đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”.

tư pháp. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ rệt.

Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới; quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên; đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.* Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đó là kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân dân ta, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, Báo cáo chính trị cũng chỉ rõ các hạn chế, khuyết điểm: Việc hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Đổi mới giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa có nhiều đột phá,

hiệu quả chưa cao. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu còn bất cập. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt bất cập. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa có mặt, có nơi chưa được phát huy đầy đủ. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn một số hạn chế.

Trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình thế giới và trong nước. Thời gian tới, sẽ có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen, đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Báo cáo Chính trị nêu ra 5 quan điểm chỉ đạo, đề ra 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá chiến lược.

2. Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030

2.1. Kết quả thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020

Báo cáo đánh giá tổng quát, mặc dù trong quá trình thực hiện Chiến lược, đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là diễn biến phức tạp, nhanh chóng của tình hình chính trị, kinh tế thế giới và đại dịch Covid-19, nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực.

Kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm và cải thiện đáng kể. Tăng trưởng kinh tế đạt khá cao trong bối cảnh thế giới, khu vực

gặp nhiều khó khăn; chất lượng được nâng lên, năng suất lao động được cải thiện rõ nét. Thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực. Quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; tính tự chủ và khả năng chống chịu của nền kinh tế được cải thiện.

Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả quan trọng. Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi người có công, bảo đảm an sinh xã hội. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được bảo đảm, có cải thiện. Xây dựng nông thôn mới hoàn thành sớm gần 2 năm so với mục tiêu Chiến lược đề ra. Đã hoàn thành trước thời hạn nhiều mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ, được cộng đồng quốc tế đánh giá là điểm sáng trong các lĩnh vực giảm nghèo, y tế, dân số, giáo dục và đang tích cực triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai được tăng cường. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Xử lý nghiêm nhiều vụ việc tham nhũng nghiêm trọng, xã hội quan tâm, góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh, đi vào chiều sâu, thực chất hơn, đạt kết quả quan trọng nhiều mặt.

Bên cạnh kết quả đạt được, Báo cáo đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khó khăn, thách thức của nền kinh tế nước ta. Kết quả phát triển kinh tế - xã hội trên nhiều mặt vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và thiếu bền vững. Tăng

trường kinh tế thấp hơn mục tiêu Chiến lược đề ra, chưa thu hẹp được khoảng cách phát triển và bắt kịp các nước trong khu vực. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Môi trường kinh doanh ở một số lĩnh vực, địa phương còn hạn chế, chưa thực sự thông thoáng. Các đột phá chiến lược chưa có bứt phá. Thực thi pháp luật nhiều nơi chưa nghiêm. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả; quản lý phát triển đô thị còn bất cập. Quản lý phát triển xã hội còn một số hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường nhiều mặt còn yếu kém, khắc phục còn chậm... Năng lực, phẩm chất, ý thức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao; còn tình trạng nhũng nhiễu, tham nhũng vặt, gây bức xúc cho người dân, doanh nghiệp. Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả. Bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều khó khăn, thách thức; an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên một số địa bàn còn diễn biến phức tạp. Chưa khai thác hết và tận dụng hiệu quả quan hệ đối ngoại; ngoại giao đa phương chưa phát huy hết các lợi thế...

2.2. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030

- Chủ đề của Chiến lược: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh thời đại, huy động mọi nguồn lực, phát triển nhanh và bền vững trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

- **Mục tiêu tổng quát:** Phấn đấu đến năm 2030, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nâng cao hiệu quả trong hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy sức sáng tạo, ý chí và sức mạnh toàn dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

- **Các chỉ tiêu chủ yếu:**

+ **Về kinh tế:** Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD/người. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%. Tổng đầu tư xã hội bình quân đạt 33 - 35% GDP; nợ công không quá 60% GDP. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 50%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt trên 6,5%/năm. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 - 1,5%/năm.

+ **Về xã hội:** Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7. Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%. Tỷ trọng lao

động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%.

+ *Về môi trường*: Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%. Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt trên 70%. Giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính. 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường. Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3 - 5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

Báo cáo nêu **3 đột phá chiến lược**: (1) Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập. (2) Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự cường và phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam. (3) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại.

- **Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội**: Báo cáo đã đề ra 10 nhóm giải pháp: (1) Tập trung hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. (2) Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. (3) Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. (4) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô. (5) Phát

triển kết cấu hạ tầng, kinh tế vùng, kinh tế biển, lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. (6) Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. (7) Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. (8) củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. (9) Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. (10) Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính.

3. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025

3.1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020

Báo cáo đánh giá: Mặc dù quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 còn nhiều khó khăn, thách thức, nhiều yếu tố bất định; nhưng nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp, chúng ta đã *đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật*, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vừa quyết liệt phòng, chống dịch bệnh, vừa duy trì, phát triển các hoạt động kinh tế, xã hội. Các kết quả nổi bật được nhấn mạnh là:

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục gia tăng trong giai đoạn 2016 - 2019. Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định vững chắc hơn, lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội; bội chi và nợ công giảm so với giai đoạn trước, cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa chuyển từ thâm hụt sang thặng dư. Các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm, mức độ chống chịu của nền kinh tế được cải thiện đáng kể.

(2) Chất lượng tăng trưởng được nâng lên, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, năng suất lao động được cải thiện rõ nét, thực hiện 3 đột phá chiến lược đạt một số kết quả tích cực. Hệ thống pháp luật cơ bản đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, tạo hành lang pháp lý để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Công tác tổ chức thi hành pháp luật và ý thức thượng tôn pháp luật ngày càng được nâng cao. Huy động vốn đầu tư phát triển tăng lên và hiệu quả sử dụng được cải thiện. Quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được tăng lên rõ rệt.

(3) Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được nhiều kết quả quan trọng. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được tăng cường. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển. Giải quyết việc làm được quan tâm và thất nghiệp giảm. Thực hiện tốt các chính sách người có công, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

(4) Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; tăng cường công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 được triển khai tích cực. Các biện pháp phòng ngừa,

kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường ngày càng được chú trọng hơn và đạt một số kết quả.

(5) Cải cách hành chính được thực hiện quyết liệt, tập trung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện rõ nét. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước được kiện toàn, tinh giản biên chế được đẩy mạnh và đạt kết quả bước đầu. Hệ thống pháp luật được hoàn thiện một bước khá căn bản.

(6) Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Xử lý nghiêm nhiều vụ việc tham nhũng nghiêm trọng, xã hội quan tâm, góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân.

(7) Quốc phòng, an ninh được tăng cường; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. An ninh chính trị, an toàn xã hội được bảo đảm, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước.

(8) Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh, đi vào chiều sâu, thực chất hơn. Quan hệ với các đối tác tiếp tục được mở rộng, thiết thực và hiệu quả; ký kết và triển khai nhiều hiệp định thương mại tự do. Vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Bên cạnh các kết quả đạt được, Báo cáo đã chỉ ra những hạn chế, yếu kém và khó khăn, thách thức: Kết quả phát triển kinh tế - xã hội trên nhiều mặt vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và thiếu tính bền vững. Tăng trưởng kinh tế thấp hơn mục tiêu kế hoạch đề ra, chưa thu hẹp được khoảng cách và bắt kịp các nước trong khu vực. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường một số mặt còn yếu kém, khắc phục còn chậm; quản lý, phát triển xã hội còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp

yêu cầu phát triển; một số biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử và những vụ việc bạo lực gia đình, bạo hành trẻ em gây bức xúc xã hội. Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thực sự chặt chẽ, hiệu quả; bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều khó khăn, thách thức; tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên một số địa bàn còn diễn biến phức tạp. Chưa tận dụng, khai thác tốt những cơ hội và điều kiện thuận lợi trong hội nhập quốc tế...

Báo cáo nhận định: bối cảnh quốc tế và khu vực trong thời gian tới đặt ra yêu cầu không chỉ hóa giải các nguy cơ, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội thay đổi sau đại dịch.

3.2. Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm 2021 - 2025

Mục tiêu tổng quát được Báo cáo xác định là: Bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn mức bình quân của 5 năm 2016 - 2020, đến năm 2025 là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; thực hiện các giải pháp khắc phục tác động của đại dịch Covid-19, nhanh chóng phục hồi kinh tế. Phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức sáng tạo của mỗi cá nhân. Từng bước xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; bảo đảm cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân. Bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống

nhân dân. Chú trọng bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Báo cáo đặt ra các chỉ tiêu chủ yếu:

- *Về kinh tế*: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm khoảng 6,5 - 7%. GDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 4.700 - 5.000 USD. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%.

- *Về xã hội*: Tuổi thọ trung bình khoảng 74,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 67 năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo là 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28 - 30%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Tỷ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5%/năm. Có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó có 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- *Về môi trường*: Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100% và nông thôn là 93 - 95%. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%. Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập

trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 92%. Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 42%.

- *Về các cân đối lớn:* Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô; thúc đẩy tăng tổng tích lũy tài sản chiếm khoảng 27 - 28% GDP và duy trì tỉ trọng tiêu dùng cuối cùng không thấp hơn 73% GDP. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP. Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2021 - 2025 đạt 15 - 16% GDP; đến năm 2025, nợ công không quá 60% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP. Bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 bình quân 3,7% GDP. Bảo đảm cân đối năng lực quốc gia.

3.3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Báo cáo đề ra ***12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp*** chủ yếu:

- (1) Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.
- (2) Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nền kinh tế số.
- (3) Phát triển các vùng và khu kinh tế.
- (4) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị.
- (5) Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế.
- (6) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ.
- (7) Phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội.
- (8) Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ

môi trường. (9). Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. (10) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển. (11) Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. (12) Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường hòa bình và điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.

4. Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII

4.1. Về tổng kết công tác xây dựng Đảng

Báo cáo đánh giá: Nhiệm kỳ Đại hội XII, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy, tổ chức đảng đặc biệt chú trọng, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt và đã đạt được kết quả toàn diện. Trong đó nổi bật là: Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; sắp xếp tổ chức bộ máy, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và tinh giản biên chế của hệ thống chính trị; đổi mới công tác cán bộ và ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền; tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, xử lý nghiêm những tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Kết quả của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng các nhiệm kỳ qua và nhiệm kỳ Đại hội XII đã góp phần rất quan trọng để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay; Đảng ta đoàn kết, thống nhất và trong sạch, vững mạnh hơn; niềm tin của nhân dân

đối với Đảng được củng cố, tăng cường hơn, tạo nền tảng vững chắc đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những năm tới.

Tuy nhiên, việc thể chế hóa, cụ thể hóa một số nghị quyết của Đảng còn chậm; tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu. Công tác tư tưởng còn có mặt hạn chế, thiếu kịp thời, tính thuyết phục chưa cao. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có lúc, có nơi còn bị động, thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao... Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa tiên phong, gương mẫu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; tự phê bình và phê bình ở nhiều nơi còn hình thức; thực hiện trách nhiệm nêu gương, nhất là của người đứng đầu chưa tạo được sự lan tỏa sâu rộng. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động ở một số nơi thực hiện thiếu quyết liệt, chưa đạt mục tiêu đề ra. Công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi chưa thường xuyên, quyết liệt, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở một số địa phương, bộ, ngành chưa chuyên biến rõ rệt. Công tác dân vận có mặt còn hạn chế. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới.

Phương hướng của công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII

- Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường

lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

- Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng. Phát huy sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội; coi trọng hơn nữa công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên; phát huy tính tiên phong, gương mẫu, trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân của cán bộ, đảng viên. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, củng cố và không ngừng nâng cao niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng, hoàn thiện chính sách phát hiện, thu hút, sử dụng nhân tài; có cơ chế bảo vệ những cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đương đầu với khó khăn, thử

thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. Đẩy mạnh đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

Để thực hiện phương hướng nêu trên, cần thực hiện đồng bộ, có hiệu quả **10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp**: (1) Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị. (2) Coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng. (3) Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức. (4) Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. (5) Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. (6) Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu. (7) Đổi mới mạnh mẽ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. (8) Thắt chặt hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng. (9) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. (10) Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới.

Cùng với việc thực hiện toàn diện, đồng bộ 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trên, Đại hội thống nhất cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các *nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá* sau:

Ba nhiệm vụ trọng tâm: (1) Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương. (2) Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp

chiến lược, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. (3) Tiếp tục đổi mới, kiện toàn và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Ba giải pháp đột phá: (1) Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức, cán bộ. (2) Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới sáng tạo trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. (3) Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực.

4.2. Về tổng kết thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII

Đại hội đã thống nhất quyết định giữ nguyên Điều lệ Đảng hiện hành như đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Đồng thời, giao Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIII chỉ đạo nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến của đại biểu để điều chỉnh thông qua các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

5. Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII

Báo cáo đánh giá: Nhiệm kỳ qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư là tập thể đoàn kết, thống nhất cao, bản lĩnh, trí tuệ, luôn bám sát các quan điểm, đường lối, đưa ra các quyết sách kịp thời, đúng đắn, phù hợp, giải quyết nhiều vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Tập trung lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đẩy mạnh toàn diện công

cuộc đổi mới; thực hiện có hiệu quả cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; đã phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XII đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, có dấu ấn nổi bật, tạo tiền đề thuận lợi cho những nhiệm kỳ tiếp theo.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thiện đường lối, thể chế, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xử lý và giải quyết có hiệu quả một số khó khăn, vướng mắc, hạn chế, yếu kém từ nhiều năm trước của nền kinh tế. Kinh tế chuyển biến tích cực, toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên; lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp. Các cân đối lớn của nền kinh tế tiếp tục được bảo đảm. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng bước đầu đạt được những kết quả quan trọng. Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện. Giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao tiếp tục phát triển. Đời sống của nhân dân được cải thiện. Bảo vệ tài nguyên, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu có những chuyển biến tích cực. Kiểm soát và ngăn chặn dịch bệnh có kết quả tích cực, nhất là đại dịch Covid-19.

Trước những diễn biến mới, phức tạp về tình hình quốc tế, khu vực và Biển Đông, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có những chủ trương, quyết sách lớn thể hiện sự phát triển mới ngày càng toàn diện tư duy lý luận của Đảng trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới phù hợp với diễn biến tình hình và yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho đất nước. Thế và lực của đất nước được tăng cường; uy tín, vị thế của Đảng, của đất nước ngày càng được khẳng định và

nâng cao trên trường quốc tế, được cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng, đánh giá cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Báo cáo đã chỉ rõ những hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư nhiệm kỳ Đại hội XII như: Việc thể chế hóa, cụ thể hóa một số nghị quyết của Đảng còn chậm; tổ chức thực hiện vẫn còn là khâu yếu. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường còn một số hạn chế, bất cập. Việc triển khai các công trình trọng điểm quốc gia, giải ngân vốn đầu tư công còn chậm. Đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Có lúc, có nơi việc xây dựng tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật và thực thi công vụ vẫn còn là khâu yếu; kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm... Qua đó, Báo cáo rút ra 05 bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

6. Kết quả bầu cử Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XIII

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII gồm 200 đồng chí, trong đó 180 đồng chí Ủy viên chính thức, 20 đồng chí Ủy viên dự khuyết.

Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII đã họp Hội nghị lần thứ nhất, bầu Bộ Chính trị gồm 18 đồng chí, Ban Bí thư gồm 11 đồng chí, do Ban Chấp hành Trung ương bầu và một số đồng chí do Bộ Chính trị phân công; Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm 19 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tiếp tục được bầu giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(trích)

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII

Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, nắm bắt thuận lợi, thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nhất là tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu do đại dịch COVID-19; toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã đoàn kết, chung sức, đồng lòng nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật.

Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được duy trì ở mức khá cao; tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. Các lĩnh vực xã hội, môi trường có nhiều tiến bộ. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị được đặc biệt chú trọng, triển khai toàn diện, đồng bộ, hiệu quả. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chuyển biến mạnh mẽ, có bước đột phá gắn kết chặt chẽ giữa "xây" và "chống", có hiệu quả, ngày càng đi vào chiều sâu.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không ngừng được củng cố vững mạnh. Công tác lãnh đạo của Đảng với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tăng cường, mối quan hệ phối hợp ngày càng chặt chẽ, đồng bộ. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố, kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, dân tộc; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế

ngày càng sâu rộng và hiệu quả; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Đặc biệt, trong năm 2020, đại dịch Covid-19 gây ra nhiều thiệt hại về kinh tế - xã hội, song nhờ phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, sự tham gia đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự đồng lòng ủng hộ của nhân dân, đất nước ta đã từng bước kiểm soát có hiệu quả đại dịch Covid-19; từng bước phục hồi sản xuất, kinh doanh và các hoạt động kinh tế - xã hội; ổn định đời sống nhân dân; góp phần củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; khẳng định bản lĩnh, ý chí, truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta, dân tộc ta.

Những thành tựu đạt được 5 năm qua là kết tinh sức sáng tạo của quá trình phấn đấu liên tục, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta qua nhiều nhiệm kỳ đại hội, góp phần tạo nên những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của nước ta qua 35 năm đổi mới. Đạt được những thành tựu nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân bao trùm và quan trọng nhất là sự đoàn kết, thống nhất, sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kịp thời, có hiệu quả của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đảng trong việc triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ Nghị quyết Đại hội lần thứ XII, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn; sự quản lý, điều hành quyết liệt của Chính phủ và chính quyền các cấp; sự nỗ lực đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; sự tham gia tích cực và có hiệu quả của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị; sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên; tinh thần lao động tích cực, cần cù, sáng tạo, trách nhiệm của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân; sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu còn bất cập.

Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa có lúc, có nơi chưa được quan tâm phát huy đầy đủ. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn một số hạn chế.

Mười năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 đã tạo những tiến bộ quan trọng cả về nhận thức lý luận và tổ chức thực hiện, khẳng định những giá trị to lớn của Cương lĩnh, tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo. Kinh tế, văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Tuy nhiên, kinh tế - xã hội phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của đất nước và còn nhiều khó khăn, thách thức. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 và việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt được mục tiêu đề ra. Công cuộc đổi mới và tình hình quốc tế tiếp tục đặt ra nhiều vấn đề về lý

luận và thực tiễn cần phải tập trung giải quyết để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là việc nhận thức, giải quyết đúng, hiệu quả các mối quan hệ lớn.

Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần.

Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu của 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đặc biệt, trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, Cương lĩnh của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, ngọn cờ chiến đấu, ngọn cờ quy tụ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc phấn đấu vì một nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

2. Tầm nhìn và định hướng phát triển

Trong những năm tới, tình hình thế giới và trong nước có cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen; đặt ra nhiều vấn đề mới, yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự

nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải đoàn kết một lòng; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy; có quyết tâm chính trị cao; dự báo chính xác, kịp thời diễn biến của tình hình; chủ động ứng phó kịp thời với mọi tình huống; nỗ lực hơn nữa để tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; không ngừng gia tăng tiềm lực mọi mặt của quốc gia, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và những thành quả phát triển đã đạt được; đưa đất nước vững bước tiến lên, phát triển nhanh và bền vững; quyết tâm thực hiện thắng lợi các quan điểm, mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ trọng tâm sau:

Quan điểm chỉ đạo:

- Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

- Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ

khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025:

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỉ lệ đô thị hóa khoảng 45%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.

Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 74,5 tuổi; tỉ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Về môi trường: Đến năm 2025, tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100%, nông thôn

là 93 - 95%; tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; giữ tỉ lệ che phủ rừng ổn định 42%.

Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030:

(1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

(2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.

(3) Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số

ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kị, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

(4) Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Tăng đầu tư cho phát triển sự nghiệp văn hóa. Xây dựng, phát triển, tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng nhất của đất nước.

(5) Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

(6) Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

(7) Kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương. Chủ động ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; phát hiện sớm và xử lý kịp thời những yếu tố bất lợi, nhất là những yếu tố nguy cơ gây đột biến; đẩy mạnh đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

(8) Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam.

(9) Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò tự quản của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; củng cố, nâng cao niềm tin của nhân dân, tăng cường đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

(10) Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

(11) Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện; tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; đổi mới phương

thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và công tác dân vận của Đảng.

(12) Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn: Quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

Trong nhận thức và giải quyết các quan hệ lớn, cần chú trọng hơn đến bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữ vững độc lập, tự chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức

lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

(2) Tập trung kiểm soát đại dịch Covid-19, tiêm chủng đại trà vắc xin Covid-19 cho cộng đồng; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; có chính sách hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.

(3) Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề

vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

(4) Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

(5) Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là sự gương mẫu tuân theo pháp luật, thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt.

Các đột phá chiến lược:

(1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính

sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công - tư; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật.

(2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 18-CTr/TU
NGÀY 08/7/2021 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ XIII của Đảng
(trích)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

2. Cụ thể hóa những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII thành những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, bảo đảm khả thi, thiết thực và hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

3. Tiếp tục tập trung thực hiện tốt Chương trình hành động số 08-CT/TU, ngày 21/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, đảm bảo các chương trình, đề án đã đề ra được thực hiện đúng lộ trình, đem lại hiệu quả thiết thực.

II. MỤC TIÊU

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, quan liêu, tiêu cực, lãng phí; củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tập trung phát triển và phục hồi kinh tế nhanh, bền vững; kiểm soát hiệu quả dịch, bệnh Covid-19; tăng cường công tác

đổi ngoại và hội nhập quốc tế; làm tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn để nhân dân có chất lượng sống tốt, bình yên và hạnh phúc.

Khơi dậy khát vọng, ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân để xây dựng Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước vào năm 2025; trở thành đô thị trực thuộc Trung ương vào năm 2030, góp phần phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NHIỆM KỲ 2020 - 2025

1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của cấp ủy đảng, xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

1.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng; tập trung xây dựng Đảng về đạo đức

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong toàn Đảng bộ; xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án Đổi mới công tác chính trị, tư tưởng của Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2021 - 2025.

- Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ và quyết liệt hơn việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, giai đoạn 2021 - 2025; làm tốt công tác tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội; phát huy vai trò của báo chí, văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng.

- Cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương, tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, nêu cao danh dự, lòng tự trọng của người đảng viên.

1.2. Đẩy mạnh xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của cấp ủy đảng, xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính trị của tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh theo vị trí việc làm.

- Nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực của cấp ủy đảng các cấp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, triển khai đúng đắn, hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn tỉnh; khắc phục những hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

- Đổi mới phương thức hoạt động, sinh hoạt của chi bộ; nâng cao chất lượng đảng viên; chú trọng việc xây dựng tổ chức đảng và phát triển đảng viên ở thôn, tổ dân phố, trường học và trong các đơn vị kinh tế tư nhân.

- Triển khai chặt chẽ, đúng quy trình về công tác nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, giới thiệu cán bộ ứng cử; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung; xử lý nghiêm minh, đồng bộ giữa kỷ luật của Đảng với kỷ luật của Nhà nước và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ vi phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ.

- Cụ thể hóa các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác tổ chức, cán bộ để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng

bộ; tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cán bộ nhằm đảm bảo cơ cấu, tỉ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ theo quy định.

1.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, quy trình, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng để thực hiện thống nhất trong toàn Đảng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Tiến hành công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên, toàn diện, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ; chú trọng công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, nhất là các lĩnh vực, địa bàn dễ phát sinh tiêu cực.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm tra, giám sát; chủ động cung cấp thông tin sau mỗi kỳ họp của ủy ban kiểm tra để phát huy hiệu quả phòng ngừa, giáo dục, răn đe và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

1.4. Làm tốt công tác dân vận, phát huy quyền làm chủ của nhân dân

- Đưa nội dung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác dân vận vào chương trình, kế hoạch hằng năm của cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh phong trào “*Dân vận khéo*”; cụ thể hóa phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”; xây dựng và thực hiện tốt Đề án Nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền trong việc triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh và giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; nâng cao hiệu quả công tác vận động, thuyết phục người dân, hòa giải ở cơ sở; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện

tốt phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*”, “*nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*” nhằm tăng mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Đổi mới công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào có đạo, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng.

1.5. Nâng cao chất lượng công tác nội chính, cải cách tư pháp; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

- Xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh; nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong công tác tư pháp, cải cách tư pháp, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, xử lý nghiêm tình trạng những nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp kiểm soát quyền lực, kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn.

- Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, nhất là đối với những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng; rà soát, xử lý dứt điểm các vụ việc sai phạm theo Thông báo số 680-TB/UBKTTW của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; đẩy nhanh tiến độ khắc phục các hậu quả sai phạm để giải phóng nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Tập trung vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa phục hồi phát triển kinh tế - xã hội; quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển bền vững; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

2.1. Về phòng, chống dịch Covid-19

- Triển khai hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới; xây dựng kế hoạch ứng phó với dịch bệnh kéo dài.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch mua và sử dụng vắc xin phòng Covid-19 cho người dân tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Phục hồi phát triển kinh tế - xã hội; quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển bền vững

- Chủ động thực hiện các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch, lao động, việc làm...

- Tập trung nguồn vốn đầu tư công để hoàn thành các công trình, dự án trọng điểm, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân theo phương thức đối tác công - tư; đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công; tạo điều kiện thúc đẩy hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn tại tỉnh.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; phát triển bền vững kinh tế biển; ban hành và triển khai thực hiện tốt Đề án phát triển kinh tế biển Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; quyết liệt thực hiện các giải pháp đẩy mạnh giải ngân và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, gắn với

trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; kiên quyết cắt giảm, điều chuyển vốn đầu tư công các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn.

- Tập trung giải quyết vướng mắc liên quan đến các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; tăng cường kiểm tra, đôn đốc tiến độ, xử lý sai phạm các dự án đầu tư ngoài ngân sách.

- Xây dựng và triển khai Chương trình xúc tiến đầu tư giai đoạn 2021 - 2025; danh mục dự án trọng điểm ngoài ngân sách kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng ưu tiên các dự án có công nghệ cao, mô hình quản trị hiện đại, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, có khả năng lan tỏa và kết nối chặt chẽ với các khu vực kinh tế trong tỉnh.

2.3. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Sớm hoàn thành việc: điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Nha Trang đến năm 2040; điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Vân Phong; lập Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tăng cường bảo vệ, phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, bảo vệ các hệ sinh thái đất ngập nước; xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa về tài nguyên biển; thực hiện hiệu quả Chương trình trồng mới 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo an toàn các hồ chứa hiện có và đẩy nhanh tiến độ xây dựng hồ chứa mới để đủ nguồn tích trữ nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; hoàn chỉnh quy trình vận hành liên hồ hiệu quả, bảo đảm an ninh nước ngọt trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường quản lý, kiểm soát, bảo vệ tài nguyên; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai

thác, sử dụng tài nguyên. Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, vật liệu mới, vật liệu tái chế.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; lồng ghép công tác phòng ngừa thiên tai vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo cơ sở hạ tầng ở các khu đô thị, các dự án ven sông, sát núi đáp ứng khả năng tiêu thoát lũ, chống ngập lụt, sạt lở.

3. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế, tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ

3.1. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các ngành kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và Tỉnh ủy về tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách để hình thành, vận hành mô hình kinh tế tuần hoàn; khuyến khích phát triển kinh tế xanh trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, chú trọng phát triển dịch vụ logistics; xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án Chiến lược phát triển du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng Khánh Hòa là trung tâm du lịch biển, nghỉ dưỡng, lịch sử, di sản, sinh thái mang tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; thu hút và phát triển mạnh các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp có lợi thế của tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị sản xuất, áp

dựng mô hình quản lý sản xuất tiên tiến; phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu tại chỗ và hoạt động du lịch, xuất khẩu.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, xây dựng thương hiệu nông sản Khánh Hòa; hình thành các vùng sản xuất tập trung thâm canh cao, liên kết sản xuất theo chuỗi; đưa các giống mới cho năng suất, chất lượng cao, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, vào trồng trọt, chăn nuôi; chú trọng công nghệ sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

- Tập trung phát triển các ngành kinh tế biển có lợi thế như: dịch vụ du lịch biển, đảo chất lượng cao; công nghiệp, cảng biển, vận tải biển; kinh tế đảo; nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản; phát triển trung tâm dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá. Xây dựng các khu công nghiệp gắn với phát triển đô thị ven biển.

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đẩy mạnh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong nhân dân.

3.2. Phát triển đồng bộ các thành phần kinh tế, tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương và chương trình hành động của Tỉnh ủy về: hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa; phát triển kinh tế tư nhân; đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Xây dựng cơ chế, chính sách và tập trung nguồn lực để đẩy mạnh phát triển 03 vùng động lực: Khu kinh tế Vân Phong, thành phố Nha Trang và Khu vực vịnh Cam Ranh.

- Đẩy mạnh liên kết với các tỉnh lân cận để thực hiện tốt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, trong đó, Khánh Hòa giữ vai trò động lực, tập trung ở các lĩnh vực: Du lịch, đào tạo nguồn nhân lực, thu hút đầu tư hạ tầng, phát triển thủy sản, công nghiệp hỗ trợ...

- Thúc đẩy thực hiện các chính sách nhằm tăng cường năng lực tiếp cận và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên địa bàn tỉnh, tập trung ở các ngành có mức độ sẵn sàng cao như: công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn, an ninh mạng, công nghiệp chế tạo thông minh, tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử, nông nghiệp số, du lịch số, y tế, giáo dục và đào tạo; triển khai hiệu quả Đề án thí điểm xây dựng khu dân cư điện tử.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, trong đó, chú trọng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ. Thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; thành lập Trung tâm dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị văn minh, hiện đại

4.1. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp; thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

- Xây dựng hệ thống chính quyền tinh gọn gắn với triển khai hiệu quả Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, trong đó, chú trọng nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Tiếp tục triển khai tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh xây dựng, phát triển Chính quyền số tỉnh Khánh Hòa, chú trọng xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng công nghệ để phát triển Chính quyền số. Gắn kết ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính; đổi mới phương thức phục vụ người dân và doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia.

- Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp cải cách hành chính, cải thiện vị trí xếp hạng đối với các chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Cải cách hành chính (PAR Index). Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, tháo gỡ vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển; chuẩn bị tốt các điều kiện về đất đai, cơ sở hạ tầng, nhân lực... để thu hút đầu tư.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh quảng bá trực tiếp các sản phẩm đến người tiêu dùng ở các thị trường nước ngoài, nhất là các nước mà Việt Nam đã ký kết hiệp định thương mại tự do; tiếp tục phát triển thị trường

trong nước gắn với Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng thương mại; nâng cấp, cải tạo các chợ trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phục vụ nhu cầu mua bán của nhân dân.

- Tăng cường công tác quản lý các hoạt động thương mại điện tử, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, mua bán hàng hóa thông qua Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Khánh Hòa.

4.2. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển đô thị văn minh, hiện đại, có chất lượng môi trường sống tốt

- Phối hợp với các bộ, ban, ngành Trung ương tham mưu Bộ Chính trị tổng kết việc thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; đề xuất Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, hướng đến xây dựng Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương vào năm 2030.

- Tăng cường quản lý phát triển đô thị, xử lý hiệu quả các vấn đề: ùn tắc giao thông, bãi đỗ xe, ngập úng, môi trường và rác thải đô thị; tập trung thực hiện hiệu quả dự án hạ tầng kết hợp quản lý rủi ro thiên tai, dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải; rà soát, cập nhật hoàn thiện cơ sở dữ liệu đô thị.

- Tiếp tục nâng cấp, cải tạo mạng lưới giao thông, phát triển hệ thống giao thông tỉnh, giao thông công cộng; triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới các tuyến

đường bộ để kết nối đồng bộ giữa đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển và đường hàng không; phối hợp triển khai đảm bảo tiến độ và chất lượng đối với các dự án quốc gia trên địa bàn tỉnh; đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh.

5. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, các nghị quyết về cơ chế, chính sách của tỉnh nhằm phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội, tạo môi trường sống an toàn, mọi người dân có điều kiện xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, chất lượng cuộc sống được nâng lên.

- Thực hiện tốt công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa; đầu tư các công trình văn hóa trọng điểm, các thiết chế văn hóa. Tập trung đầu tư và hoàn thành một số đề án, dự án về văn hóa trong giai đoạn 2020 - 2025.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến; nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân với các dịch vụ y tế; bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân; đẩy mạnh công tác xã hội hóa y tế; triển khai dự án nâng cấp, xây dựng 3 bệnh viện (đa khoa, ung bướu, y học cổ truyền).

- Rà soát, tổ chức, sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp; xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045; triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030; Giải quyết lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên mầm non và phổ

thông công lập giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030... Đẩy mạnh kêu gọi đầu tư xã hội hóa để phát triển mạng lưới trường học ngoài công lập.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, các chính sách trợ giúp xã hội; Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách của Nhà nước về công tác giảm nghèo nhằm thay đổi nhận thức, khơi dậy tính chủ động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các cơ sở trợ giúp xã hội, xã hội hóa dịch vụ công để giảm bớt gánh nặng tài chính cho Nhà nước; tạo điều kiện để khu vực tư nhân đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, giúp đỡ các đối tượng yếu thế.

- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị luyện tập để phát triển thể thao quần chúng, thể thao học đường, phát triển các phong trào rèn luyện thân thể trong cộng đồng; đồng thời, chú trọng đầu tư cho thể thao thành tích cao, nhất là các môn thi đấu tỉnh có thể mạnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo, tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng quy định của pháp luật; chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh.

6. Thực hiện tốt công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới biển, đảo

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh; nâng cao sức mạnh tổng hợp và sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang tỉnh; hoàn thành công tác tuyển quân hàng năm; thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội; tập trung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp, xây dựng lực lượng dự bị động viên bảo đảm chất lượng.

- Bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới biển, đảo; thành lập và đưa vào hoạt động Hải đội dân quân thường trực; phối hợp xây dựng huyện Trường Sa thành khu vực phòng thủ vững chắc; tích cực tham gia đảm bảo an ninh các tuyến hàng hải quốc tế đi qua quần đảo Trường Sa.

- Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn; đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống và trấn áp tội phạm; phòng chống cháy nổ. Đảm bảo các điều kiện cần thiết phục vụ yêu cầu công tác, chiến đấu, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của lực lượng quân sự, công an, biên phòng; hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị, phương tiện làm việc cho lực lượng Công an xã chính quy, các đồn biên phòng trên khu vực biên giới biển của tỉnh.

- Gắn kết chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục duy trì và phát triển công tác đối ngoại địa phương, đối ngoại nhân dân, thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại quốc phòng.

7. Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong xây dựng và phát triển tỉnh

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp, nhất là tham gia hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thực hành dân chủ rộng rãi trong xã hội, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân.

- Tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, vận động và tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trong thực hiện các chủ trương của Trung ương, của tỉnh, nhất là 04 chương trình phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2021 - 2025 và phát triển 3 vùng động lực (Khu vực vịnh Cam Ranh, thành phố Nha Trang, Khu kinh tế Vân Phong).

- Nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên trong các tổ chức chính trị - xã hội, làm nòng cốt trong việc vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVIII, NHIỆM KỲ 2020 - 2025

(trích)

1. Về đánh giá tình hình 5 năm 2015 - 2020

Năm năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và các ý kiến chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước khi đến làm việc với Khánh Hòa, tỉnh đã thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, đạt và vượt 16/20 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Mục tiêu xây dựng Khánh Hòa giàu đẹp đã đạt được những kết quả tích cực. So với khu vực và cả nước, Khánh Hòa đang từng bước trở thành một trong những trung tâm kinh tế và trung tâm du lịch lớn. Giai đoạn 2016 - 2020, quy mô GRDP của Khánh Hòa xếp thứ 24/63 tỉnh, thành phố trong cả nước (trong đó, quy mô ngành dịch vụ xếp thứ 12/63), xếp thứ 4/14 tỉnh, thành phố thuộc vùng khu vực miền Trung (quy mô ngành dịch vụ xếp thứ 4/14), xếp thứ 3/8 tỉnh, thành phố khu vực duyên hải Nam Trung bộ (quy mô ngành dịch vụ xếp thứ 2/8, sau thành phố Đà Nẵng); GRDP bình quân đầu người xếp trong khoảng từ 14-17/63 tỉnh, thành phố; xếp thứ 3/14 tỉnh, thành phố thuộc khu vực miền Trung và xếp thứ 3/8 tỉnh, thành phố khu vực duyên hải Nam Trung bộ; tiếp tục duy trì là một trong 16 tỉnh có đóng góp vào ngân sách Trung ương. Hệ thống các đô thị trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư đồng bộ theo hướng văn minh, hiện đại; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp; phát triển các ngành dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; thu nhập bình quân đầu người tăng và không ngừng chăm lo sức khỏe, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; chất lượng giáo dục - đào tạo tăng lên,

khoa học - công nghệ được quan tâm; công tác bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, di tích lịch sử được tăng cường; triển khai tốt nhiệm vụ xây dựng, củng cố các tiềm lực trong khu vực phòng thủ tỉnh, bảo đảm hài hòa phát triển kinh tế đi đôi với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; Khánh Hòa được các bộ, ngành Trung ương, các tổ chức trong và ngoài nước thường xuyên lựa chọn để tổ chức nhiều sự kiện văn hóa, du lịch, hội nghị, hội thảo khoa học mang tầm quốc gia và quốc tế.

Công tác chăm lo xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã được triển khai bài bản, thường xuyên, qua đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị trong tỉnh và xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

Những thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ qua là thành quả của sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan ở Trung ương; sự kiên quyết trong lãnh đạo của cấp ủy, sự nỗ lực trong điều hành của chính quyền các cấp, cùng sự đoàn kết, thống nhất, cố gắng vượt qua khó khăn của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, có 4/20 chỉ tiêu không đạt. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh hiện có. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đất đai, môi trường, đầu tư, kinh doanh, thông tin, báo chí,... còn nhiều bất

cập, hạn chế. Chất lượng cuộc sống của nhân dân đã được cải thiện, song tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Những sai phạm nghiêm trọng của tỉnh đã ảnh hưởng không tốt đến uy tín của cấp ủy, chính quyền địa phương, gây bức xúc trong xã hội. Nhận thức và ý thức trách nhiệm của số ít cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu chưa thật đầy đủ, sâu sắc, toàn diện; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn thấp; công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên ở một số nơi chưa được quan tâm thường xuyên; công tác vận động quần chúng và hoạt động của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội ở một số địa phương thiếu chủ động, chưa linh hoạt.

Đại hội đã phân tích, chỉ ra những nguyên nhân chủ quan, khách quan, rút ra những bài học kinh nghiệm và giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII có trách nhiệm tiếp thu, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, đề ra lộ trình sớm khắc phục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

2. Về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp 5 năm 2020 - 2025

2.1. Phương hướng, mục tiêu chung

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, quan liêu, tiêu cực, lãng phí; phát huy sức mạnh toàn dân, củng cố lòng tin và sự đồng thuận của nhân dân; làm tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; tăng cường hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững, trên cơ sở đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, du lịch, công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tập trung xây dựng ngành nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Thực hiện có hiệu quả các nghị quyết và chương trình về phát triển kinh tế - xã hội; phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tập trung xây dựng tỉnh Khánh Hòa ngày càng giàu đẹp, trở thành trung tâm kinh tế - du lịch, khoa học và công nghệ, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế du lịch và chăm sóc sức khỏe nhân dân của vùng duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và của cả nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025: Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước.

- Đến năm 2030: Khánh Hòa phát triển toàn diện trên các lĩnh vực, trở thành đô thị trực thuộc Trung ương.

- Đến năm 2045: Khánh Hòa trở thành địa phương phát triển hiện đại; thu nhập bình quân của người dân Khánh Hòa thuộc nhóm các tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

2.3. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

** Về kinh tế:*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm đạt 7,5% trở lên.

- GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 5.685 USD.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiếp tục tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ (chiếm 52,6%), công nghiệp, xây dựng (chiếm 31,1%) và giảm tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản (chiếm 7,8%).

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2025 đạt 2 tỷ USD.

- Thu ngân sách nội địa năm 2025 gấp 2,2 lần so với năm 2020.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021 - 2025 đạt trên 360 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm trên 12%.

- Tỷ lệ huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GRDP hàng năm đạt 55-60%.

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong GRDP bình quân hàng năm đạt 40%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động (giá so sánh) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 6,8%.

** Về văn hóa - xã hội:*

- Số hộ nghèo năm 2025 giảm 1/2 so với năm đầu nhiệm kỳ (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025). Huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh phấn đấu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 4 - 5%/năm.

- Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân hàng năm trên 11,5 nghìn người; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 3,8%.

- Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia ở 4 cấp học (mầm non, tiểu học, THCS và THPT) đến năm 2025 đạt 65,57%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%.

- Đến năm 2025, đạt 12,5 bác sĩ (10 bác sĩ công lập) trên 10.000 dân và 37,5 giường bệnh (33,5 giường công lập) trên 10.000 dân (không kể trạm y tế xã).

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2025 dưới 8,5%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên 45%.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 65%.

- Đến năm 2025, có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

** Về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững:*

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt trên 46,5%.

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đến năm 2025 đạt 70%, nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường năm 2025 đạt 100%;

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị năm 2025 đạt 100%;

- Tỷ lệ xử lý chất thải y tế (nước thải, chất thải rắn) đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường năm 2025 đạt 90%.

** Về xây dựng Đảng:*

- Phần đầu hàng năm có trên 60% số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và từ 15% đến 20% tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ so với tổng số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ (tương ứng tỷ lệ từ 9% - 12%).

- Phần đầu phát triển đảng viên bình quân hàng năm đạt từ 1.700 đồng chí trở lên, trong đó có 55% trở lên trong độ tuổi thanh niên.

- Phần đầu 50% đơn vị kinh tế tư nhân (có đủ các điều kiện cơ bản) đã có tổ chức đoàn thanh niên và công đoàn cơ sở, thành lập tổ chức đảng.

2.4. Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

(1) Thực hiện 4 chương trình kinh tế - xã hội, phát triển 3 vùng động lực, đẩy mạnh kinh tế biển là nhiệm vụ ưu tiên chiến lược, mang tính đột phá; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

(2) Đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; chú trọng phát triển khu vực kinh tế tư nhân, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước.

(3) Phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội, khoa học - công nghệ; đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

(4) Triển khai có hiệu quả nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng khu vực phòng thủ, giữ vững ổn định chính trị xã hội trên địa bàn, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới biển, đảo.

(5) Hoàn thiện bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính.

(6) Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong tỉnh.

(7) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng; phát huy dân chủ, thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

(8) Thực hiện có hiệu quả Kết luận của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; trình Bộ Chính trị ban hành chủ trương phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.5. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Các nhiệm vụ trọng tâm:

(1) Tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, đơn vị đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Quyết tâm khắc phục các hạn chế, khuyết điểm và sửa chữa các sai phạm để củng cố niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân.

(2) Đẩy mạnh phát triển kinh tế, trong đó trọng tâm là thúc đẩy phát triển công nghiệp, phát triển du lịch chất lượng cao, phát triển kinh tế biển và đẩy mạnh thực hiện 3 vùng động lực phát triển và 4 chương trình kinh tế - xã hội.

(3) Làm tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ vững sự ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, nhằm tạo môi trường ổn định để tỉnh phát triển toàn diện trên các lĩnh vực.

(4) Thường xuyên chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển

xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; tập trung công tác giảm nghèo, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và khu vực miền núi.

- Các đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025:

(1) Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch tỉnh; tập trung cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, bình đẳng để thu hút đầu tư xã hội.

(2) Tập trung phát triển khu vực Bắc Vân Phong, tạo động lực phát triển mới.

(3) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo.

(4) Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại, hướng tới mục tiêu tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương, có chất lượng môi trường sống tốt và là trung tâm du lịch tầm cỡ quốc tế.

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 08-CTr/TU,
NGÀY 21/12/2020 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh
lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
(trích)**

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

1. Tạo sự thống nhất trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra, làm cho Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhanh chóng được triển khai thực hiện trong thực tiễn.

2. Cụ thể hóa các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

II. Yêu cầu

1. Triển khai đầy đủ, toàn diện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội mà Nghị quyết Đại hội đã đề ra, nhất là lựa chọn triển khai thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 để tập trung chỉ đạo, tạo động lực phát triển cho tỉnh trong 5 năm, 10 năm, 25 năm tiếp theo.

2. Phải xác định được các cơ chế, chính sách chủ yếu và lộ trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá.

B. MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2025

I. Mục tiêu đến năm 2025

1. Mục tiêu chung

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng chống tham nhũng, quan liêu, tiêu cực, lãng phí; phát huy sức mạnh toàn dân, củng cố lòng tin và sự đồng thuận của nhân dân; làm tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; tăng cường hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Tập trung phát triển kinh tế nhanh, bền vững, trên cơ sở đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, du lịch, công nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tập trung xây dựng ngành nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Thực hiện có hiệu quả các nghị quyết và chương trình về phát triển kinh tế - xã hội; trong đó chú trọng việc huy động nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - thể thao, khoa học - công nghệ. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tập trung xây dựng tỉnh Khánh Hòa ngày càng giàu đẹp, trở thành trung tâm kinh tế - du lịch, khoa học và công nghệ, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế du lịch và chăm sóc sức khỏe nhân dân của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2025, Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước; tạo nền tảng để đến năm 2030, Khánh Hòa phát triển toàn diện

trên các lĩnh vực, trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; đến năm 2045, Khánh Hòa trở thành địa phương phát triển hiện đại, thu nhập bình quân của người dân Khánh Hòa thuộc nhóm các tỉnh, thành phố cao nhất cả nước.

II. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025

1. Về kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt từ 8 - 8,5%.

- GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 5.685 USD.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiếp tục tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ (chiếm 52,6%), công nghiệp, xây dựng (chiếm 31,1%) và giảm tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản (chiếm 7,8%).

- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2025 đạt 2 tỷ USD.

- Thu ngân sách nội địa năm 2025 gấp 2,2 lần so với năm 2020.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm 2021 - 2025 đạt trên 360 nghìn tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân hàng năm trên 12%.

- Tỷ lệ huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội/GRDP hàng năm đạt 55 - 60%.

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong GRDP bình quân hàng năm đạt 40%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động (giá so sánh) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 7,7%.

2. Về văn hóa - xã hội

- Số hộ nghèo năm 2025 giảm 1/2 so với năm đầu nhiệm kỳ (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025). Huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh phấn đấu mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 4 - 5%/năm.

- Số người lao động có việc làm tăng thêm bình quân hàng năm trên 11,5 nghìn người; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 3,8%.

- Số trường công lập đạt chuẩn quốc gia ở 4 cấp học (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông) đến năm 2025 đạt 65,57%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%; tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%.

- Đến năm 2025, đạt 12,5 bác sĩ (10 bác sĩ công lập) trên 10.000 dân và 37,5 giường bệnh (33,5 giường công lập) trên 10.000 dân (không kể trạm y tế xã).

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi đến năm 2025 dưới 8,5%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt trên 45%.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 65%.

- Đến năm 2025, có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã dưới 15 tiêu chí; các huyện Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm đạt chuẩn huyện nông thôn mới; thành phố Cam Ranh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

3. Về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt trên 46,5%.

- Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đến năm 2025 đạt 70%, nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường năm 2025 đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị năm 2025 đạt 100%.
- Tỷ lệ xử lý chất thải y tế (nước thải, chất thải rắn) đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường năm 2025 đạt 90%.

4. Về xây dựng Đảng

- Phần đầu hàng năm có trên 60% số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ và từ 15% đến 20% tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ so với tổng số tổ chức cơ sở đảng đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ (tương ứng tỷ lệ từ 9% - 12%).

- Phần đầu phát triển đảng viên bình quân hàng năm đạt từ 1.700 đồng chí trở lên, trong đó có 55% trở lên trong độ tuổi thanh niên.

- Phần đầu 50% đơn vị kinh tế tư nhân (có đủ các điều kiện cơ bản) đã có tổ chức đoàn thanh niên và công đoàn cơ sở, thành lập tổ chức đảng.

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

I. Về kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh

1. Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế

1.1. Công nghiệp

- Tiếp tục triển khai Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Tập trung thu hút và phát triển mạnh các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp có lợi thế của tỉnh như công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo; trong đó ưu tiên, khuyến khích các dự án lớn có tính động lực, sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng, sử dụng ít tài nguyên, tạo ra giá trị gia tăng lớn, có khả năng đóng góp nhiều cho ngân sách của tỉnh như Dự án Nhà

máy Nhiệt điện BOT Vân Phong, các dự án về điện khí, khí hóa lỏng... Quan tâm phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp để phục vụ nhu cầu tại chỗ, hoạt động du lịch và xuất khẩu, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các khu chức năng phát triển công nghiệp trong Khu kinh tế Vân Phong, như: Suối Dầu (Cam Lâm), Ninh Thủy, Ninh Tịnh, Ninh Hải (Ninh Hòa), Nam Cam Ranh (Cam Ranh), Vạn Thắng, Dốc Đá Trắng (Vạn Ninh) và 12 cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức rà soát quy hoạch và thu hút các nhà đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các khu công nghiệp gắn với phát triển đô thị - dịch vụ và cảng biển.

1.2. Thương mại, dịch vụ và du lịch

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu các sản phẩm đến các nước, tạo cơ hội hợp tác kinh doanh, đẩy mạnh xuất khẩu. Triển khai có hiệu quả các chương trình thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

- Thực hiện các chương trình xúc tiến đầu tư kết hợp xúc tiến thương mại, du lịch trong và ngoài nước; chú trọng công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư, doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục đầu tư, kinh doanh. Phổ biến thông tin thị trường và các rào cản kỹ thuật, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu tại các thị trường mà Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như: Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp

định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm tra việc thực hiện quy định về niêm yết giá.

- Xây dựng Chiến lược phát triển du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra và phù hợp với Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

- Phối hợp với các hãng hàng không xây dựng chương trình hợp tác để thiết lập một số đường bay mới, kết nối Khánh Hòa với các điểm du lịch trên thế giới nhằm mở rộng mạng lưới giao thông, kết nối du lịch.

1.3. Nông, lâm, thủy sản

- Xây dựng định hướng phát triển ngành nông nghiệp để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; tăng cường liên kết theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới; đầu tư nông nghiệp công nghệ cao, phát triển vùng, cơ sở sản xuất tập trung, chuyên canh cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; xây dựng thương hiệu nông sản Khánh Hòa, nhất là các loại nông sản có lợi thế cạnh tranh như xoài, sầu riêng, mía tím, bưởi...

- Đầu tư phát triển trung tâm nghề cá lớn; hỗ trợ ngư dân hiện đại hóa phương tiện đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; nâng cao hiệu quả khai thác, chế biến thủy sản, đẩy mạnh đổi mới công nghệ gắn với sản xuất sạch theo các tiêu chuẩn phổ biến của quốc tế để gia tăng giá trị sản phẩm. Thực hiện tốt các nội dung phát triển ngành thủy sản,

bảo vệ và khai thác các nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, hình thành ổn định các vùng nuôi trồng thâm canh cao, các vùng sản xuất giống tập trung, an toàn, sạch bệnh. Triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, góp phần sớm gỡ bỏ “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu (EC) đối với ngành thủy sản Việt Nam.

- Phát triển chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo hình thức công nghiệp áp dụng công nghệ cao. Sớm hoàn thành các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung kết hợp sơ chế, nhà máy chế biến, bảo quản.

- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa để đảm bảo an toàn các hồ chứa hiện có; đẩy nhanh xây dựng các hồ: Sông Chò 1, Chà Rang, Suối Sâu, Sông Cạn, Sơn Trung, Cam Ranh; triển khai xây dựng hồ Đồng Điền tạo nguồn tích trữ nước và phục vụ sản xuất của các dự án khu vực Bắc Vân Phong.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh được tổ chức theo Luật Hợp tác xã; hình thành các mô hình hợp tác xã kiểu mới hoạt động có hiệu quả.

1.4. Phát triển kinh tế biển

- Xây dựng quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết về sử dụng vùng biển, bờ biển, tài nguyên biển của tỉnh.

- Đẩy mạnh ứng dụng, nghiên cứu khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển; xây dựng cơ chế, chính sách, huy động và phát huy các nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế biển; đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển các xã, làng nghề ven biển, hải đảo.

Phát triển các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên: (1) Dịch vụ, du lịch biển chất lượng cao; (2) Công nghiệp, cảng biển, khu kinh tế gắn với phát triển các khu đô thị ven biển;

(3) Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản gắn với xây dựng nông thôn mới; (4) Dịch vụ hậu cần và hạ tầng nghề cá, vận tải biển - hàng không; (5) Kinh tế đảo.

2. Thực hiện 4 chương trình kinh tế - xã hội và phát triển 3 vùng động lực

2.1. Thực hiện hiệu quả 4 chương trình kinh tế - xã hội

Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương trình hành động và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả 4 chương trình kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, gồm:

a) Chương trình phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có, tập trung vào các khối: quản lý hành chính, sự nghiệp, khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, khối sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp với các trường, viện, cơ sở đào tạo của Trung ương trên địa bàn tỉnh để đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh; nghiên cứu ban hành chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế biển và các nhóm ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp - chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, chăm sóc sức khỏe... về làm việc tại tỉnh.

- Sử dụng hiệu quả các nguồn lực hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các chương trình, dự án hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế để tăng cường đầu tư cho giáo dục; khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nâng cao trình độ, đáp ứng các tiêu chí để tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các chương trình hợp tác quốc tế và đề án của Trung ương.

b) Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh và phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Phát triển hệ thống các đô thị trên địa bàn tỉnh theo lộ trình được đề ra tại Chương trình phát triển đô thị tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025; đầu tư đồng bộ các hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch đô thị được phê duyệt, đảm bảo kết nối hạ tầng thông suốt giữa các đô thị trên địa bàn tỉnh và giữa tỉnh Khánh Hòa với các khu vực lân cận.

- Đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng các công trình nhà ở xã hội, nhà ở phục vụ người lao động và các công trình phúc lợi tại các khu, cụm công nghiệp; kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị (trung tâm dịch vụ, thương mại; trung tâm văn hóa, thể thao; các công trình giáo dục, y tế,...) theo hướng xã hội hóa.

c) Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

- Triển khai tốt công tác tuyên truyền, vận động để người dân đồng thuận, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, góp phần hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới.

- Ưu tiên nguồn lực, bố trí kinh phí, hỗ trợ các địa phương để đạt các tiêu chí còn thiếu, nhất là các tiêu chí về thiết chế văn hóa, hạ tầng giao thông, bảo đảm an ninh, trật tự... Trong đó, khẩn trương thành lập hợp tác xã dựa trên thế mạnh của địa phương để đạt tiêu chí tổ chức sản xuất; đối với các địa phương có chợ xã chưa đạt chuẩn thì sử dụng cửa hàng tiện lợi hoặc hàng hóa kinh doanh đảm bảo các nhu cầu thiết yếu của người dân làm cơ sở đánh giá đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Hướng dẫn các mô hình sản xuất, giải quyết việc làm để tăng thu nhập cho người dân nông thôn; tiếp tục triển khai

thực hiện sâu rộng Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Giải quyết vấn đề môi trường, gắn phát triển nông nghiệp với đô thị theo quy hoạch.

d) Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

- Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

- Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả nước; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao mức sống của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

- Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ hủ tục lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới, giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.

- Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường

khởi đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2.2. Phát triển 3 vùng động lực

Xây dựng, ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả phát triển 3 vùng động lực giai đoạn 2021 - 2025, gồm:

a) Khu vực vịnh Vân Phong

Phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành vùng kinh tế trọng điểm, động lực của tỉnh và khu vực Nam Trung bộ.

- Xây dựng Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển Khu kinh tế Vân Phong để tập trung nguồn lực triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Khẩn trương rà soát, điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong để phát huy hiệu quả các tiềm năng và lợi thế so sánh của khu vực vịnh Vân Phong, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

- Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển khu vực vịnh Vân Phong để tạo động lực phát triển mới cho khu vực.

- Rà soát, phủ kín quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng đối với các khu chức năng trong Khu kinh tế để làm căn cứ triển khai thu hút đầu tư các dự án.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thu hút đầu tư các dự án có quy mô lớn, phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế đã được phê duyệt để tạo sự phát triển lan tỏa cho cả tỉnh và của khu vực.

- Hoàn thành các công trình giao thông trọng điểm như: Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đến Đầm Môn; đường giao thông ngoài Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong; nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường

ĐT.652 đến Quốc lộ 26B), đường Nguyễn Huệ (ĐT.651C) nhằm cơ bản hoàn thiện các trục giao thông chính, là cơ sở quan trọng để thu hút các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong; đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án thành phần đường bộ cao tốc Vân Phong - Nha Trang.

b) Khu vực vịnh Cam Ranh

Phát triển khu vực vịnh Cam Ranh trở thành vùng trọng điểm về kinh tế, xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

- Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và thẩm định các quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng các phân khu chức năng của khu vực vịnh Cam Ranh còn thiếu. Tập trung phát triển ngành công nghiệp đóng tàu, hàng hải, vận tải biển, dịch vụ cảng biển. Chú trọng phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp phục vụ nhu cầu tại chỗ, du lịch và xuất khẩu.

- Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án: Hồ chứa nước Tà Rục, các hệ thống cấp nước để phục vụ sinh hoạt và sản xuất của người dân, các dự án ngoài ngân sách tại khu du lịch bán đảo Cam Ranh. Giải quyết dứt điểm các vướng mắc đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách tại thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lâm.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thu hút đầu tư thực hiện Dự án Khu công nghiệp Nam Cam Ranh, các dự án điện mặt trời...

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nha Trang - Cam Lâm và Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông; sớm đưa các dự án vào khai thác, đảm bảo phù hợp với định hướng và quy hoạch phát triển giao thông vận tải; kết nối với các trung tâm kinh tế,

chính trị các tỉnh Nam Trung bộ và vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam bộ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

c) Thành phố Nha Trang

Phát triển thành phố Nha Trang trở thành vùng trọng điểm về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học, đào tạo nguồn nhân lực.

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040 theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị phía Tây thành phố Nha Trang và thu hút các dự án phát triển các ngành công nghệ - kỹ thuật cao như: công nghiệp điện tử - tin học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học... vào khu vực này.

- Đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường và tái định cư đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Nha Trang; xử lý dứt điểm các sai phạm về đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư, đặc biệt là tại khu vực núi Chín Khúc, núi Cô Tiên và những khu vực có nguy cơ sạt lở cao tại xã Phước Đồng, xã Vĩnh Thái.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và triển khai Dự án Cầu Xóm Bóng trên Quốc lộ 1C. Hoàn thành các công trình giao thông trọng điểm như: Đường vành đai kết nối nút giao thông Ngọc Hội, Nút giao Ngọc Hội, các tuyến đường kết nối hoàn chỉnh, đồng bộ cơ sở hạ tầng giao thông trong và ngoài khu vực Sân bay Nha Trang cũ, đường Tỉnh lộ 3, đường D30, Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang, Dự án Phát triển tổng hợp tỉnh Khánh Hòa... nhằm giải quyết vấn đề giao thông trên địa bàn thành phố. Đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe tập trung trên địa bàn thành phố Nha Trang và bổ sung quy hoạch các

bãi đỗ xe tạm, nhằm hạn chế tình trạng kẹt xe, quá tải về giao thông trên các tuyến đường của thành phố.

- Hoàn thành Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang; Dự án Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; hoàn thành việc di dời các cơ sở giết mổ ra khỏi thành phố.

- Đẩy mạnh kêu gọi đầu tư xã hội hóa để phát triển mạng lưới trường học ngoài công lập (xây dựng nhà trẻ, mầm non), các cơ sở y tế.

- Tập trung các nguồn lực phát triển du lịch theo hướng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và phát huy giá trị di sản văn hóa; đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, phục vụ du lịch.

- Xây dựng hình ảnh và hình thành thói quen, hành vi ứng xử văn minh, thái độ lịch sự, thân thiện của đội ngũ quản lý, nhân viên các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh phục vụ khách du lịch và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong ngành du lịch; giải quyết triệt để các hành vi không phù hợp đối với du khách tại các điểm đến như: chèo kéo, trộm, cướp tài sản của du khách...

3. Đề xuất và vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phấn đấu phát triển Khánh Hòa trở thành trung tâm kinh tế biển, trung tâm du lịch, dịch vụ lớn của cả nước

- Phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương rà soát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 53-KL/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; tham mưu, đề xuất Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết mới về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

- Phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương đề xuất quy định cơ chế đặc thù cho Khu kinh tế Vân Phong.

4. Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, bình đẳng để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước

- Hoàn thành công tác quy hoạch tỉnh và quy hoạch phân khu 1/2.000 đối với thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh và khu vực vịnh Vân Phong.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ; hoàn thành các công trình trọng điểm, cơ sở hạ tầng tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021 - 2025.

- Đẩy mạnh các giải pháp cải thiện vị trí đối với các chỉ số đánh giá dịch vụ hành chính công như: Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) và Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index) giai đoạn 2020 - 2025; nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, tạo điều kiện tốt nhất cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp khai thác hiệu quả các ứng dụng, dịch vụ trực tuyến.

- Xây dựng và triển khai chương trình đổi mới sáng tạo giai đoạn 2020 - 2025; thành lập và vận hành Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với hình thức phù hợp, kết nối với mạng lưới khởi nghiệp quốc gia.

- Thường xuyên tổ chức tiếp xúc, đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo địa phương với doanh nghiệp để tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các thủ tục đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động.

5. Bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tăng cường bảo vệ rừng, nhất là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng; thực hiện

hiệu quả chính sách giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp, ưu tiên khoán rừng phòng hộ cho cộng đồng, tổ chức kinh tế, hộ gia đình để quản lý bảo vệ và hưởng lợi từ rừng.

- Ngăn chặn suy giảm nguồn lợi thủy sản; từng bước phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản vùng biển gần bờ, quản lý tài nguyên và hệ sinh thái biển.

- Tăng cường quản lý hoạt động khai thác khoáng sản đặc biệt trong công tác phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ; xây dựng quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành liên quan với địa phương về việc khai thác khoáng sản. Tăng cường quản lý, xử lý nghiêm việc khai thác và xuất khẩu khoáng sản trái phép.

- Thực hiện xã hội hóa một số dự án trong xử lý rác thải tập trung với công nghệ hiện đại. Tăng cường hoạt động vận chuyển và xử lý bao bì gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016. Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn đô thị đạt yêu cầu văn minh, hiệu quả. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; tăng cường ứng phó biến đổi khí hậu do nước biển dâng. Nâng cao khả năng chống chịu trước thiên tai của hệ thống đê điều, hồ đập; tăng cường chứa nước để phòng ngừa hạn hán. Lồng ghép công tác phòng ngừa thiên tai vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cơ sở hạ tầng ở các khu đô thị, các dự án ven sông, sát núi... đảm bảo khả năng tiêu thoát lũ, chống ngập lụt, sạt lở.

6. Giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, khoa học - công nghệ, lao động, việc làm và an sinh xã hội

6.1. Giáo dục - đào tạo

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống trường lớp, nhất là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; bổ sung trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục.

- Xây dựng và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Khánh Hòa; phối hợp với Trường Đại học Nha Trang và các trường, viện nghiên cứu trên địa bàn tỉnh đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh.

- Rà soát, đầu tư, củng cố mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch phát triển mạng lưới Y học gia đình giai đoạn 2021 - 2025; Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực y tế Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 và thực hiện chính sách thu hút, đãi ngộ bác sĩ về làm việc tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh, trong đó thực hiện giảm quá tải các bệnh viện tuyến tỉnh; tiếp tục thực hiện các đề án: Giảm quá tải Bệnh viện giai đoạn 2021 - 2025; chuyển giao kỹ thuật và cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ bệnh viện tuyến trên hỗ trợ cho tuyến dưới theo Đề án 1816; Bệnh viện vệ tinh giai đoạn 2021 - 2025. Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở y tế và mua sắm trang thiết bị y tế để phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến, trong đó, chú trọng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế. Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hồ sơ sức khỏe cá nhân, bệnh án điện tử, kê đơn và bán thuốc theo đơn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa y tế, phát triển y tế ngoài công lập.

- Tăng cường các giải pháp để đảm bảo mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân trên địa bàn tỉnh theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra; đảm bảo tốt nhất quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế.

6.3. Văn hóa, thể thao

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và các chỉ thị, nghị quyết về phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Chú trọng giải quyết hợp lý, hài hòa giữa bảo tồn và phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa tiêu biểu, phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế - xã hội. Gắn kết, bảo tồn phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch; bảo tồn phát huy nghệ thuật truyền thống của tỉnh và các giá trị văn hóa phi vật thể, đặc biệt là nghệ thuật bài chòi... Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật như: sáng tác văn học, nghệ thuật, chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật, trưng bày, triển lãm, thư viện, liên hoan, hội thi, hội diễn,... nhằm phục vụ tốt đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân; nâng cao hơn nữa chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Tập trung đầu tư và hoàn thành một số đề án, dự án về văn hóa như: Trùng tu, tôn tạo Thành cổ Diên Khánh; đường vào khu mộ bác sĩ A.Yersin; hoàn thành thủ tục và triển khai đề án xây dựng Bảo tàng tỉnh, trung tâm biểu diễn nghệ thuật...

- Rà soát, quy hoạch quỹ đất xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; chú trọng đến thiết chế văn hóa, thể thao trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm tăng cường tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân.

- Tập trung đầu tư cho các môn thể thao thành tích cao trọng điểm của tỉnh có khả năng đạt thành tích cao tại giải vô địch quốc gia, đại hội thể dục, thể thao toàn quốc; nâng cao hiệu quả công tác tuyển chọn, đào tạo vận động viên của tỉnh, nhất là đội tuyển năng khiếu, đội tuyển trẻ. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, trang, thiết bị luyện tập để phát triển thể thao quần chúng, thể thao học đường, chú trọng các môn bơi, bóng rổ, võ thuật...; tăng cường công tác xã hội hóa, kêu gọi các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện tập luyện nhằm nâng cao chất lượng hoạt động phong trào thể dục, thể thao ở cơ sở gắn với cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

6.4. Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

- Xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với các lĩnh vực tỉnh có thế mạnh; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ gắn với doanh nghiệp, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh; nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ đối với lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản; xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 01/CT-TTg, ngày

14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật về thông tin và truyền thông; các dự án đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của các trung tâm, trạm - trại triển khai, ứng dụng khoa học và công nghệ của tỉnh. Hoàn thành và đưa vào triển khai Đề án thành lập Khu công nghệ cao của tỉnh.

- Xây dựng và triển khai Chương trình chuyển đổi số của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tỉnh cơ bản hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới xây dựng chính quyền số.

6.5. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Xây dựng và triển khai Đề án “Giải quyết lao động, việc làm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, nhất là ở các thị trường có thu nhập cao, an toàn cho người lao động.

- Thực hiện nhanh chóng, kịp thời các chính sách, pháp luật về an sinh xã hội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách trợ giúp đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội.

- Thực hiện tốt Kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo việc thoát nghèo bền vững; đẩy mạnh cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, nhất là ở khu vực huyện Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh.

- Thực hiện tốt Kế hoạch hành động về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Thực hiện các giải pháp nhằm đạt các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp cho lực lượng lao động.

7. Về quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quốc phòng, an ninh. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trong xây dựng, quản lý, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới biển, đảo trên địa bàn tỉnh; phối hợp xây dựng huyện Trường Sa thành khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

- Tiếp tục xây dựng các công trình quốc phòng, đảm bảo đủ khả năng giữ vững khu vực phòng thủ khi có tình huống xảy ra. Tổ chức tốt các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ dân sự (diễn tập phòng, chống khủng bố, sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn ở các cấp).

- Đẩy mạnh và mở rộng công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh; nâng cao sức mạnh tổng hợp và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh; hoàn thành công tác tuyển quân hàng năm; thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội.

- Xây dựng hải đội dân quân hoạt động trên các địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh khi có lệnh; xây dựng Hải đội dân quân thường trực theo Nghị quyết số 33/NQ-CP, ngày 24/12/2018 của Chính phủ.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; tăng cường các biện pháp phòng

ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực phản động, thù địch, chống đối chính trị; chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đảm bảo công tác tài chính, hậu cần và các điều kiện cần thiết phục vụ yêu cầu công tác, chiến đấu của lực lượng công an, nhất là hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị, phương tiện làm việc cho lực lượng Công an xã chính quy.

- Lập quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 theo Quyết định số 73/QĐ-TTg, ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ; lập quy hoạch hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 theo Quyết định số 74/QĐ-TTg, ngày 06/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Về xây dựng Đảng, hoàn thiện bộ máy chính quyền các cấp

1. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên

1.1. Công tác chính trị, tư tưởng

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về học tập, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng; ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng.

- Nắm chắc tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội; kịp thời định hướng dư luận xã hội. Chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch, làm thất bại âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, nhất là trên không gian mạng.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, địa phương, đơn vị.

1.2. Công tác tổ chức, cán bộ

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII); đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiên trì, kiên quyết thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Kết luận số 18-KL/TW, ngày 22/9/2017 của Ban Bí thư; chú trọng chất lượng kết nạp đảng viên, thường xuyên rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng; tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; đẩy mạnh việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên theo tinh thần Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 21/01/2019 của Ban Bí thư.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa cán bộ các cấp; rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy định phân cấp quản lý cán bộ, Quy định về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo Quy định số 105-QĐ/TW, ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị; thường xuyên thực hiện công tác luân chuyển cán bộ để chuẩn bị cán bộ dự nguồn cho các nhiệm kỳ tiếp theo.

- Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế chất vấn trong Đảng, nhất là chất vấn tại các hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

và cấp ủy các cấp; rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định, quy chế nhằm thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

1.3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra, giám sát của Đảng; chỉ đạo thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nhất là đối với các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm.

- Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hàng năm. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, quy chế làm việc của cấp ủy các cấp; việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của tập thể, cá nhân.

- củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy ủy ban kiểm tra và cơ quan ủy ban kiểm tra các cấp, đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

1.4. Công tác dân vận

- Thực hiện tốt công tác vận động quần chúng, tập trung xây dựng các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, việc công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước, nhất là trên lĩnh vực quy hoạch, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi triển khai các dự án.

- Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, kịp thời giải quyết nguyện vọng hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

- Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức đảng trong các hội quần chúng, đảng viên trong các hội quần chúng

phải nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, làm nòng cốt trong việc vận động, tập hợp hội viên thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

1.5. Về công tác phòng, chống tham nhũng; công tác tư pháp; tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Tăng cường công tác tiếp dân, đối thoại với dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; làm tốt công tác vận động, thuyết phục người dân, hòa giải ở cơ sở.

- Tăng cường công tác phối hợp trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, nhất là các vụ án tham nhũng, vụ án kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm.

- Hàng năm, tổ chức 01 đến 02 đoàn công tác liên ngành kiểm tra thực hiện các nghị quyết, chỉ thị về công tác nội chính và ít nhất 01 đoàn kiểm tra về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng; mở rộng hoạt động phòng, chống tham nhũng ra khu vực ngoài nhà nước.

- Triển khai thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; có giải pháp kiểm soát hiệu quả tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định.

2. Xây dựng bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện và hiệu lực điều hành, quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính

- Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, nhất là chất lượng các kỳ họp, hoạt động giám sát, công tác chỉ đạo, điều hành; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các kiến nghị chính đáng của nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Xây dựng hệ thống chính quyền tinh gọn; thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, năng lực, uy tín, tính chuyên nghiệp cao trong phục vụ nhân dân và doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng và đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập có điều kiện; thực hiện xã hội hóa một số lĩnh vực, ngành ở những nơi có điều kiện xã hội hóa cao.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Bổ sung dịch vụ, tiện ích trực tuyến, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh, 100% dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đẩy mạnh thanh toán trực tuyến, bưu chính công ích. Nghiên cứu, triển khai xây dựng, kết nối Trung tâm với các phần mềm nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia để tiếp tục điện tử hóa toàn diện quá trình quản lý, giải quyết thủ tục hành chính, lưu trữ dữ liệu và khai thác tài nguyên số hóa; tổ chức lại và nâng cấp hệ thống dữ liệu của tỉnh theo mô hình dữ liệu lớn (big Data); ứng dụng trí thông minh nhân tạo (AI) để hỗ trợ và kiểm soát chất lượng dịch vụ công, triển khai điện tử hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tích hợp ISO điện tử.

- Triển khai các giải pháp nhằm gắn kết ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính; áp dụng nhiều hình thức, phương pháp nhằm đổi mới phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai các phần mềm nghiệp vụ và cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo định hướng phát triển Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến; tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh theo mô hình dữ liệu lớn và điện toán đám mây; kết nối liên thông

hệ thống ứng dụng và cơ sở dữ liệu. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng, phát triển các công cụ sử dụng trí thông minh nhân tạo để quản lý, điều hành và kiểm soát các quy trình cung cấp dịch vụ, quản trị hệ thống.

- Triển khai Đề án thí điểm xây dựng Khu dân cư điện tử, từng bước hình thành nên các cộng đồng dân cư có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cao, thích ứng tốt với quá trình chuyển đổi số, thụ hưởng đầy đủ dịch vụ công trực tuyến do chính quyền tỉnh cung cấp, tạo ra điều kiện đủ để xây dựng thành công chính quyền điện tử, chính quyền số.

3. Về hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Xây dựng, hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt quy chế phối hợp với cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; tiếp tục triển khai chương trình phối hợp giữa Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy với Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh về công tác tuyên truyền, công tác vận động quần chúng thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện tốt Quy chế giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp. Nghiên cứu, lựa chọn nội dung giám sát, phản biện, giúp cấp ủy và chính quyền địa phương hoàn thiện cơ chế, chính sách.

- Thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và các quy chế giám sát của người dân tại cộng đồng.

- Xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ kết nạp, phát triển đoàn viên, hội viên.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

*(Bài viết của Giáo sư, Tiến sĩ NGUYỄN PHÚ TRỌNG,
Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng)*

Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một đề tài lý luận và thực tiễn rất cơ bản, quan trọng, nội dung rất rộng lớn, phong phú và phức tạp, có nhiều cách tiếp cận khác nhau, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu rất công phu, nghiêm túc, tổng kết thực tiễn một cách sâu sắc, khoa học. Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin đề cập một số khía cạnh từ góc nhìn thực tiễn của Việt Nam. Và cũng chỉ tập trung vào trả lời mấy câu hỏi: Chủ nghĩa xã hội là gì? Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì?

Như chúng ta đã biết, chủ nghĩa xã hội thường được hiểu với ba tư cách: Chủ nghĩa xã hội là một *học thuyết*; chủ nghĩa xã hội là một *phong trào*; chủ nghĩa xã hội là một *chế độ*. Mỗi tư cách ấy lại có nhiều biểu hiện khác nhau, tùy theo thể giới quan và trình độ phát triển ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Chủ nghĩa xã hội đề cập ở đây là chủ nghĩa xã hội khoa học dựa trên học thuyết Mác-Lênin trong thời đại ngày nay. Vậy thì chúng ta phải *định hình* chủ nghĩa xã hội thế nào, và *định hướng* đi lên chủ nghĩa xã hội thế nào cho phù hợp với hoàn cảnh, đặc điểm cụ thể ở Việt Nam?

Trước đây, khi còn Liên Xô và hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa thế giới thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam dường như không có gì phải bàn, nó mặc nhiên coi như đã được khẳng định. Nhưng từ sau khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và nhiều nước Đông Âu sụp đổ, cách mạng thế giới lâm vào thoái trào thì vấn đề đi lên chủ nghĩa xã hội lại được đặt ra và trở thành tâm điểm thu hút mọi sự bàn thảo, thậm chí tranh luận gay gắt. Các thế lực chống cộng, cơ hội chính trị thì hí hửng, vui mừng, thừa cơ dân tới để xuyên tạc, chống phá. Trong hàng ngũ cách mạng cũng có người bi quan, dao động, nghi ngờ tính đúng đắn, khoa học của chủ nghĩa xã hội, quy kết nguyên nhân tan rã của Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do sai lầm của chủ nghĩa Mác-Lênin và sự lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó họ cho rằng chúng ta đã chọn đường sai, cần phải đi con đường khác. Có người còn phụng họa với các luận điệu thù địch, công kích, bài bác chủ nghĩa xã hội, ca ngợi một chiều chủ nghĩa tư bản. Thậm chí có người còn sám hối về một thời đã tin theo chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường xã hội chủ nghĩa! Thực tế có phải như vậy không? Thực tế có phải hiện nay chủ nghĩa tư bản, kể cả những nước tư bản chủ nghĩa già đời vẫn đang phát triển tốt đẹp không? Có phải Việt Nam chúng ta đã chọn con đường đi sai không?

Chúng ta thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản chưa bao giờ mang tính toàn cầu như ngày nay và cũng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong lĩnh vực giải phóng và phát triển sức sản xuất, phát triển khoa học - công nghệ. Nhiều nước tư bản phát triển, trên cơ sở các điều kiện kinh tế cao và do kết quả đấu tranh của giai cấp công nhân và

nhân dân lao động, đã có những biện pháp điều chỉnh, hình thành được không ít các chế độ phúc lợi xã hội tiên bộ hơn so với trước. Từ giữa thập kỷ 70 và nhất là từ sau khi Liên Xô tan rã, để thích ứng với điều kiện mới, chủ nghĩa tư bản thế giới đã ra sức tự điều chỉnh, thúc đẩy các chính sách “tự do mới” trên quy mô toàn cầu; và nhờ đó hiện vẫn còn tiềm năng phát triển. Tuy nhiên, chủ nghĩa tư bản vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn cơ bản vốn có của nó. Các cuộc khủng hoảng vẫn tiếp tục diễn ra. Đặc biệt là, năm 2008 - 2009 chúng ta đã chứng kiến cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế bắt đầu từ nước Mỹ, nhanh chóng lan rộng ra các trung tâm tư bản chủ nghĩa khác và tác động đến hầu hết các nước trên thế giới. Các nhà nước, các chính phủ tư sản ở Phương Tây đã bơm những lượng tiền khổng lồ để cứu các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia, các tổ hợp công nghiệp, tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, nhưng không mấy thành công. Và hôm nay, chúng ta lại chứng kiến cuộc khủng hoảng nhiều mặt, cả về y tế, xã hội lẫn chính trị, kinh tế đang diễn ra dưới tác động của đại dịch Covid-19 và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kinh tế suy thoái đã làm phơi bày sự thật của những bất công xã hội trong các xã hội tư bản chủ nghĩa: Đời sống của đa số dân cư lao động bị giảm sút nghiêm trọng, thất nghiệp gia tăng; khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn, xung đột giữa các sắc tộc. Những tình huống “phát triển xấu”, những nghịch lý “phản phát triển”, từ địa hạt kinh tế - tài chính đã tràn sang lĩnh vực xã hội, làm bùng nổ các xung đột xã hội, và ở không ít nơi từ tình huống kinh tế đã trở thành tình huống chính trị với các làn sóng biểu tình, bãi công, làm rung chuyển cả thể

ché. Sự thật cho thấy, bản thân thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản không thể giúp giải quyết được những khó khăn, và trong nhiều trường hợp còn gây ra những tổn hại nghiêm trọng cho các nước nghèo; làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa *lao động* và *tư bản* toàn cầu. Sự thật đó cũng làm phá sản những lý thuyết kinh tế hay mô hình phát triển vốn xưa nay được coi là thời thượng, được không ít các chính khách tư sản ca ngợi, được các chuyên gia của họ coi là tối ưu, hợp lý.

Cùng với khủng hoảng kinh tế - tài chính là khủng hoảng năng lượng, lương thực, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sự suy thoái của môi trường sinh thái,... đang đặt ra những thách thức vô cùng lớn cho sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Đó là hậu quả của một quá trình phát triển kinh tế - xã hội lấy lợi nhuận làm mục tiêu tối thượng, coi chiếm hữu của cải và tiêu dùng vật chất ngày càng tăng làm thước đo văn minh, lấy lợi ích cá nhân làm trụ cột của xã hội. Đó cũng chính là những đặc trưng cốt yếu của phương thức sản xuất và tiêu dùng tư bản chủ nghĩa. Các cuộc khủng hoảng đang diễn ra một lần nữa chứng minh tính *không bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái* của nó. Theo nhiều nhà khoa học phân tích, các cuộc khủng hoảng hiện nay không thể giải quyết được một cách triệt để trong khuôn khổ của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Các phong trào phản kháng xã hội bùng nổ mạnh mẽ tại nhiều nước tư bản phát triển trong thời gian qua càng làm bộc lộ rõ sự thật về bản chất của các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa. Thực tế là các thiết chế dân chủ theo công thức “dân chủ tự do” mà phương Tây ra sức quảng bá, áp đặt lên toàn thế giới không hề bảo đảm để quyền lực thực sự thuộc

về nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân - yếu tố bản chất nhất của dân chủ. Hệ thống quyền lực đó vẫn chủ yếu thuộc về thiểu số giàu có và phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản lớn. Một bộ phận rất nhỏ, thậm chí chỉ là 1% dân số, nhưng lại chiếm giữ phần lớn của cải, tư liệu sản xuất, kiểm soát tới 3/4 nguồn tài chính, tri thức và các phương tiện thông tin đại chúng chủ yếu và do đó chi phối toàn xã hội. Đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn đến phong trào “99 chống lại 1” diễn ra ở Mỹ đầu năm 2011 và nhanh chóng lan rộng ở nhiều nước tư bản. Sự rêu rao *bình đẳng về quyền* nhưng không kèm theo sự *bình đẳng về điều kiện để thực hiện* các quyền đó đã dẫn đến dân chủ vẫn chỉ là hình thức, trống rỗng mà không thực chất. Trong đời sống chính trị, một khi quyền lực của đồng tiền chi phối thì quyền lực của nhân dân sẽ bị lấn át. Vì vậy mà tại các nước tư bản phát triển, các cuộc bầu cử được gọi là “tự do”, “dân chủ” dù có thể thay đổi chính phủ nhưng không thể thay đổi được các thể lực thống trị; đằng sau hệ thống đa đảng trên thực tế vẫn là sự chuyên chế của các tập đoàn tư bản.

Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Chúng ta cần một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công, “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm. Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế

hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và hủy hoại môi trường. Và chúng ta cần một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân, chứ không phải chỉ cho một thiểu số giàu có. Phải chăng những mong ước tốt đẹp đó chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội và cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi.

Như chúng ta đều biết, nhân dân Việt Nam đã trải qua một quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ hy sinh để chống lại ách đô hộ và sự xâm lược của thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và chủ quyền thiêng liêng của đất nước, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân với tinh thần *“Không có gì quý hơn Độc lập Tự do”*.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là đường lối cơ bản, xuyên suốt của cách mạng Việt Nam và cũng là điểm cốt yếu trong di sản tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng kinh nghiệm thực tiễn phong phú của mình kết hợp với lý luận cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã đưa ra kết luận sâu sắc rằng, *chỉ có chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản mới có thể giải quyết triệt để vấn đề độc lập cho dân tộc, mới có thể đem lại cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc thực sự cho tất cả mọi người, cho các dân tộc.*

Ngay khi mới ra đời và trong suốt quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn khẳng định: Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là yêu cầu khách quan, là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam.

Năm 1930, trong Cương lĩnh chính trị của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương: “Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo, tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa”. Vào những năm cuối thế kỷ XX, mặc dù trên thế giới chủ nghĩa xã hội hiện thực đã bị đổ vỡ một mảng lớn, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa không còn, phong trào xã hội chủ nghĩa lâm vào giai đoạn khủng hoảng, thoái trào, gặp rất nhiều khó khăn, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục khẳng định: “*Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh*”. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng (tháng 01/2011) trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), chúng ta một lần nữa khẳng định: “*Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử*”.

Tuy nhiên, *chủ nghĩa xã hội là gì và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào?* Đó là điều mà chúng ta luôn luôn trăn trở, suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để từng bước hoàn thiện đường lối, quan điểm và tổ chức thực hiện, làm sao để vừa theo đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước nhận thức ngày càng đúng đắn hơn, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; từng bước khắc phục một số quan niệm đơn giản

trước đây như: Đồng nhất mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội với nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt; nhấn mạnh một chiều quan hệ sản xuất, chế độ phân phối bình quân, không thấy đầy đủ yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong thời kỳ quá độ, không thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế; đồng nhất kinh tế thị trường với chủ nghĩa tư bản; đồng nhất nhà nước pháp quyền với nhà nước tư sản...

Cho đến nay, mặc dù vẫn còn một số vấn đề cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, nhưng chúng ta đã hình thành nhận thức tổng quát: *Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.*

Để thực hiện được mục tiêu đó, chúng ta phải: Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức; Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ,

đa phương hóa, đa dạng hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

Càng đi vào chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta càng nhận thức được rằng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là *một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn và phức tạp*, vì nó phải tạo sự biến đổi sâu sắc về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, lực lượng sản xuất rất thấp, lại trải qua mấy chục năm chiến tranh, hậu quả rất nặng nề; các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại cho nên lại càng khó khăn, phức tạp, *nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài* với nhiều bước đi, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen nhau, có sự đấu tranh giữa cái cũ và cái mới. Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là *bỏ qua chế độ áp bức, bất công, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp* với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển.

Đưa ra quan niệm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là *một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta*, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn

Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Theo nhận thức của chúng ta, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. *Đó là một kiểu kinh tế thị trường mới* trong lịch sử phát triển của kinh tế thị trường; một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: *Sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối*. Đây không phải là nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa phải là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đầy đủ (vì nước ta còn đang trong thời kỳ quá độ).

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố và phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân

phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất để định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Một đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: Không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, *mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp phải đi đôi với xóa đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn.* Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc để bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, một nền văn hóa thống nhất trong đa dạng, dựa trên các giá trị tiến bộ, nhân văn; chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai

trò chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những thành tựu, tinh hoa văn hóa nhân loại, phấn đấu xây dựng một xã hội văn minh, lành mạnh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực, lối sống và thẩm mỹ ngày càng cao. Chúng ta xác định: Con người giữ vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới; phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn, là tiêu chí để phát triển bền vững; xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ làm tế bào lành mạnh, vững chắc của xã hội, thực hiện bình đẳng giới là tiêu chí của tiến bộ, văn minh.

Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, do đó cần và có điều kiện để xây dựng sự đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội. Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích; mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc

xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam. Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội. Chúng ta nhận thức rằng, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về *bản chất* khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: Pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam; không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo.

Nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta *đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh*

đón Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam; Đảng ra đời, tồn tại và phát triển là vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Khi Đảng cầm quyền, lãnh đạo cả dân tộc, được toàn dân thừa nhận là đội tiên phong lãnh đạo của mình và do đó Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Nói như vậy không có nghĩa là hạ thấp bản chất giai cấp của Đảng, mà là thể hiện sự nhận thức bản chất giai cấp của Đảng một cách sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, vì giai cấp công nhân là giai cấp có lợi ích thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và toàn dân tộc. Đảng ta kiên trì lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên; thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ. Ý thức được nguy cơ đối với đảng cầm quyền là tham nhũng, quan liêu, thoái hóa..., nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra yêu cầu phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thoái hóa... trong nội bộ Đảng và trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Công cuộc đổi mới, trong đó có việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã thực sự

đem lại những thay đổi to lớn, rất tốt đẹp cho đất nước trong 35 năm qua.

Trước Đổi mới (năm 1986), Việt Nam vốn là một nước nghèo lại bị chiến tranh tàn phá rất nặng nề, để lại những hậu quả hết sức to lớn cả về người, về của và môi trường sinh thái. Tôi chỉ nêu thí dụ, cho đến nay vẫn có hàng triệu người chịu các bệnh hiểm nghèo và hàng trăm ngàn trẻ em bị dị tật bẩm sinh bởi tác động của chất độc da cam/dioxin do quân đội Mỹ sử dụng trong thời gian chiến tranh ở Việt Nam. Theo các chuyên gia, phải mất đến hơn 100 năm nữa Việt Nam mới có thể dọn sạch hết bom mìn còn sót lại sau chiến tranh. Sau chiến tranh, Mỹ và phương Tây đã áp đặt cấm vận kinh tế với Việt Nam trong suốt gần 20 năm. Tình hình khu vực và quốc tế cũng diễn biến phức tạp, gây nhiều bất lợi cho chúng ta. Lương thực, hàng hóa nhu yếu phẩm hết sức thiếu thốn, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, khoảng 3/4 dân số sống dưới mức nghèo khổ.

Nhờ thực hiện đường lối đổi mới, nền kinh tế bắt đầu phát triển và phát triển liên tục với tốc độ tương đối cao trong suốt 35 năm qua với mức tăng trưởng trung bình khoảng 7% mỗi năm. Quy mô GDP không ngừng được mở rộng, năm 2020 đạt 342,7 tỉ đô la Mỹ (USD), trở thành nền kinh tế lớn thứ tư trong ASEAN. Thu nhập bình quân đầu người tăng khoảng 17 lần, lên mức 3.512 USD; Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008. Từ một nước bị thiếu lương thực triền miên, đến nay Việt Nam không những đã bảo đảm được an ninh lương thực mà còn trở thành một nước xuất khẩu gạo và nhiều nông sản khác đứng hàng đầu thế giới. Công nghiệp phát triển khá nhanh, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ liên tục tăng và hiện nay

chiếm khoảng 85% GDP. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng mạnh, năm 2020 đạt trên 540 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt trên 280 tỉ USD. Dự trữ ngoại hối tăng mạnh, đạt 100 tỉ USD vào năm 2020. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đăng ký đạt gần 395 tỉ USD vào cuối năm 2020. Về cơ cấu nền kinh tế xét trên phương diện quan hệ sở hữu, tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam hiện nay gồm khoảng 27% từ kinh tế nhà nước, 4% từ kinh tế tập thể, 30% từ kinh tế hộ, 10% từ kinh tế tư nhân trong nước và 20% từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện dân số của Việt Nam là hơn 97 triệu người, gồm 54 dân tộc anh em, trong đó hơn 60% số dân sống ở nông thôn. Phát triển kinh tế đã giúp đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 80 và cải thiện đáng kể đời sống của nhân dân. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm giảm khoảng 1,5%; giảm từ 58% năm 1993 xuống còn 5,8% năm 2016 theo chuẩn nghèo của Chính phủ và dưới 3% năm 2020 theo chuẩn nghèo đa chiều (tiêu chí cao hơn trước). Đến nay, hơn 60% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; hầu hết các xã nông thôn đều có đường ô tô đến trung tâm, có điện lưới quốc gia, trường tiểu học và trung học cơ sở, trạm y tế và điện thoại. Trong khi chưa có điều kiện để bảo đảm giáo dục miễn phí cho mọi người ở tất cả các cấp, Việt Nam tập trung hoàn thành xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2010; số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gần 17 lần trong 35 năm qua. Hiện nay, Việt Nam có 95% người lớn biết đọc, biết viết. Trong khi chưa thực hiện được việc bảo đảm cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho toàn dân, Việt Nam tập trung vào việc tăng cường y tế phòng

ngừa, phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nhiều dịch bệnh vốn phổ biến trước đây đã được khống chế thành công. Người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và người cao tuổi được cấp bảo hiểm y tế miễn phí. Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm gần 3 lần. Tuổi thọ trung bình của dân cư tăng từ 62 tuổi năm 1990 lên 73,7 tuổi năm 2020. Cũng nhờ kinh tế có bước phát triển nên chúng ta đã có điều kiện để chăm sóc tốt hơn những người có công, phụng dưỡng các Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm lo cho phần mộ của các liệt sĩ đã hy sinh cho Tổ quốc. Đời sống văn hóa cũng được cải thiện đáng kể; sinh hoạt văn hóa phát triển phong phú, đa dạng. Hiện Việt Nam có khoảng 70% dân số sử dụng Internet, là một trong những nước có tốc độ phát triển công nghệ tin học cao nhất thế giới. Liên hợp quốc đã công nhận Việt Nam là một trong những nước đi đầu trong việc hiện thực hóa các Mục tiêu Thiên niên kỷ. Năm 2019, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt mức 0,704, thuộc nhóm nước có HDI cao của thế giới, nhất là so với các nước có cùng trình độ phát triển.

Như vậy, có thể nói, việc thực hiện đường lối đổi mới đã đem lại những chuyển biến rõ rệt, hết sức sâu sắc và tích cực ở Việt Nam: Kinh tế phát triển, lực lượng sản xuất được tăng cường; nghèo đói giảm nhanh, liên tục; đời sống nhân dân được cải thiện, nhiều vấn đề xã hội được giải quyết; chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng được mở rộng; thể và lực của quốc gia được tăng cường; niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng được củng cố. Tổng kết 20 năm đổi mới, Đại hội Đảng lần thứ X (năm 2006) đã

nhận định, sự nghiệp đổi mới đã giành được “những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử”. Trên thực tế, xét trên nhiều phương diện, người dân Việt Nam ngày nay đang có các điều kiện sống tốt hơn so với bất cứ thời kỳ nào trước đây. Đó là một trong những lý do giải thích vì sao sự nghiệp đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo được toàn dân Việt Nam đồng tình, hưởng ứng và tích cực phấn đấu thực hiện. Những thành tựu đổi mới tại Việt Nam đã chứng minh rằng, *phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa không những có hiệu quả tích cực về kinh tế mà còn giải quyết được các vấn đề xã hội tốt hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa có cùng mức phát triển kinh tế*. Những kết quả, thành tích đặc biệt đạt được của Việt Nam trong bối cảnh đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt đầu từ đầu năm 2020 được nhân dân và bạn bè quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mới đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng một lần nữa lại khẳng định và nhấn mạnh: “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hoá. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua

hiệu nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới” (*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 25 - 26).

Bên cạnh những thành tựu, mặt tích cực là cơ bản, chúng ta cũng còn không ít khuyết điểm, hạn chế và đang phải đối mặt với những thách thức mới trong quá trình phát triển đất nước.

Về kinh tế, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh còn thấp, thiếu bền vững; kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ; hiệu quả và năng lực của nhiều doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước còn hạn chế; môi trường bị ô nhiễm tại nhiều nơi; công tác quản lý, điều tiết thị trường còn nhiều bất cập. Trong khi đó, sự cạnh tranh đang diễn ra ngày càng quyết liệt trong quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Về xã hội, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; chất lượng giáo dục, chăm sóc y tế và nhiều dịch vụ công ích khác còn không ít hạn chế; văn hóa, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp; tội phạm và các tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp. Đặc biệt, tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống vẫn diễn ra trong một

bộ phận cán bộ, đảng viên. Trong khi đó, các thế lực xấu, thù địch lại luôn tìm mọi thủ đoạn để can thiệp, chống phá, gây mất ổn định, thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình” nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng ta nhận thức rằng, hiện nay Việt Nam đang trong quá trình xây dựng, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, các nhân tố xã hội chủ nghĩa được hình thành, xác lập và phát triển đan xen, cạnh tranh với các nhân tố phi xã hội chủ nghĩa, gồm cả các nhân tố tư bản chủ nghĩa trên một số lĩnh vực. Sự đan xen, cạnh tranh này càng phức tạp và quyết liệt trong điều kiện cơ chế thị trường và mở cửa, hội nhập quốc tế. Bên cạnh các mặt thành tựu, tích cực, sẽ luôn có những mặt tiêu cực, thách thức cần được xem xét một cách tỉnh táo và xử lý một cách kịp thời, hiệu quả. Đó là cuộc đấu tranh rất gay go, gian khổ, đòi hỏi phải có tầm nhìn mới, bản lĩnh mới và sức sáng tạo mới. Đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình không ngừng củng cố, tăng cường, phát huy các nhân tố xã hội chủ nghĩa để các nhân tố đó ngày càng chi phối, áp đảo và chiến thắng. Thành công hay thất bại là phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Hiện nay, chúng ta đang tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chú trọng hơn chất lượng và tăng tính bền vững với các khâu đột phá là: Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nguồn nhân lực, trước hết là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội (Văn kiện Đại hội XIII, tập 2, trang 337 - 338). Về xã hội, chúng ta tiếp tục đẩy mạnh công tác giảm

nghèo bền vững, nâng cao chất lượng y tế, giáo dục và các dịch vụ công ích khác, nâng cao hơn nữa đời sống văn hóa cho nhân dân. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đang ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với quyết tâm ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, thực hiện tốt hơn nữa các nguyên tắc tổ chức xây dựng Đảng, nhằm làm cho tổ chức đảng và bộ máy nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. *Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội.* Vì vậy, bên cạnh việc xác định chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.

Mặt khác, Đảng lãnh đạo và cầm quyền, trong khi xác định phương hướng chính trị và đề ra quyết sách, không thể chỉ xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, mà còn phải nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại. Trong thế giới toàn cầu hóa như hiện nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của

thời cuộc và cục diện của nó. Chính vì vậy, chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

Và điều hết sức quan trọng là *phải luôn luôn kiên định và vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin - học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân và quần chúng lao động*. Tính khoa học và cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là những giá trị bền vững, đã và đang được những người cách mạng theo đuổi và thực hiện. Nó sẽ còn tiếp tục phát triển và có sức sống trong thực tiễn cách mạng cũng như trong thực tiễn phát triển của khoa học. Chúng ta *cần tiếp thu, bổ sung một cách có chọn lọc trên tinh thần phê phán và sáng tạo những thành tựu mới nhất về tư tưởng và khoa học để chủ nghĩa, học thuyết của chúng ta luôn luôn tươi mới, luôn luôn được tiếp thêm sinh lực mới*, mang hơi thở của thời đại, không rơi vào xơ cứng, trì trệ, lạc hậu so với cuộc sống.

KẾT LUẬN SỐ 01-KL/TW, NGÀY 18/5/2021
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XIII
tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW
về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,
phong cách Hồ Chí Minh
(trích)

Để việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thời gian tới đạt hiệu quả thiết thực, cần phải quán triệt, tập trung làm tốt ba nội dung: Học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ, đảng viên. Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về nội dung, giá trị và ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng, là kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người là động lực, nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Học tập và làm theo Bác để Đảng ta và mỗi đảng viên xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sự tin cậy của nhân dân.

Xây dựng mối quan hệ gắn bó chặt chẽ hơn nữa giữa Đảng với dân, thực hiện có hiệu quả phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng",

"trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân", "xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân".

2. Kết hợp chặt chẽ giữa học tập với làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, đơn vị và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn.

Thực hiện đồng bộ giữa "xây" và "chống"; "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, "chống" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. "Xây" là tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng của các địa phương, cơ quan, đơn vị đã đề ra.

"Chống" là đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến," "tự chuyển hóa" trong nội bộ; phê phán, xử lý nghiêm những việc làm sai trái, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không ngừng nghỉ, không bị tác động bởi bất cứ tổ chức, cá nhân có hành vi không lành mạnh nào.

Nâng cao tính cảnh tỉnh, răn đe đối với những tư tưởng, biểu hiện tiêu cực, đồng thời khuyến khích, cổ vũ cán bộ, đảng viên suy nghĩ, hành động vì lợi ích chung, vì hạnh phúc của nhân dân, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, phải đề cao việc phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng

viên, nhất là người đứng đầu, trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Việc tự giác nêu gương để khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu "trên trước, dưới sau", "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

Lãnh đạo chủ chốt các cấp phải thể hiện tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước, vì dân; có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể; luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, toàn diện, công tâm, công khai, minh bạch, chính xác, chống cục bộ địa phương, bè phái trong công tác cán bộ.

Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, mẫu mực về nhân cách, lối sống; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; không tham nhũng, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm, không để người nhà, người thân lợi dụng vị trí công tác để vụ lợi. Nghiêm túc tự phê bình và phê bình, thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh.

4. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, hình thức học tập, tuyên truyền về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là cho thế hệ trẻ, cho cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đẩy mạnh việc phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, tuyên truyền, nhân rộng các tấm gương, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác.

Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người

gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh. Khuyến khích sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

5. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực tư duy lý luận, năng lực tổng kết và chỉ đạo thực tiễn để giải quyết hiệu quả những vấn đề đang đặt ra; tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

Thường xuyên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, xây dựng đạo đức, lối sống theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ.

6. Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm cảnh tỉnh, cảnh báo, phát hiện từ sớm, kịp thời ngăn chặn vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm cho việc học

tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, thực chất.

Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện quy định nêu gương. Xử lý kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm. Khen thưởng, biểu dương, động viên kịp thời những mô hình hay, các điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu.

CHUYÊN ĐỀ

“HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC”

I. TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG, KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC

1. Sự hình thành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

- Vấn đề độc lập cho dân tộc và khát vọng tự do cho nhân dân là xuất phát điểm, là nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, được nuôi dưỡng bởi những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, có sự tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Sinh thời trong cảnh nước nhà bị nô dịch, lầm than, người thanh niên trẻ Nguyễn Tất Thành đã sớm thức tỉnh, đau đáu nỗi niềm cứu nước, cứu dân. Người chọn hướng đi sang các nước tư bản phương Tây tìm hiểu sự thật đằng sau khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, xem người ta làm thế nào rồi trở về giúp đồng bào mình. Ngày 5/6/1911, tại bến cảng Nhà Rồng, Người bắt đầu chuyến hành trình trên con tàu Amiral Latouche Tresville, mang theo khát vọng cháy bỏng: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi, đấy là tất cả những điều tôi muốn, đấy là tất cả những điều tôi hiểu”³. Điều này sớm đã thể hiện tư tưởng, ý chí tự

³Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, H, 1975, tr. 5 – 6.

lực, tự cường và một khát vọng lớn, mang tầm nhìn thời đại của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

- Sinh sống và làm việc tại nhiều nước tư bản phương Tây đã giúp Nguyễn Tất Thành nhận thức và vạch rõ bản chất của chủ nghĩa tư bản: Ở đâu đâu đế quốc tư bản thực dân cũng đã man, tàn bạo, cũng đầy rẫy những quan hệ phi nhân tính; ở đâu đâu những người lao động nghèo khổ, bần cùng cũng là bạn bè, anh em, đồng chí của nhau, họ phải được tập hợp lại, đứng lên đấu tranh giải phóng.

- Tháng 7 năm 1920, Nguyễn Ái Quốc⁴ đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin. Luận cương của Lênin đã giúp Người giải đáp những vấn đề cơ bản về con đường giải phóng dân tộc mà Người tìm kiếm bấy lâu. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Tháng 12/1920, Người đã gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu sự chuyển biến mang tính bước ngoặt trong tư tưởng của Người từ chủ nghĩa yêu nước sang chủ nghĩa cộng sản.

- Sau khi xác định con đường cứu nước theo cách mạng vô sản, Người tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về trong nước. Người đã mang đến một luồng gió mới về đấu tranh cách mạng đối với nhân dân Việt Nam, nhân dân các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc, khơi dậy trong họ tinh thần đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, thổi bùng ngọn lửa đấu tranh theo khuynh hướng cách mạng vô sản ở nước ta trong những năm 30 của thế kỷ XX, đưa tới sự ra đời của chính đảng vô sản Việt Nam⁵ mở ra thời đại rực rỡ của cách

⁴ Năm 1919, khi hoạt động ở Pháp, Bác lấy tên Nguyễn Ái Quốc.

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời ngày 03 tháng 02 năm 1930

mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, với những dấu ấn lịch sử và tầm vóc thời đại.

Ý chí tự lực, tự cường và khát vọng về quyền sống chân chính của dân tộc đã bồi đắp tư tưởng, sự nghiệp cách mạng của Nguyễn Ái Quốc và lan tỏa trong mọi giai tầng xã hội Việt Nam. Nói cách khác, chính chủ nghĩa yêu nước, khát vọng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước “đàng hoàng”, “to đẹp” đã đưa Người đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, đặt nền móng cho sự phát triển tư tưởng mácxít ở Việt Nam, tạo ra những điều kiện căn bản, tiên quyết đưa đến những thành công của cách mạng nước nhà.

2. Những nội dung cơ bản của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường

2.1. Ý chí tự lực, tự cường là không phụ thuộc vào lực lượng bên ngoài, có quan điểm độc lập trong quan hệ quốc tế

- Hầu hết các đảng cộng sản ở Châu Âu đều có quan điểm rằng, cách mạng ở các thuộc địa phụ thuộc vào cách mạng ở các nước tư bản (chính quốc), cách mạng ở các nước thuộc địa không thể thắng lợi khi cách mạng vô sản ở chính quốc chưa thắng lợi. Nguyễn Ái Quốc không tán thành quan điểm đó. Người cho rằng, với ý chí, khát vọng đấu tranh mãnh liệt, bất khuất vì độc lập, tự do, cách mạng ở các nước thuộc địa (trong đó có Việt Nam) hoàn toàn có thể chủ động giành thắng lợi, không phụ thuộc việc cách mạng ở chính quốc có thắng lợi hay không.

- Người cũng chỉ rõ mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng ở thuộc địa và cách mạng ở chính quốc. Người ví mối quan hệ đó như hai cánh của một con chim. Trong tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”, vạch trần bản chất của chủ nghĩa tư bản thực dân giống con đĩa có hai vôi, một vôi bám vào giai cấp vô sản ở các nước tư bản, vôi kia hút máu các

dân tộc thuộc địa, Người khẳng định muốn tiêu diệt nó, phải cắt cả hai cái vôi, muốn vậy phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cách mạng thuộc địa và cách mạng chính quốc.

- Hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc luôn chú trọng đưa ra đề nghị Quốc tế Cộng sản đặt đúng vị trí, vai trò của cách mạng thuộc địa trong phong trào cách mạng vô sản thế giới, tích cực giúp đỡ cách mạng thuộc địa về lý luận và phương pháp đấu tranh, đào tạo cán bộ cho các dân tộc thuộc địa, cổ vũ và hướng dẫn phong trào cách mạng thuộc địa phát triển đúng hướng, có khả năng tự giải phóng mình.

- Thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của dân tộc theo con đường chủ nghĩa Mác - Lênin, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu rõ quyết tâm, ý chí, phương pháp cách mạng, thể hiện sâu sắc quan điểm tự lực, tự cường trong đấu tranh cách mạng: “Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”⁶.

2.2. Ý chí tự lực, tự cường là phải nhận thức rõ sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc với chủ nghĩa quốc tế trong sáng

- Ý chí tự lực, tự cường trong tư tưởng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã giúp Người thấy rõ sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc chân chính, bao gồm chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, tạo nên sức mạnh to lớn của các dân tộc bị áp bức trên thế giới đứng lên chống đế quốc, thực dân. Từ thực tế xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Người viết: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối... nó đã

⁶ Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 1, tr. 209

thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản, làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa”⁷.

- Theo Người, nhân tố mang tính quyết định của cách mạng giải phóng dân tộc chính là sức mạnh của toàn dân tộc. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh* (1927), Người viết: “chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm cách mệnh”⁸. Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” nhưng “phải củng cố tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp, nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới”. Người nhấn mạnh vấn đề có tính nguyên tắc: “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁹.

- Ở một nước thuộc địa như Việt Nam, đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp trở thành vấn đề sống còn, ngọn cờ giải phóng dân tộc phải giương cao hơn hết thảy. Trong cuộc đấu tranh đó, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc được coi là nền tảng căn bản, có thể huy động, tập hợp được hết thảy các giai tầng xã hội đoàn kết trên một mặt trận, đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như bảo vệ vững chắc nền độc lập đó. “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp”¹⁰.

- Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11/1939), Đảng ta khẳng định chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, liên hiệp tất cả các dân tộc, giai cấp, đảng phái, giành độc lập dân tộc, xây dựng hình thức Nhà nước cộng hòa, dân chủ “Chính phủ chung cho tất cả các tầng lớp dân chúng”. Nghị quyết Trung ương nêu rõ: “Công nông

⁷ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 1, tr. 511.

⁸ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 2, tr. 283

⁹ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 2, tr. 320.

¹⁰ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 3, tr. 3.

phải đưa cao cây cờ dân tộc lên, vì quyền lợi sinh tồn của dân tộc mà sẵn sàng bắt tay với tiểu tư sản và những tầng lớp tư sản bốn xứ, trung tiểu địa chủ”¹¹.

- Ngay sau khi trở về nước, Lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương 8 (1941). Ngoài những chủ trương lớn về giải phóng dân tộc, nhiệm vụ cách mạng chủ yếu, Hội nghị còn chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, tập hợp đoàn kết rộng rãi toàn dân tộc với các tổ chức, đoàn thể cứu quốc, thống nhất ý chí, hành động trong toàn Đảng, toàn nhân dân đấu tranh giành độc lập dân tộc.

- Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là minh chứng sống động nhất về sức mạnh dân tộc, mà chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, kết hợp chủ nghĩa quốc tế trong sáng là nhân tố quy tụ, thúc đẩy, hòa quyện, kết tinh mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài, sức mạnh của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam, kiên cường đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh.

2.3. Ý chí tự lực, tự cường là sự chủ động, chuẩn bị mọi mặt các điều kiện của cách mạng

- Điều kiện trước hết là phải có một Đảng cách mệnh, “đề trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam”¹².

¹¹Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2000, tập 6, tr. 540

¹²Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 2, tr. 289.

- Mùa Xuân năm 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên do Người soạn thảo. Cương lĩnh ngắn gọn, rõ ràng và thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam, nhấn mạnh đấu tranh giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc thực dân và chế độ phong kiến đã suy tàn, thực hiện mục tiêu chiến lược: “Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập”, “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”¹³. Sự ra đời của Đảng đánh dấu bước ngoặt đặc biệt quan trọng trong tiến trình cách mạng dân tộc, trở thành nhân tố tiên quyết, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, dẫn dắt, tập hợp và lãnh đạo nhân dân từng bước đấu tranh, chuẩn bị các điều kiện mọi mặt, đưa tới sự thành công của cách mạng.

- Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28/01/1941, lãnh tụ Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Tại Hội nghị Trung ương 8, Người cùng Trung ương Đảng quyết định những vấn đề lớn của cách mạng như hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, xử lý đúng đắn đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp, quyết tâm giành cho được độc lập dân tộc.

- Người chỉ ra các nhiệm vụ quan trọng, cần kíp về việc chuẩn bị các điều kiện đảm bảo sự thắng lợi của cách mạng, như: xây dựng lực lượng cách mạng (bao gồm lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang); căn cứ địa cách mạng; tập dượt cho quần chúng đấu tranh, xác định phương pháp đấu tranh khởi nghĩa từng phần đến Tổng khởi nghĩa giành chính

¹³*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 3, tr. 1.

quyền; chuẩn bị bộ máy tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ chín muồi và dự kiến các công việc sau khi giành được chính quyền.

- Nhờ có sự chủ động, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, chỉ trong vòng 15 ngày Cách mạng tháng Tám (1945) diễn ra mau lẹ, ít đổ máu, giành thắng lợi hoàn toàn trên cả nước, đập tan chế độ thực dân thống trị nước ta hơn 80 nghìn năm, lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại ngót nghìn năm, khai sinh nền dân chủ cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi này thể hiện việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin ở một nước thuộc địa, khẳng định đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng, tinh thần, ý chí tự lực, tự cường của toàn dân tộc theo tư tưởng của Bác. Tư tưởng tự lực, tự cường, chủ động chuẩn bị chu đáo các điều kiện cách mạng tiếp tục được phát triển và khẳng định trong các giai đoạn cách mạng sau, đưa tới thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945- 1954), kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975), trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước (1975 đến nay), đặc biệt trong 35 năm đổi mới (1986 đến nay).

2.4. Ý chí tự lực, tự cường là đặc biệt chú trọng phát huy vai trò, sức mạnh của nhân dân

- Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân nhưng không phải ở đâu và bất cứ lúc nào quần chúng nhân dân cũng làm được cách mạng. Muốn làm được cách mạng, quần chúng nhân dân phải được vận động, rèn luyện và tổ chức nhằm huy động, tập hợp, phát huy cao nhất vai trò, sức mạnh của mọi lực lượng quần chúng trên cùng một mặt

trận, biến thành sức mạnh của quần chúng thành sức mạnh cách mạng.

- Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “Nhân dân” là phạm trù cao quý nhất. Người nói: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”¹⁴. Người khẳng định, dân khí mạnh thì binh lính nào, súng ống nào cũng không địch nổi. “Nếu lãnh đạo khéo thì việc gì khó khăn mấy và to lớn mấy, nhân dân cũng làm được”¹⁵.

- Trong giai đoạn vận động giải phóng dân tộc, lãnh tụ Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh phải động viên lực lượng của toàn dân, có dân là có tất cả. Khi thời cơ cách mạng chín muồi (8/1945), Người đã gửi Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa trong cả nước. Người nêu rõ: “Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!”¹⁶. Sức mạnh toàn dân được huy động và hiện diện to lớn, tạo nên thành công vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám.

- Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954), trong hoàn cảnh thực dân Pháp rắp tâm xâm lược nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, thôi thúc nhân dân ta đứng lên đấu tranh, quy tụ sức mạnh toàn dân trong thế trận chiến tranh nhân dân, chống thực dân Pháp nhằm giữ vững nền độc lập dân tộc: “Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên! Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu

¹⁴Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 10, tr.453.

¹⁵Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 3, tr.596.

¹⁶Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 3, tr.596.

Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”¹⁷.

- Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), đương đầu với kẻ thù có sức mạnh số một thế giới về kinh tế và quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi”¹⁸.

- Vai trò và sức mạnh của nhân dân luôn được Đảng ta trân trọng, phát huy cao độ trong công cuộc trường kỳ kháng chiến, cũng như trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ đất nước kể từ khi hòa bình lập lại đến nay, tạo nên những thành tựu vô cùng quan trọng trên các phương diện đời sống xã hội, đem lại những giá trị kinh tế - xã hội, những thay đổi lớn lao về diện mạo đất nước trong tiến trình thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh” như Bác Hồ hằng mong ước.

2.5. Ý chí tự lực, tự cường là quyết tâm bảo vệ và giữ vững nền độc lập dân tộc

- Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyết tâm bảo vệ và giữ vững độc lập dân tộc, “nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, “không có gì quý hơn độc lập tự do”, thể hiện rất rõ khi Tổ quốc bị lâm nguy, khi dân tộc phải đương đầu với những kẻ thù có sức mạnh kinh tế - quân sự vào hàng cường quốc thế giới, chống lại âm mưu áp đặt chế độ áp bức, bóc lột của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

¹⁷ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb. CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 534.

¹⁸ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 15, tr. 512.

- Ngay sau khi nền độc lập ra đời, đất nước ta đã phải chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến không thể tránh khỏi. Trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa! Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”¹⁹. Nhờ phát huy chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, quyết tâm vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chúng ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng thắng, làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, chiến thắng của ý chí, khát vọng độc lập và khí phách Việt Nam.

- Lịch sử tiếp tục chứng kiến những thách thức cam go về ý chí và khát vọng độc lập dân tộc qua cuộc đối đầu lịch sử giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Mỹ. Trước một cuộc chiến tranh khốc liệt, trường kỳ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu cao quyết tâm trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Người nói: “Phải giành thắng lợi quyết định trong một thời gian, ta không nói mấy năm, mấy tháng, mấy ngày, nhưng trong một thời gian càng ngắn càng tốt”²⁰.

- Khích lệ, thôi thúc ý chí đấu tranh đến ngày đất nước toàn thắng, thống nhất trong mỗi người dân, Người chỉ rõ: “Nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi”²¹.

¹⁹Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 534.

²⁰Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 15, tr. 17.

²¹Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 15, tr. 512.

- Tin tưởng vào sự tất thắng của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong bản Di chúc, Người khẳng định: “Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”²².

- Chiến thắng lịch sử 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước một lần nữa khẳng định ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ và giữ vững nền độc lập dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam. Đồng thời, tiếp tục được Đảng ta phát huy trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sau giải phóng đến nay.

3. Những nội dung cơ bản trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

3.1. Xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh, cường thịnh, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài

- Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, với cương vị là người đứng đầu Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng đất nước giàu mạnh, mang lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Tư tưởng của Người đã được nhấn mạnh tại Đại hội II của Đảng (1951): Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, phú cường. Người nhiều lần nhắc nhở: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”.

- Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ ngày 03/9/1945, Người đã nêu lên những nhiệm vụ cấp bách của chính quyền đó là diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

²²Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 15, tr. 618.

Nói cách khác, tập trung giải quyết hai vấn đề trọng yếu: phục hồi và phát triển nội lực đất nước; đối ngoại linh hoạt tránh nguy cơ ngoại xâm, kéo dài thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến.

- Trong các nhiệm vụ và giải pháp cấp bách đó, Người đặc biệt chú trọng việc nâng cao dân trí, phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển đất nước giàu mạnh. Trong thư gửi các học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập (05/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cổ vũ, khích lệ: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”²³.

- Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ, trước đây thực dân Pháp cai trị đã thực hiện chính sách ngu dân để dễ lừa dối, bóc lột dân ta, có tới 95% đồng bào ta không biết chữ. “Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí”²⁴. Nạn thất học, kém hiểu biết là một cản trở lớn cho sự phát triển của đất nước và dân tộc. Người kêu gọi: “...Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”²⁵.

- Bên cạnh việc nâng cao dân trí, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ ra nhiệm vụ quan trọng trong kiến thiết đất nước là bồi dưỡng nhân tài. “Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa

²³Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 35.

²⁴Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 40.

²⁵Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 40.

chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều”²⁶.

- Xuyên suốt hai cuộc trường chinh kháng chiến chống lại các thế lực đế quốc thực dân Pháp và Mỹ, đường lối kiến thiết đất nước, từng bước hiện thực hóa khát vọng xây dựng và phát triển đất nước giàu mạnh, cường thịnh luôn được Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện một cách cụ thể, phù hợp, sáng tạo và quyết liệt²⁷.

- Trước lúc đi xa, trong Di chúc Người bày tỏ điều mong muốn cuối cùng, cũng là khát vọng tốt bậc: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”²⁸.

- Những tư tưởng, khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về một Việt Nam hùng cường tiếp tục được toàn Đảng, toàn dân tộc từng bước hiện thực hóa trong công cuộc xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, công cuộc đổi mới phát triển đất nước trong 35 năm qua và trong những chặng đường tiếp theo. Kết quả, thành tựu đem lại “rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật”²⁹, như Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”³⁰.

²⁶*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 114.

²⁷Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, thực hiện đường lối vừa kháng chiến vừa kiến quốc, “Kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành”. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thực hiện đường lối chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, xây dựng hậu phương vững chắc, chi viện cho tiền tuyến miền Nam; đường lối dân chủ nhân dân ở miền Nam, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

²⁸*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 15, tr. 623.

²⁹*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQG, H, 2021, tập 1, tr.77.

³⁰*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Nxb CTQG, H, 2021, tập 1, tr.104.

3.2. Thực hiện khát vọng đất nước giàu mạnh, cường thịnh trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng chế độ mới, mưu cầu hạnh phúc, ấm no cho nhân dân

- Hồ Chí Minh ngay từ khi ra đi tìm đường cứu nước đã mang khát vọng lớn lao: Độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Người khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”³¹.

- Khi nước nhà độc lập, khát vọng ấm no, hạnh phúc của nhân dân trở thành động lực và mục tiêu hành động của toàn Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tư tưởng của Người, hạnh phúc của người dân đơn giản là quyền sống, từ đó phát triển một dân tộc, một quốc gia hạnh phúc. Đó là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ, bình đẳng, không có chế độ người bóc lột người, “một xã hội hoàn toàn mới mẻ, đầy tính nhân văn, “đưa quần chúng đến một cuộc sống xứng đáng, vẻ vang và ngày càng phồn vinh, làm cho mọi người lao động có một Tổ quốc tự do, hạnh phúc và hùng cường, hướng tới những chân trời tươi sáng”.

- Trong quá trình xây dựng đất nước, Người rất coi trọng các chính sách kinh tế nhằm đạt tới sự ổn định và phát triển xã hội, đem lại hạnh phúc cho con người. Người khẳng định Đảng ta, Nhà nước ta từ nhân dân mà ra, vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ của nhân dân, không có lợi ích nào khác lợi ích của nhân dân.

- Cả cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh hiến dâng trọn vẹn cho cách mạng, “chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân”³².

³¹*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 187.

³²*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr 240

Trong Di chúc, Người dặn dò: “Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách làm cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở những lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần “tự lực cánh sinh”³³. Mong muốn của Người là ai ai cũng được góp công sức vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc và được hưởng thành quả do cách mạng mang lại.

Ý chí, khát vọng độc lập của Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân, hùng cường cho dân tộc và tấm gương mẫu mực suốt đời phụng sự đất nước, phục vụ nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là động lực, tư tưởng soi đường cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, vì một Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc.

3.3. Xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, thực hiện một cách có kế hoạch với sự đồng lòng của Chính phủ và người dân

- Hiện thực khát vọng đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là phải xây dựng chế độ chính trị dân chủ, tiến bộ, thật sự vì dân, xây dựng đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội văn minh, tiến bộ với những giá trị đạo đức tốt đẹp. Muốn vậy, phải xây dựng nền tảng kinh tế vững chắc, có kế hoạch thực hiện với sự đồng lòng của Chính phủ và người dân.

- Đất nước giành được độc lập, vấn đề kiến thiết, phát triển kinh tế - xã hội trở nên cấp thiết. Ngày 31/12/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 78 về việc thiết lập “Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết” của Chính phủ. Phát biểu trong phiên họp đầu tiên của Ủy ban ngày 10/01/1946, Hồ Chí Minh mong muốn mọi người “đem tài năng tri thức lo bồi bổ về mặt kinh tế và xã hội”, “Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành”.

³³Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 15, tr. 616.

- Trong thư gửi các giới công thương Việt Nam, Người viết: “Trong lúc các giới khác trong quốc dân ra sức hoạt động để giành lấy nền hoàn toàn độc lập của nước nhà, thì giới Công-Thương phải hoạt động để xây dựng một nền kinh tế và tài chính vững vàng và thịnh vượng. Chính phủ nhân dân và tôi sẽ tận tâm giúp giới Công - Thương trong công cuộc kiến thiết này”³⁴. Người nhấn mạnh, nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp, thương nghiệp thịnh vượng. Các nhà công nghiệp, thương nghiệp hãy cùng đem vốn vào làm những công cuộc ích quốc lợi dân.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Nước muốn giàu mạnh thì phải phát triển nông nghiệp”, “Chúng ta phải quý mỗi tấc đất như một tấc vàng”³⁵. Người khuyến khích: “Trong công cuộc xây dựng nước nhà, Chính phủ trông mong vào nông dân, trông cậy vào nông nghiệp một phần lớn. Nông dân ta giàu thì nước ta giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước ta thịnh. Nông dân muốn giàu, nông nghiệp muốn thịnh, thì cần phải có hợp tác xã”³⁶.

- Theo Người, “muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển công nghiệp nhưng đồng thời cũng phải phát triển nông nghiệp, vì hai ngành đó khăng khít với nhau... Nếu ngành công nghiệp phát triển mà ngành nông nghiệp không phát triển thì khập khểnh như người đi một chân”³⁷. Xuất phát từ điều kiện nước ta, sản xuất nông nghiệp có một vị trí hết sức quan trọng, Người chủ trương phải cải tạo và phát triển nông nghiệp thì mới có cơ sở để phát triển các ngành kinh tế khác, để tạo điều kiện cho việc công nghiệp hóa nước nhà.

³⁴Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 53.

³⁵Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 134.

³⁶Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 246.

³⁷Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 11, tr. 361.

- “Nhân dân ta, đặc biệt là công nhân và nông dân ta, phải hăng hái thi đua yêu nước, thực hiện khẩu hiệu: làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ”³⁸. “Tự lực cánh sinh, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm”³⁹. Có sự chung sức, đồng lòng của toàn Đảng, toàn xã hội, như vậy mới phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng thắng lợi.

3.4. Phát huy tối đa nội lực dân tộc, tranh thủ ngoại lực, có chính sách mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài

- Vấn đề nội lực dân tộc là một điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Với tinh thần “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”, ngay khi thời cơ đến, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sức mạnh nội lực của hơn 20 triệu người dân Việt Nam đã được phát huy, làm nên thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng Tháng Tám, giành chính quyền về tay nhân dân.

- Sau ngày nền độc lập ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Từ lúc giành quyền độc lập đến nay, xứ Việt Nam ta vẫn hết sức cố gắng để một mặt yên nội trị, một mặt gây thực lực chống xâm lăng và tranh thủ ngoại giao được thắng lợi. Sức cố gắng ấy đã đem lại cho chúng ta những kết quả khả quan”⁴⁰. Điều này đã nói lên tinh thần, quan điểm, đường lối của Đảng và Bác Hồ trong xây dựng và bảo vệ đất nước là phát huy tối đa các nguồn lực bên trong, tranh thủ nguồn lực bên ngoài, có chính sách mở cửa, hỗ trợ phát triển nền kinh tế nhằm tạo nội lực dân tộc vững mạnh.

- Người tuyên bố: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong

³⁸Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 11, tr. 391.

³⁹Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 11, tr. 236.

⁴⁰Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 148.

mọi lĩnh vực”, “Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình”⁴¹.

- Quan điểm của Người trong việc mở cửa, hợp tác quốc tế không chỉ nhằm mục đích nhận được sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, mà thông qua đó thu hút ngoại lực, thu hút đầu tư, tạo ra những điều kiện phát huy tiềm năng của đất nước, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của nhân dân. Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta, do vậy phải sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng, phát triển khả năng của ta, tức là có thêm điều kiện để tự lực cánh sinh.

- Ngay từ cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ vấn đề này trong đường lối kháng chiến, đường lối kiến thiết đất nước. Người chỉ rõ phải phát triển toàn diện kinh tế từ nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp tới phát triển dịch vụ, mở rộng giao lưu kinh tế với các nước, trước hết là các nước anh em, các nước xã hội chủ nghĩa. Suốt cuộc kháng chiến, mặc dù tình hình thế giới diễn biến phức tạp, song Người vẫn cố gắng mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước bạn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. “Cuộc kháng chiến lâu dài của chúng ta được thắng lợi là do nơi chúng ta động viên kinh tế được thành công, vì chúng ta có biết động viên kinh tế một cách khôn khéo, thực lực của chúng ta mới được đầy đủ và bền bỉ”⁴².

- Trong thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ, ý chí tự lực, tự cường được khơi dậy mạnh mẽ trong toàn Đảng và nhân dân hai miền Nam – Bắc nhằm thực hiện thắng lợi

⁴¹*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 523.

⁴²*Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 4, tr. 533.

nhệm vụ thống nhất đất nước, bảo toàn nền độc lập, đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thời gian này, chúng ta tiếp tục nhận được rất nhiều sự ủng hộ, giúp đỡ từ các nước anh em và bè bạn quốc tế. Điều này một lần nữa khẳng định quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng và Bác về coi trọng nội lực, khéo léo tranh thủ, tận dụng ngoại lực, xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước.

3.5. Luôn xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của đất nước, vận dụng sáng tạo lý luận vào thực tiễn để đưa ra những quan điểm, chủ trương phù hợp; không giáo điều, máy móc trong học tập kinh nghiệm của nước khác

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra trên cơ sở nhận thức khoa học, đúng đắn lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, phù hợp với thực tiễn đất nước. Từ thực tiễn, hoàn cảnh nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua chiến tranh, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, xây dựng chủ nghĩa xã hội “không thể làm mau được mà phải làm dần dần”, “làm sao cho dân giàu nước mạnh”⁴³.

- Độc lập, sáng tạo trong tư duy, quan điểm, chủ trương và hành động là phong cách nổi bật của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo Người, xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Việt Nam phải có cách làm, bước đi và biện pháp thích hợp. “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁴⁴.

- Chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo. Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin để dùng

⁴³Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 10, tr. 390.

⁴⁴Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2011, tập 10, tr. 391.

lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta⁴⁵.

Những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh có giá trị chỉ đạo thực tiễn và nghiên cứu lý luận về sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo con đường của chủ nghĩa xã hội, trở thành cơ sở, nền tảng tư tưởng đặc biệt quan trọng để Đảng đổi mới tư duy lý luận, nắm bắt thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan, hoạch định đường lối đổi mới tại Đại hội lần thứ VI của Đảng (12/1986) và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới trong các giai đoạn cách mạng để Việt Nam có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

II. ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ Ý CHÍ TỰ LỰC, TỰ CƯỜNG VÀ KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC PHỒN VINH, HẠNH PHÚC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

1. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

- Từ thuở bình minh, sơ khai trong lịch sử dân tộc, các thế hệ ông cha ta sớm đã hình thành ý chí, khát vọng phát triển quốc gia, dân tộc. Trải qua quá trình lịch sử, ý chí, khát vọng độc lập và hùng cường dân tộc đã được nuôi dưỡng, hun đúc

⁴⁵ *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, tập 11, tr. 92.

trở thành giá trị truyền thống, lẽ sống và sức mạnh Việt Nam, là cơ sở để khơi dậy, phát huy, nhân lên sức mạnh tổng thể, sự nỗ lực của cả dân tộc trong tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ thời các vua Hùng dựng nước, đến Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa “đền nợ nước, trả thù nhà”, ước vọng của Triệu Thị Trinh “đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn”... Hay qua lời tuyên ngôn “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt, “Hịch tướng sĩ” của Trần Hưng Đạo, “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi, những chiến thắng vang dội 20 vạn quân Thanh dưới thời đại Quang Trung...

- Kế thừa truyền thống lịch sử - văn hóa của dân tộc, tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc ở Hồ Chí Minh luôn bắt nguồn từ nhận thức đúng đắn về con người, hạnh phúc của người dân, của quốc gia dân tộc, ở Việt Nam nói riêng và trên toàn thế giới nói chung.

- Người quan niệm chủ nghĩa xã hội là chế độ tốt nhất mang lại hạnh phúc cho mọi người. Hạnh phúc ấy do chính con người tạo dựng với sự lãnh đạo, định hướng của đảng cộng sản, đảng cách mạng chân chính. Hạnh phúc ấy bắt đầu từ những mục tiêu căn bản nhất, mọi người đều thoát cảnh đói nghèo, được ăn, ở, học hành, có đời sống văn hóa vật chất, tinh thần tốt đẹp, lành mạnh. Từ hạnh phúc căn bản đó mà tạo ra từng gia đình hạnh phúc, nhân rộng thành cộng đồng hạnh phúc, đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng dân tộc đã đạt nhiều kỳ tích chói lọi, làm nên Cách mạng tháng Tám, khai sinh nền độc lập, mở ra thời đại

mới, kỷ nguyên mới độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội, khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng của Đảng và dân tộc ta là đúng đắn, phù hợp quy luật khách quan, thực tiễn đất nước và xu hướng phát triển của thời đại.

- Hiện nay, công cuộc đổi mới đã và đang mang lại những thay đổi lớn lao, mà một trong những nguyên nhân căn bản là do chúng ta biết quy tụ, khơi dậy, phát huy ý chí tự cường và khát vọng phát triển của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, trở thành nguồn sức mạnh nội sinh to lớn, tiếp tục phục vụ đắc lực sự nghiệp cách mạng dân tộc trong giai đoạn mới.

- Bài học kinh nghiệm quý giá của công cuộc đổi mới chính là dựa vào sức dân, phát huy tinh thần và ý chí khát vọng của nhân dân trong xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường hòa bình. Thành tựu của công cuộc đổi mới trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội đã thể hiện rõ nét hiệu quả của việc phát huy ý chí, khát vọng phát triển đất nước của toàn nhân dân ta, dân tộc ta.

Điều này đã được Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”.

- Có thể nói, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã và đang, tiếp tục là điểm tựa quan trọng để Đảng và Nhà nước ta hoạch định đường lối chiến lược phát triển đất nước trong bối cảnh quốc tế hiện nay, tiếp tục dẫn dắt dân tộc tiến bước trên con đường phát triển và tiến bộ xã hội.

2. Bối cảnh thời đại và yêu cầu đặt ra phải phát huy ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước của toàn dân tộc

- Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ, tình hình thế giới “tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường”. Đáng chú ý là vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, vấn đề cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt...

- Trong bối cảnh thế giới phát triển phụ thuộc lẫn nhau, lợi ích quốc gia, dân tộc là nhân tố quyết định để mỗi quốc gia dân tộc tham gia vào các mối quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế thành công. Ngoài tiềm lực kinh tế, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng phát triển của toàn dân tộc là chỗ dựa và điều kiện căn bản, cốt lõi để mở rộng quan hệ hợp tác, hội nhập quốc tế.

- Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn đang có tác động mạnh mẽ đến Việt Nam càng đòi hỏi Việt Nam phải luôn giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường, khát vọng phát triển để bảo vệ vững chắc môi trường hòa bình, tận dụng cơ hội và hóa giải những thách thức đối với độc lập, hòa bình và phát triển của dân tộc.

- Thực tiễn 35 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thể hiện một cách sinh động ý chí, khát vọng phát triển của dân tộc ta. Những thành tựu của công cuộc đổi mới là nền tảng quan trọng giúp chúng ta củng cố niềm tin, sự quyết tâm, nỗ lực, tiếp tục thúc đẩy con đường đi lên của dân tộc. Hơn lúc nào hết, cần phát huy mạnh mẽ chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển của toàn dân tộc làm động lực cho sự phát triển trong giai đoạn phát triển mới.

- Đại hội XIII của Đảng đã xác định các quan điểm chỉ đạo công cuộc đổi mới hiện nay, trong đó nhấn mạnh: Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước⁴⁶.

- Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ nhiệm vụ, giải pháp tăng cường công tác xây dựng Đảng, khẳng định: “Kiên định và không ngừng vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong từng giai đoạn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên định đường lối đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. “Trong những năm tới phải đặc biệt coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ”⁴⁷.

- Văn kiện Đại hội cũng nhấn mạnh: Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng Đảng gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng các giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình từ Trung ương đến chi bộ; cấp ủy cấp trên chủ động gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân ở những nơi có vấn đề phức tạp, có biểu hiện

⁴⁶ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, H, 2021, tập 1, tr.110.

⁴⁷ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, H, 2021, tập 1, tr.180.

suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; coi trọng kiểm tra việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm⁴⁸.

- Trên tinh thần đó, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nâng cao tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng cống hiến, phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên và người dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nhiệm vụ cách mạng trong các giai đoạn lịch sử.

3. Một số giải pháp đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc

Để việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời gian tới đi vào chiều sâu, chất lượng, thiết thực, cần tập trung làm tốt ba nội dung: *Học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ, đảng viên*. Nghiên cứu, thực hiện hiệu quả các giải pháp sau:

(1) *Cần nhận thức sâu sắc, thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Coi đây là công việc thường xuyên, không thể thiếu đối với mỗi cán bộ, đảng viên*

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về nội dung, giá trị và ý nghĩa to lớn của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Học tập và làm theo Bác để Đảng ta và mỗi đảng viên xứng đáng với vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam và sự tin cậy của nhân dân.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, vận dụng sáng tạo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc thực

⁴⁸ Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb CTQG, H, 2021, tập 2, tr.236.

hiện phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, đề tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người trở thành động lực, nguồn sức mạnh to lớn để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

(2) Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đưa nội dung làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh vào chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết của đảng bộ cấp mình, gắn với nhiệm vụ chính trị

- Kết hợp chặt chẽ giữa học tập với làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi địa phương, đơn vị và công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; giải quyết hiệu quả các khâu đột phá và các vấn đề trọng tâm, bức xúc trong thực tiễn.

- Thực hiện đồng bộ giữa "xây" và "chống"; "xây" là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, "chống" là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách. "Xây" là tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước; động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và nghị quyết đại hội đảng của các địa phương, cơ quan, đơn vị đã đề ra.

"Chống" là đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ; phê phán, xử lý nghiêm những việc làm sai trái, thiếu trách nhiệm, quan liêu, hách dịch, cửa quyền; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực với tinh thần không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không ngừng nghỉ, không bị tác động bởi

bất cứ tổ chức, cá nhân có hành vi không lành mạnh nào. Nâng cao tính cảnh tỉnh, răn đe đối với những tư tưởng, biểu hiện tiêu cực; khuyến khích, cổ vũ cán bộ, đảng viên suy nghĩ, hành động vì lợi ích chung, vì hạnh phúc của nhân dân, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh.

(3) Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, lôi cuốn sự vào cuộc của toàn xã hội

- Đẩy mạnh tuyên truyền, gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành, nhằm lan tỏa, khơi dậy tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Làm cho mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc và tự giác thực hiện bổn phận, trách nhiệm của bản thân, gần bó chặt chẽ, liên hệ mật thiết với nhân dân, “trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân”, thực hiện có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, làm cho tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội.

- Nghiên cứu tổ chức cuộc vận động “Toàn Đảng, toàn dân khơi dậy khát vọng phát triển đất nước”, với quyết tâm “sánh vai với các cường quốc” như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò của báo chí và hệ thống thông tin đại chúng, đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong công tác tuyên truyền.

(4) Nêu cao trách nhiệm nêu gương trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí, tự lực, tự cường dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh trong cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu

- Đề cao việc phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng theo phương châm cán bộ có chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, khẳng định vai trò lãnh đạo, tính tiên phong, gương mẫu "trên trước, dưới sau", "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

- Lãnh đạo chủ chốt các cấp phải thể hiện tư tưởng vững vàng, quan điểm đúng đắn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, hết lòng vì nước, vì dân; có phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, sâu sát thực tiễn, thật sự là hạt nhân đoàn kết, quy tụ, tạo động lực và phát huy trí tuệ tập thể; luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, toàn diện, công tâm, công khai, minh bạch, chính xác, chống cục bộ địa phương, bè phái trong công tác cán bộ. Nghiêm túc tự phê bình và phê bình, thấy đúng phải cương quyết bảo vệ, thấy sai phải quyết liệt đấu tranh.

- Mỗi cán bộ, đảng viên cần phát huy vai trò nêu gương trong xây dựng ý chí, khát vọng phát triển của bản thân và của cơ quan, đơn vị. Không ngừng học tập, tu dưỡng, rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, tự giác nêu gương cần, kiệm, liêm, chính, lao động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Mỗi cán bộ, đảng viên tự nêu gương sáng, hàng triệu đảng viên là những tấm gương sáng, toàn Đảng ta sẽ thực sự trong sạch, vững mạnh, gắn bó máu thịt với nhân dân. Đây là điều kiện tiên quyết để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong Đảng và xã hội.

(5) *Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng* phù hợp với điều kiện mới, làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, làm cho mỗi cán bộ, đảng viên thấy rõ bổn phận và trách nhiệm của mình, nêu cao bản lĩnh chính trị, đấu tranh có hiệu quả với mọi biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, bệnh quan liêu, cơ hội, cục bộ, bè phái, lợi ích nhóm, mất đoàn kết nội bộ, chống suy thoái về chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức tu dưỡng, “nói đi đôi với làm”, “rèn luyện suốt đời”, thường xuyên “tự soi”, “tự sửa”.

(6) *Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh* đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn, phù hợp với từng đối tượng.

Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Khuyến khích sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

(7) *Nâng cao tính khoa học, tính chiến đấu trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị*, chủ động thông tin kịp thời, chính xác, khách quan, đúng định hướng chính trị để phòng, chống “diễn biến hòa bình”, loại thông tin xấu, độc trên internet, mạng xã hội, để cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn, tích cực tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, làm cho tư tưởng tiến bộ thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, có tác dụng uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, bồi đắp thế giới quan, phương pháp

luyện và niềm tin khoa học trong mỗi cán bộ, đảng viên và người dân, củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội.

(8) Coi trọng công tác kiểm tra, giám sát

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc thực hiện Chỉ thị 05 gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhằm cảnh tỉnh, cảnh báo, phát hiện từ sớm, kịp thời ngăn chặn vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm cho việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được thực hiện nghiêm túc, thực sự đi vào nền nếp, thực chất, hiệu quả.

- Phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và nhân dân đối với cán bộ, đảng viên trong thực hiện quy định nêu gương. Xử lý kiên quyết, nghiêm minh các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên vi phạm. Khen thưởng, biểu dương, động viên kịp thời những mô hình hay, các điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu.

BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ TRÊN MẠNG XÃ HỘI

(trích)

Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội được Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Quyết định số 874/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2021, gồm 3 Chương, 9 Điều, nhằm tạo điều kiện phát triển lành mạnh mạng xã hội tại Việt Nam, đảm bảo quyền tự do cá nhân, quyền tự do kinh doanh, không phân biệt đối xử nhà cung cấp dịch vụ trong và ngoài nước, phù hợp với chuẩn mực, thông lệ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia; xây dựng chuẩn mực đạo đức về hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, giáo dục ý thức, tạo thói quen tích cực trong các hành vi ứng xử của người dùng trên mạng xã hội, góp phần xây dựng môi trường mạng an toàn, lành mạnh tại Việt Nam.

Sau đây là nội dung một số điều trong Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội:

Điều 3. Quy tắc ứng xử chung

Quy tắc ứng xử chung là những quy tắc áp dụng cho tất cả các nhóm đối tượng:

1. Quy tắc Tôn trọng, tuân thủ pháp luật: Tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Quy tắc Lành mạnh: Hành vi, ứng xử trên mạng xã hội phù hợp với các giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

3. Quy tắc An toàn, bảo mật thông tin: Tuân thủ các quy định và hướng dẫn về bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin.

4. Quy tắc Trách nhiệm: Chịu trách nhiệm về các hành vi, ứng xử trên mạng xã hội; phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý hành vi, nội dung thông tin vi phạm pháp luật.

Điều 4. Quy tắc ứng xử cho tổ chức, cá nhân

1. Tìm hiểu và tuân thủ các điều khoản hướng dẫn sử dụng của nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội trước khi đăng ký, tham gia mạng xã hội.

2. Nên sử dụng họ, tên thật cá nhân, tên hiệu thật của tổ chức, cơ quan và đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ để xác thực tên hiệu, địa chỉ trang mạng, đầu mối liên lạc khi tham gia, sử dụng mạng xã hội.

3. Thực hiện biện pháp tự quản lý, bảo mật tài khoản mạng xã hội và nhanh chóng thông báo tới các cơ quan chức năng, nhà cung cấp dịch vụ khi tài khoản tổ chức, cá nhân bị mất quyền kiểm soát, bị giả mạo, lợi dụng và sử dụng vào mục đích không lành mạnh, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Chia sẻ những thông tin có nguồn chính thống, đáng tin cậy.

5. Có các hành vi, ứng xử phù hợp với những giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống của dân tộc Việt Nam; không sử dụng từ ngữ gây thù hận, kích động bạo lực, phân biệt vùng miền, giới tính, tôn giáo.

6. Không đăng tải những nội dung vi phạm pháp luật, các thông tin xúc phạm danh dự, nhân phẩm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác; sử dụng ngôn ngữ phản cảm, vi phạm thuần phong mỹ tục; tung tin giả, tin sai sự thật; quảng cáo, kinh doanh dịch vụ trái phép... gây bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

7. Khuyến khích sử dụng mạng xã hội để tuyên truyền, quảng bá về đất nước - con người, văn hóa tốt đẹp của Việt Nam, chia sẻ thông tin tích cực, những tấm gương người tốt, việc tốt.

8. Vận động người thân trong gia đình, bạn bè, những người xung quanh tham gia giáo dục, bảo vệ trẻ em, trẻ vị thành niên sử dụng mạng xã hội một cách an toàn, lành mạnh.

Điều 5. Quy tắc ứng xử cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước

1. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước thực hiện nội dung quy định tại Điều 4 của Bộ Quy tắc này.

2. Thực hiện nội quy của cơ quan, tổ chức về việc cung cấp thông tin lên mạng xã hội.

3. Thông báo tới cơ quan chủ quản để kịp thời có hướng xử lý, trả lời, giải quyết khi có những ý kiến, thông tin trái chiều, thông tin vi phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực quản lý của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Điều 6. Quy tắc ứng xử cho các cơ quan nhà nước

1. Thực hiện nội dung quy định cho cơ quan, tổ chức nêu tại Điều 4 của Bộ Quy tắc này.

2. Có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản mạng xã hội và nhanh chóng thông báo tới nhà cung cấp dịch vụ khi tài khoản của cơ quan, tổ chức bị mất quyền kiểm soát hoặc bị giả mạo.

3. Cung cấp thông tin trên mạng xã hội đồng bộ, thống nhất với thông tin đã được cung cấp trên các phương tiện truyền thông chính thống khác.

4. Nên có phản hồi những ý kiến trên mạng xã hội về vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức mình.

Điều 7. Quy tắc ứng xử cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội

1. Công bố rõ ràng các điều khoản sử dụng dịch vụ, bao gồm tất cả các quyền và nghĩa vụ của nhà cung cấp dịch vụ và người sử dụng.

2. Ban hành và công khai các biện pháp phát hiện, thông báo và phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý, ngăn chặn và loại bỏ các nội dung thông tin vi phạm bản quyền, vi phạm pháp luật.

3. Khi nhận được thông báo yêu cầu loại bỏ các thông tin vi phạm bản quyền, vi phạm pháp luật từ cơ quan chức năng có thẩm quyền, nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội phối hợp với tổ chức, cá nhân sử dụng mạng xã hội để xử lý theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Hướng dẫn người sử dụng mạng xã hội, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của “người yếu thế” trong xã hội (người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em, trẻ vị thành niên, người khuyết tật...) sử dụng mạng xã hội an toàn, lành mạnh nhằm tránh bị khai thác, lạm dụng, bạo lực về tinh thần trên mạng xã hội; có biện pháp để bảo đảm sự an toàn và phát triển lành mạnh của trẻ em, trẻ vị thành niên trên mạng xã hội theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Tôn trọng quyền được bảo vệ thông tin của người sử dụng, không thu thập thông tin cá nhân và cung cấp thông tin của người sử dụng dịch vụ cho bên thứ ba khi chưa được sự cho phép của chủ thể thông tin.

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI, KHU VỰC

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 VÀ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA

1. Tình hình thế giới và khu vực 6 tháng đầu năm 2021

Tình hình thế giới và khu vực 6 tháng đầu năm 2021 chuyển động nhanh, phức tạp dưới tác động của nhiều nhân tố, nhất là do đại dịch Covid-19, sự điều chỉnh và cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, tác động trực tiếp đến môi trường an ninh và phát triển của đất nước ta, trong đó nổi lên một số vấn đề lớn đáng chú ý như sau:

Một là, việc kiểm soát đại dịch Covid-19, tuy còn nhiều khó khăn nhưng có tiến triển tích cực, tại nhiều nước phát triển, việc sản xuất vắc-xin được nâng lên và hiệu quả của vắc-xin được khẳng định. Tuy nhiên, các biến thể vi-rút mới xuất hiện đã đe dọa và kéo lùi thành quả chống dịch và phục hồi kinh tế, ngay tại các nước phát triển, có tỷ lệ tiêm chủng cao; sự khan hiếm, cạnh tranh toàn cầu về vắc-xin khiến các nước đang phát triển tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn.

Hai là, kinh tế thế giới được dự báo phục hồi khả quan, song còn bấp bênh và tiềm ẩn nhiều rủi ro. GDP toàn cầu dự báo tăng 5,6% năm 2021. Tuy nhiên, sự phục hồi kinh tế không đồng đều diễn ra giữa các lĩnh vực, giữa các nhóm nước, giữa thương mại với đầu tư nước ngoài. Trong đó, một số ngành còn gặp nhiều khó khăn như: hàng không, du lịch, giao thông vận tải...

Ba là, một số xu hướng xuất hiện từ trước đại dịch tiếp tục được đẩy mạnh hơn hiện nay, nhất là tăng trưởng xanh, liên kết kinh tế, ký kết các FTAs; xu hướng chuyển đổi số, liên kết số, xây dựng luật chơi về số.

Bốn là, các nước lớn cạnh tranh chiến lược gay gắt, toàn diện; xu thế tập hợp lực lượng gia tăng phức tạp hơn. Quan

hệ Mỹ - Trung vận động theo hướng cạnh tranh chiến lược, song các kênh đối thoại đã được nối lại dù còn nhiều khó khăn, trở lực. Quan hệ giữa Mỹ, EU với Nga tiếp tục căng thẳng, song đã có nhiều dấu hiệu dịu xuống, hai bên đã tiến hành Hội nghị Thượng đỉnh ngày 16/6/2021. Quan hệ Trung - Nga được lãnh đạo hai nước tuyên bố là “đang tốt đẹp nhất trong lịch sử”...

Năm là, chủ nghĩa đa phương được củng cố. Chính quyền Tổng thống Joe Biden đã tạo động lực cho một số cơ chế đa phương, nhất là tập hợp được các đồng minh, đối tác để ứng phó với các thách thức toàn cầu (biến đổi khí hậu, Covid-19...). Các tổ chức đa phương tuy còn gặp khó khăn, song phát huy được vai trò, hiệu quả hơn.

Sáu là, các nước lớn tiếp tục ưu tiên tăng cường quan hệ và triển khai chính sách tại châu Á - Ấn Độ Dương, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đồng thời đẩy mạnh cạnh tranh chiến lược nước lớn⁴⁹.

Bảy là, Đông Nam Á trải qua giai đoạn khó khăn nhất kể từ nhiều năm qua do tác động đồng thời của dịch bệnh; các nước lớn tăng cường lôi kéo, tranh giành ảnh hưởng và chính biến tại Mi-an-ma.

ASEAN ưu tiên ứng phó với Covid-19; tích cực can dự trong xử lý vấn đề Mi-an-ma. Bên cạnh đó, ASEAN đang bộc lộ nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và không chủ động được về vắc-xin; một số thỏa thuận đạt được

⁴⁹ Mỹ ra sức lôi kéo đồng minh, đối tác ứng phó với Trung Quốc; Trung Quốc đẩy mạnh tập hợp lực lượng nhằm hóa giải sức ép của Mỹ và khẳng định vị thế, ảnh hưởng tại khu vực, triển khai nhiều hoạt động đối ngoại, thương mại, đầu tư, viện trợ vắc-xin... Đáng chú ý là nhiều nước lớn trong và ngoài khu vực như Anh, EU, Ấn Độ, Pháp, Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản đẩy mạnh triển khai các sáng kiến tại châu Á - Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương; trong đó một số khuôn khổ “tiền đa phương” do các nước tâm trung dẫn dắt được thúc đẩy.

trong năm 2020 vẫn chưa được triển khai do các nguyên nhân khách quan và chủ quan...

Tám là, tình hình Biển Đông không xảy ra sự cố lớn, bất ngờ, song xu hướng phức tạp trên thực địa gia tăng. Cả Trung Quốc và Mỹ đều tăng cường các hoạt động của tàu thuyền quân sự ở Biển Đông.

Vấn đề Biển Đông được quốc tế hóa ở mức cao. Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Anh, Pháp, Đức, Ca-na-đa cử tàu hiện diện hoặc tập trận ở Biển Đông. Các Hội nghị Thượng đỉnh hoặc Bộ trưởng nhóm Bộ Tứ, NATO, EU, G7... nêu quan ngại sâu sắc về tình hình Biển Đông. Các nước Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a tích cực và phản ứng mạnh hơn trước hành động của Trung Quốc về khía cạnh pháp lý và trên thực địa; Phi-líp-pin ra tuyên bố của Ngoại trưởng Kỷ niệm 5 năm phán quyết của Tòa trọng tài năm 2016...

2. Công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta

Thứ nhất, tích cực, chủ động, linh hoạt và kịp thời tổ chức các hoạt động đối ngoại cấp cao song phương nhằm xây dựng và tăng cường quan hệ giữa lãnh đạo nước ta với lãnh đạo các nước, góp phần đưa quan hệ hợp tác đi vào chiều sâu

Sau Đại hội Đảng lần thứ XIII, Đảng và Nhà nước ta đã triển khai các hoạt động đối ngoại với các nước và đối tác. Lãnh đạo các Ban Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Công an, Ngoại giao, các bộ, ngành Trung ương, Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị... đã tích cực tiến hành rất nhiều các cuộc điện đàm, trao đổi, tiếp xúc với các đối tác.

Các hoạt động đối ngoại cấp cao được triển khai có trọng điểm, nội dung thực chất, tập trung vào các vấn đề có nhu cầu, hợp tác về tiếp cận vắc-xin, thúc đẩy các hoạt động hợp tác kinh tế, xuất khẩu hàng hóa, đầu tư, tăng trưởng xanh, hạ tầng, kinh tế số...

Cùng với chương trình hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo cấp cao, các kênh đối ngoại Đảng, đối ngoại Quốc hội, đối ngoại Nhân dân, đối ngoại Quốc phòng đã được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Thứ hai, tích cực vận động tiếp cận vắc-xin, đồng thời hỗ trợ các nước ứng phó với dịch bệnh Covid-19

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Bộ Chính trị, sự chỉ đạo và tham gia trực tiếp của các đồng chí Lãnh đạo chủ chốt, các bộ, ban, ngành, các kênh đối ngoại đã đẩy mạnh trọng tâm “ngoại giao vắc-xin”, nhất là triển khai vận động trong các hoạt động đối ngoại cao nhất của Lãnh đạo nước ta, đạt nhiều kết quả khả quan. Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tích cực vận động ở nước sở tại cung cấp vắc-xin và chuyển giao công nghệ sản xuất.

Các cơ quan và địa phương phối hợp triển khai quyết liệt các hoạt động phục vụ mục tiêu kép, tập trung vào: (i) ứng phó và ngăn chặn dịch bệnh xâm nhập vào Việt Nam, phối hợp tốt với các nước bạn để giải quyết các khía cạnh phức tạp, quản lý xuất nhập cảnh; (ii) phối hợp tổ chức nhiều chuyến bay, đưa công dân thuộc các đối tượng ưu tiên về nước; (iii) trao tặng các vật tư y tế và hỗ trợ tiền mặt cho các đối tác nước ngoài cũng như cộng đồng người Việt Nam tại các nước...

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại đa phương, đảm nhận tốt trọng trách Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc (HĐBA/LHQ) trong tháng 04/2021 và phát huy vai trò trong ASEAN

Các bộ, ban, ngành đã tích cực phối hợp triển khai Chỉ thị số 25 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa

phương đến năm 2030, với nhiều sự kiện đối ngoại đa phương cấp cao quan trọng⁵⁰.

Tại các hoạt động trên, Việt Nam đã lồng ghép những vấn đề có lợi ích, nhấn mạnh yêu cầu hợp tác và đoàn kết trong kiểm soát dịch bệnh, bảo đảm tiếp cận vắc-xin công bằng, xử lý các khác biệt, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, huy động nguồn lực cho phát triển bền vững và bao trùm... Việt Nam đảm nhiệm tốt trọng trách Ủy viên không Thường trực HĐBA/LHQ nhiệm kỳ 2020 - 2021, nhất là vai trò Chủ tịch HĐBA/LHQ trong tháng 4/2021. Trong ASEAN, Việt Nam tiếp tục thúc đẩy vai trò trung tâm của ASEAN và vị thế của Việt Nam...

Các bộ, ngành tích cực triển khai các hoạt động đa phương, hội thảo, hội nghị với tinh thần chủ động, linh hoạt với hình thức trực tuyến; tích cực ứng cử vào các tổ chức quốc tế.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương và doanh nghiệp làm trung tâm

Các bộ, ngành, địa phương đã phối hợp góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp, địa phương mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, giải quyết các tranh chấp thương mại, bảo đảm lợi ích chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam. Các cơ quan liên quan đã phối hợp chặt chẽ, bước đầu vận động thành công Bộ

⁵⁰ Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc lần đầu tiên chủ trì Phiên thảo luận mở cấp cao HĐBA/LHQ về “Tăng cường hợp tác giữa Liên Hợp quốc với các tổ chức nhằm thúc đẩy xây dựng lòng tin và đối thoại trong ngăn ngừa và giải quyết xung đột” (19/4); phát biểu ghi hình tại Lễ khai mạc trực tuyến Diễn đàn châu Á Bắc Ngao (20/4); dự Hội nghị thượng đỉnh trực tuyến về khí hậu do Tổng thống Mỹ chủ trì (22 - 23/4). Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tham dự Hội nghị các nhà lãnh đạo ASEAN dưới hình thức trực tiếp...

Tài chính Mỹ đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia thao túng tiền tệ (16/4/2021).

Công tác hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục bám sát Kế hoạch hành động của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA); thúc đẩy thủ tục phê chuẩn trong nước Hiệp định Đối tác kinh tế toàn khu vực (RCEP), vận động thành công 7 Nghị viện thành viên EU phê chuẩn Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam - EU (EVIPA)... Bên cạnh đó, Việt Nam tích cực tham gia, đóng góp tại các diễn đàn đa phương, như: APEC, ASEM; tham gia quá trình tham vấn lựa chọn Tổng Giám đốc Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Các đề xuất, sáng kiến của Việt Nam được nhiều nước đánh giá cao và hưởng ứng.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HÒA

06 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2021

1. Về kinh tế

Một số chỉ tiêu tăng hoặc bằng so với cùng kỳ năm trước: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tăng 0,49%⁵¹ so với cùng kỳ năm trước, trong đó GRDP theo ngành kinh tế ước tăng 0,46% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm 2021 ước tăng 0,5%⁵² so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính 6 tháng đầu năm đạt: 33.511,1 tỷ đồng, tăng 7,8%; thu ngân sách nhà nước đạt 7.257,8 tỷ đồng, bằng 52,8% dự toán và tăng 4,6%; chi cân đối ngân sách đạt 5.108,4 tỷ đồng, bằng 46,4% kế hoạch; thu nội địa đạt 6.28,7 tỷ đồng, bằng 54,6% dự toán và tăng 11,4% so với cùng kỳ; huy động vốn toàn tỉnh đạt 89.999 tỷ đồng, tăng 4,5%; tổng vốn đầu tư phát triển xã hội trên địa bàn tỉnh đạt 23.640 tỷ đồng, tăng 10,2%; tổng sản lượng thủy sản đạt 67,4 nghìn tấn, tăng 2,9%; tổng sản lượng sản xuất muối trên toàn tỉnh là 27.462 tấn; tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 53.124,1 ha, bằng 71,5%...

⁵¹ Đây là mức tăng trưởng dương đầu tiên kể từ khi dịch Covid-19 xuất hiện từ đầu năm 2020.

⁵² Bình quân những năm gần đây, các lĩnh vực sản xuất chủ yếu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành sản xuất công nghiệp như: đóng tàu chiếm 17,6%, chế biến thủy sản chiếm 32%, sản xuất đồ uống chiếm 12,34%. Năm 2021, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tiếp tục ảnh hưởng đến giá trị sản xuất của các lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu ngành sản xuất công nghiệp, dẫn đến chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 chỉ tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Các chỉ số giảm so với cùng kỳ năm trước: doanh thu du lịch đạt 1.785,1 tỷ đồng, giảm 49,2,7%; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 330,8 triệu USD, giảm 12,2%.

Tỉnh đang thúc đẩy triển khai thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8); Cải tạo, nâng cấp kênh chính Nam hồ chứa Cam Ranh và kênh chính hồ chứa Suối Dầu (ADB8); Đầu tư cơ sở hạ tầng chống ngập lụt, xói lở Khu dân cư Mỹ Thanh, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh, kè bờ hữu sông Cái và kè bờ sông Cái qua xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang; Tiêu thoát lũ các xã Diên Sơn - Diên Điền - Diên Phú; Đường Tỉnh lộ 2 (ĐT.635), đoạn từ Cầu Hà Dừa đến Cầu Đôi; Đường Tỉnh lộ 3; Đường giao thông từ QL1A đến Đàm Môn; Đập ngăn mặn sông Cái Nha Trang; Môi trường bền vững các thành phố Duyên Hải - Tiêu dự án thành phố Nha Trang...

Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách, tỉnh Khánh Hòa có một số dự án lớn, quan trọng đã, đang và sẽ thực hiện tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo nguồn thu mới như: Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, Cảng tổng hợp Nam Vân Phong và Bắc Vân Phong, Khu công nghiệp Ninh Thủy; các Cụm công nghiệp như Diên Phú -VCN, Trảng É 1, Sông Cầu; các Nhà máy điện mặt trời như: Sông Giang, KN Cam Lâm, AMI; các dự án khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh như: Vinpearl Long Beach villas, Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Duyên Hà, Fusion Maia Nha Trang Resort,...

2. Về văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục và Đào tạo: Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, ngành Giáo dục và Đào tạo đã quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc

gia phòng, chống dịch Covid-19, các bộ, ban, ngành liên quan, Tỉnh ủy, UBND tỉnh; đồng thời cho học sinh tạm dừng đến trường từ ngày 12/5/2021 và chuyển sang hình thức dạy học trực tuyến từ ngày 10/5/2021, đảm bảo kết thúc chương trình năm học 2020 - 2021 theo đúng tinh thần chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục tăng cường dạy học trực tuyến ôn tập cho học sinh khối 9 và khối 12 chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2021 - 2022 và kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 đạt kết quả cao.

Một số kết quả nổi bật trong 6 tháng đầu năm 2021: Tham gia Cuộc thi Khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp quốc gia, kết quả đạt 01 giải Ba và 01 giải Tư; tham dự kỳ thi Olympic 30/4 năm 2021 của Đoàn học sinh Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn tại Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, thành phố Hồ Chí Minh, kết quả có 41/54 học sinh đạt huy chương các loại (5 huy chương Vàng, 20 huy chương Bạc, 16 huy chương Đồng); tổ chức thành công Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh năm học 2020 - 2021, kết quả có 1.335 huy chương (389 huy chương Vàng, 352 huy chương Bạc và 594 huy chương Đồng); tổ chức Hội thi Giáo viên Tiểu học dạy giỏi cấp tỉnh năm học 2020 - 2021, kết quả có 96/96 (100%) giáo viên đạt danh hiệu Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh được cấp giấy chứng nhận; trong đó có 18 giáo viên xuất sắc được Giám đốc Sở tặng Giấy khen.

2.2. Y tế: Ngành Y tế tăng cường công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, chủ động đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh, giám sát tả, dịch cúm, sốt xuất huyết, sởi, Rubella, bệnh Tay - Chân - Miệng, thủy đậu, bệnh viêm phổi do virus Corona; triển khai công tác chuẩn bị thường trực cấp cứu, phương tiện và thuốc điều trị tại các cơ sở khám chữa bệnh trong dịp Tết Nguyên đán, các kỳ nghỉ lễ. Tiếp tục phối hợp tiếp nhận cách ly tập trung, điều tra dịch tễ lấy mẫu xét nghiệm cho các chuyên gia, người nước ngoài và người Việt

Nam nhập cảnh về nước, người đến từ các vùng đang có dịch Covid-19; thực hiện công tác phòng chống dịch, an toàn vệ sinh thực phẩm và phục vụ y tế cho bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tính chung 5 tháng đầu năm 2021, toàn tỉnh ghi nhận 1.899 ca sốt xuất huyết, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước; 684 ca tay chân miệng, tăng gấp 6,2 lần so với cùng kỳ năm trước; không ghi nhận ca dương tính với sởi.

* *Tình hình dịch bệnh Covid-19*: Cuối tháng 6 và đầu tháng 7, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát nhanh, diễn biến phức tạp, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành và địa phương trong toàn tỉnh đã triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, kích hoạt các kế hoạch, kịch bản ứng phó phòng, chống, huy động toàn bộ hệ thống chính quyền các cấp. Đối với các sự kiện bắt buộc phải tổ chức, cơ quan, tổ chức phải đảm bảo đầy đủ các quy định trong phòng, chống dịch; lễ hiếu, hi, hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng được các cơ quan y tế giám sát chặt chẽ, hạn chế tổ chức ăn uống. Đã triển khai 3 đợt tiêm vắc xin phòng Covid-19 với tổng số là 32.054 người (đối tượng ưu tiên tiêm thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 theo Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/2/2021 của Chính phủ về mua và sử dụng vắc xin phòng Covid-19).

2.3. Văn hóa và Thể thao: Ngành Văn hóa và Thể thao đã triển khai nhiều hoạt động tuyên truyền, văn hóa, nghệ thuật và thể thao phục vụ nhân dân nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và của tỉnh; tuyên truyền công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trong 6 tháng đầu năm 2021, tổ chức tốt các hoạt động văn hóa tại cơ sở phục vụ nhân dân như: 100 buổi biểu diễn nghệ thuật, 450 buổi chiếu phim lưu động, 30 buổi tuyên truyền lưu động, 40 buổi hô hát bài chòi, 07 đợt triển lãm, luân chuyển sách cơ sở cho 82 trạm, có 02

di tích được công nhận là di tích cấp tỉnh. Về thể thao thành tích cao, 06 tháng đầu năm tham dự 15 giải thể thao toàn quốc, đạt 78 bộ huy chương (18 vàng, 25 bạc, 35 đồng), có 24 vận động viên đạt cấp kiện tướng, 19 vận động viên đạt cấp I quốc gia. Đăng cai tổ chức 05 giải thể thao cấp tỉnh, 03 giải thể thao quốc gia; tổ chức thành công Lễ khai mạc Đại hội thể dục thể thao tỉnh Khánh Hòa lần thứ IX năm 2021.

2.4. Lao động, người có công và an sinh xã hội: Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh thực hiện tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cho 14.806 người, đạt 50,3% so với kế hoạch; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến tháng 6/2021 đạt 80,5%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 26,05%.

2.5. Về chỉ tiêu phát triển số người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp: 6 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc và tự nguyện) đạt 24,16%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 19,93%.

2.6. Quốc phòng - an ninh: Trong 6 tháng đầu năm 2021, các đơn vị lực lượng vũ trang của tỉnh tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh; tiếp tục đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; tăng cường quản lý người nước ngoài nhập cảnh và hoạt động trái phép trên địa bàn tỉnh, kịp thời xử lý nghiêm hoạt động phạm tội, vi phạm pháp luật; chủ động công tác phòng, chống cháy nổ. Về trật tự, an toàn xã hội: xảy ra 374 vụ, tăng 03 vụ so với cùng kỳ năm 2020, điều tra làm rõ 328/374 vụ, đạt 87,7%. Về trật tự an toàn giao thông: xảy ra 44 vụ tai nạn giao thông, tăng 05 vụ so với cùng kỳ.

2.7. Một số giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19: Toàn tỉnh dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 33.367 tỷ đồng. Ngành Ngân hàng đã triển

khai nhiều gói tín dụng ưu đãi nhằm hỗ trợ khách hàng tiếp tục duy trì sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn do dịch Covid-19 như: điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, miễn, giảm lãi vay cho khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Triển khai thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất, năm 2020, Cục Thuế đã thực hiện gia hạn cho 6.757 doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh và cá nhân. Tổng số tiền gia hạn nộp thuế là 674.625 triệu đồng, số tiền thuê đất được gia hạn là 21.803 triệu đồng. Đối với năm 2021, Cục Thuế đã triển khai tuyên truyền, hướng dẫn người nộp thuế nộp giấy đề nghị gia hạn theo quy định.

3. *Đánh giá chung:* Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát trở lại nhưng nhờ sự nỗ lực vượt bậc của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2021 có chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tăng 0,49%; đây là mức tăng trưởng dương đầu tiên kể từ khi dịch Covid-19 xuất hiện từ đầu năm 2020. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước tăng 7,8%; thu nội địa ước đạt 6.286,7 tỷ đồng, bằng 54,6% dự toán và tăng 11,4% so với cùng kỳ; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tỉnh đã tập trung chỉ đạo, thực hiện nhiều biện pháp quyết liệt, phù hợp để tăng cường phòng, chống dịch Covid-19, nhằm kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo sức khỏe, ổn định đời sống nhân dân; đã tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh, đúng quy định pháp luật, bảo đảm an ninh, an toàn và yêu cầu phòng, chống dịch Covid-19.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường tiếp tục được quan tâm. Các chế độ về an sinh xã hội được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 tiếp tục ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân và sản xuất, kinh doanh, nhất là đối với các ngành dịch vụ, du lịch. Hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn tiếp tục đặt ra nhiều thách thức cho tỉnh trong việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong năm 2021.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

1. Tiếp tục ưu tiên hàng đầu cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh chỉ đạo. Tiếp tục tuân thủ quy định 5K+ vắc xin. Tăng cường tuyên truyền, đề cao ý thức cảnh giác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và người dân nhưng cũng không gây tâm lý hoang mang, mất bình tĩnh; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định, quy chế, chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác phòng, chống dịch. Kích hoạt các kịch bản phòng chống dịch Covid-19, thần tốc truy vết, khoanh vùng, xét nghiệm, cách ly, dập dịch liên quan đến các ca nhiễm Covid-19 trong cộng đồng. Xây dựng, trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết mua và sử dụng vắc xin phòng Covid-19 cho người dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách theo quy định của Chính phủ để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, người lao động vượt qua khó khăn của đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, cũng cần quan tâm sâu sát công tác phòng, chống các dịch bệnh khác (sốt xuất huyết, tay chân miệng,...).

2. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó:

a) Đối với khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông lâm ngư nghiệp; kiểm soát tốt dịch bệnh; nâng cao hiệu quả sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là yếu tố quan trọng, bảo đảm sự ổn định xã hội. Tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, thủy hải sản để tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và khai thác thủy hải sản.

b) Đối với sản xuất công nghiệp:

- Nắm thông tin về các khó khăn, vướng mắc của từng nhóm ngành, lĩnh vực, từng doanh nghiệp để kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hiện có sớm hoàn thành, đưa vào hoạt động góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương như: Hạ tầng các khu, cụm công nghiệp (Cụm Công nghiệp: Sông Cầu, Diên Thọ, Trảng É,...), Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong 1,...

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh, góp phần giải quyết việc làm và tạo nguồn thu mới, như: Các nhà máy sản xuất tại Cụm Công nghiệp Trảng É, cụm công nghiệp Diên Phú-VCN, khu công nghiệp Ninh Thủy, kêu gọi đầu tư hạ tầng Cụm Công nghiệp Ninh Xuân, Tân Lập.

c) Đối với các ngành dịch vụ, du lịch:

Tùy tình hình thực tế để xem xét, quyết định việc nói lỏng một số hoạt động kinh doanh, dịch vụ, kích cầu nội tỉnh gắn với việc kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn phòng, chống dịch; hướng tới xây dựng hình ảnh “Khánh Hòa - điểm đến an toàn”, từng bước khôi phục các hoạt động du lịch, sản xuất kinh doanh trong tình hình mới; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, ứng dụng công nghệ giao dịch thanh toán

điện tử; tìm kiếm thị trường mới để đảm bảo đầu ra cho sản xuất, kinh doanh. Tăng cường truyền thông Khánh Hòa là điểm đến an toàn; thông tin các sản phẩm dịch vụ mới, chất lượng cao, giá cả cạnh tranh, thu hút khách du lịch đến với Khánh Hòa.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá trực tiếp các sản phẩm đến người tiêu dùng của các thị trường nước ngoài, đặc biệt là các nước mà Việt Nam đã ký kết hiệp định thương mại tự do. Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam. Tăng cường công tác quản lý các hoạt động thương mại điện tử, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, mua bán hàng hóa thông qua Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Khánh Hòa.

d) Về phát triển kinh tế số: Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ.

đ) Về thu hút đầu tư FDI: Triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút những dự án chất lượng, quy mô vốn lớn, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và có sự lan tỏa. Ban hành chương trình xúc tiến đầu tư và danh mục các dự án trọng điểm năm 2021, chủ động xúc tiến đầu tư bằng nhiều hình thức, trong đó có hình thức trực tuyến để chuẩn bị triển khai dự án trong các năm tiếp theo của nhiệm kỳ. Rà soát, chuẩn bị các điều kiện về đất đai, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực để tiếp nhận dự án khi có nhà đầu tư phù hợp.

e) Về tín dụng ngân hàng: Đề thực hiện mục tiêu duy trì, phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, các ngân hàng cần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi. Vốn tín dụng được tập trung cho

lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ.

g) Rà soát các vấn đề tồn đọng, vướng mắc để xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ, tạo điều kiện hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, các dự án đầu tư ngoài ngân sách.

h) Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh: Rà soát, phân tích kỹ các chỉ số thành phần còn thấp để đề ra các giải pháp khắc phục cụ thể, thiết thực nhằm nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR-Index)... Trước mắt, các sở, ban, ngành đẩy nhanh tiến độ xử lý thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, kinh doanh, giải quyết nếu vướng mắc, không để tồn đọng, trễ hẹn; hỗ trợ người nộp thuế trong sản xuất kinh doanh, tạo thuận lợi cho người nộp thuế được gia hạn thời hạn nộp thuế, miễn tiền chậm nộp.

i) Khẩn trương thẩm định các hồ sơ đề nghị thẩm định phương án giá đất nhằm huy động nguồn thu từ tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước để tập trung nguồn lực phân bổ cho đầu tư phát triển. Xây dựng phương án sắp xếp, bán, cho thuê các tài sản nhà đất trên địa bàn tỉnh nhằm tạo nguồn thu mới cho ngân sách. Đẩy mạnh xử lý, khoan hồng, xóa nợ không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước và tăng cường quản lý, thu hồi nợ thuế. Triển khai đồng bộ các giải pháp để bổ sung khai thác nguồn thu mới bù đắp hụt thu phát sinh từ các hoạt động du lịch, dịch vụ, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, quyết tâm hoàn thành chỉ tiêu thu ngân sách theo kế hoạch năm 2021 đề ra. Song song đó, thực hiện chi ngân sách địa phương chặt chẽ, hiệu quả, công khai, minh bạch; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết.

k) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công để trở thành kênh kích cầu tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu thực hiện giải ngân 100% nguồn vốn đầu tư công năm 2021; trong đó, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là các vướng mắc về thủ tục đầu tư, xác định giá đất, công tác giải phóng mặt bằng thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án đầu tư công của tỉnh, các dự án trọng điểm và dự án đường cao tốc Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hảo.

l) Rà soát lại kế hoạch thanh tra, kiểm tra để hạn chế, giảm các hoạt động thanh tra, kiểm tra trong thời kỳ dịch bệnh, không thanh tra ngoài kế hoạch, chuyển từ phương án tiền kiểm sang hậu kiểm.

3. Tập trung tham mưu triển khai tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040; điều chỉnh Quy hoạch chung Khu Kinh tế Vân Phong và xây dựng Đề án về cơ chế chính sách phát triển Khu Kinh tế Vân Phong theo kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ.

4. Khẩn trương thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện và lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021 - 2030, không phụ thuộc vào quy hoạch chung của tỉnh.

5. Đảm bảo chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm:

a) Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho người lao động sớm quay trở lại thị trường, bảo đảm đủ lực lượng lao động khi bước vào giai đoạn tăng cường sản xuất.

b) Nghiên cứu chính sách miễn, giảm học phí cho học sinh các cấp trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ cho nhân viên cấp dưỡng tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

6. Tiếp tục thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2021, sắp xếp ổn định tổ chức bộ máy chính quyền các cấp sau bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

7. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ, việc khiếu kiện gây bức xúc trong nhân dân; đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận trong xã hội, không để các đối tượng xấu và các thế lực thù địch lợi dụng kích động gây rối an ninh, trật tự, nhất là trong bối cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

8. Tiếp tục khắc phục hậu quả các sai phạm sau kiểm tra, tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề thuộc thẩm quyền của tỉnh; chủ động báo cáo, xin ý kiến của các cơ quan Trung ương đối với các vấn đề khó khăn, vướng mắc, chưa đủ cơ sở pháp lý thực hiện, vừa bảo đảm khắc phục hậu quả, thu hồi tài sản của Nhà nước, vừa bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan, giải phóng hiệu quả các nguồn lực, tạo môi trường đầu tư bình đẳng, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

9. Thực hiện quyết liệt các biện pháp kiểm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông; chủ động các giải pháp phòng, chống cháy nổ, cháy rừng; phòng, chống thiên tai, lũ lụt.

KẾT QUẢ NĂM HỌC 2020 - 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021 - 2022 CỦA NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. KẾT QUẢ NĂM HỌC 2020 - 2021

Năm học 2020 - 2021, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 20-CTr/TU, ngày 24/4/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW và Thông tri số 14-TT/TU, ngày 24/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; đồng thời, tập trung triển khai thực hiện 09 nhóm nhiệm vụ, 05 nhóm giải pháp cơ bản của ngành.

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, đã ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sự chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của UBND tỉnh, sự phối hợp của các sở, ban, ngành, địa phương, sự chia sẻ của toàn xã hội và tâm huyết, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, ngành Giáo dục Khánh Hòa đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đề ra.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 09 NHÓM NHIỆM VỤ

1. Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục

Ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực hiện

Quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo tỉnh giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025. Năm học 2020-2021, tỉnh đã thành lập Trường Trung học phổ thông Nguyễn Du (thị xã Ninh Hòa) và Trường Trung học phổ thông Võ Nguyên Giáp (huyện Diên Khánh), bắt đầu hoạt động từ năm học 2021 - 2022. Các dự án đầu tư xây mới trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT) cấp huyện tiếp tục được triển khai thực hiện, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương⁵³.

Hệ thống mạng lưới trường, lớp tiếp tục được rà soát, sắp xếp, bổ sung, điều chỉnh đồng bộ từ mầm non, phổ thông đến dạy nghề, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Mật độ các trường học phân bố hợp lý, đảm bảo sự liên thông giữa các trường phổ thông, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh các cấp theo học, đặc biệt là các xã khó khăn, vùng sâu, vùng xa, giảm thiểu tình trạng bỏ học. Trong năm học đã thành lập mới và đưa vào hoạt động Trường THCS & THPT Nguyễn Thái Bình⁵⁴ (huyện Khánh Vĩnh) tạo điều kiện thuận lợi cho con em các xã phía Bắc huyện Khánh Vĩnh.

Đến cuối năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh có 534 trường mầm non, phổ thông và 05 trung tâm (giảm 02 trường so với

⁵³Các dự án: THPT Vĩnh Lương - Nha Trang; THPT Bắc Vạn Ninh - huyện Vạn Ninh; THPT Ninh Sim - thị xã Ninh Hòa; THPT Tây Khánh Vĩnh - huyện Khánh Vĩnh; THPT Tây Diên Khánh - huyện Diên Khánh; THPT Nam Cam Ranh - thành phố Cam Ranh; THPT Cam An Nam - huyện Cam Lâm; Trường phổ thông DTNT thị xã Ninh Hòa.

⁵⁴Dự án được xây dựng với diện tích 9.262,5m², tổng mức đầu tư 26.774 triệu đồng, quy mô đầu tư xây dựng giai đoạn 1 với 10 lớp học/300 học sinh, gồm 10 phòng học, 6 phòng bộ môn, thư viện, khối hành chính quản trị, phục vụ học tập và các công trình hạng mục phụ trợ...

năm học 2019 - 2020)⁵⁵; có 18 trường đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ), trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) và các cơ sở ĐH, cơ sở giáo dục có đào tạo TCCN⁵⁶; 136 trung tâm học tập cộng đồng; 66 trung tâm, cơ sở ngoại ngữ - tin học (trong đó có 33 trung tâm ngoại ngữ, 30 cơ sở ngoại ngữ, 03 cơ sở tin học), 03 dịch vụ kinh doanh tư vấn du học do các tổ chức, cá nhân thành lập và 08 trung tâm giáo dục kỹ năng sống.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục

Năm học 2020 - 2021, tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên và nhân viên toàn ngành là 19.276 người⁵⁷. Tỷ lệ

⁵⁵ Mầm non có 206 trường, trong đó có 162 trường công lập và 44 trường ngoài công lập (giảm 02 trường công lập do tỉnh giãn đầu mối và tăng 02 trường ngoài công lập); Tiểu học có 177 trường (giảm 02 trường do sáp nhập); THCS có 119 trường (giảm 01 trường do nhập vào trường THPT), trong đó có 11 trường phổ thông cấp 1, cấp 2 và 04 trường phổ thông DTNT; THPT có 32 trường (tăng 01 trường công lập), trong đó có 27 trường THPT công lập (01 trường DTNT), 05 trường THPT ngoài công lập; 03 trung tâm GDTX-HN cấp huyện; 01 trung tâm GDTX tỉnh; 01 trung tâm KTTH-HN tỉnh.

⁵⁶ Đại học: 04 trường (ĐH Khánh Hòa, ĐH Nha Trang, ĐH Thông tin Liên lạc, ĐH Thái Bình Dương); cơ sở ĐH: 02 (cơ sở trường ĐH Tôn Đức Thắng và cơ sở trường ĐH Mở Tp. Hồ Chí Minh); CĐ: 04 trường (CĐ Y tế Khánh Hòa, CĐSP Trung ương Nha Trang, CĐ Du lịch Nha Trang, CĐ Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang); TCCN: 11 trường (TC Kinh tế Khánh Hòa, TC Kinh tế - Kỹ thuật Trần Đại Nghĩa, TC Kỹ thuật Miền Trung và TC Y Dược Yersin); 7 trường Trung cấp nghề của các huyện, thị (trong đó có 2 trường Trung cấp nghề DTNT). Ngoài ra còn có trường Chính trị tỉnh, trường Quân sự tỉnh, Học Viện Hải quân, Trường Sĩ quan Không quân, Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản III, Viện Khoa học Công nghệ và khai thác thủy sản, Viện Nghiên cứu chế tạo tàu thủy, Viện Pasteur Nha Trang (thuộc Bộ Y tế), Viện Hải dương học.

⁵⁷ Trong đó, công lập: 16.814 người, ngoài công lập: 2.462 người. CBQL: 1.172 người (công lập: 1.098 người, ngoài công lập: 74 người), giáo viên: 15.099 người (công lập: 12.934 người, ngoài công lập: 2.165 người), nhân viên: 3.005 người (công lập: 2.782 người, ngoài công lập: 223 người).

giáo viên các cấp học cơ bản đáp ứng theo yêu cầu⁵⁸, tuy nhiên còn khoảng 6% giáo viên công lập (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) chưa đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo, phải được đào tạo nâng chuẩn (theo chuẩn trình độ đào tạo của Luật Giáo dục 2019). Hầu hết các cơ sở giáo dục bố trí tương đối đầy đủ cán bộ, nhân viên trường học như: nhân viên y tế, cán bộ thiết bị, thư viện...

Hàng năm, công tác quy hoạch CBQL triển khai đúng quy định. CBQL được bổ nhiệm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị. Đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và thực hiện tốt quy hoạch phát triển nhân lực; sắp xếp, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển đúng quy định, đúng vị trí việc làm; giải quyết thừa, thiếu giáo viên cục bộ, giáo viên không đủ chuẩn. Công tác xét thăng hạng, bổ nhiệm hạng chức danh cho đội ngũ giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục được triển khai đồng bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục được quan tâm và thực hiện tốt.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục. Qua thanh tra đã tư vấn cho đội ngũ CBQL các cấp nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động của cơ sở giáo dục như: Ban hành văn bản quản lý nội bộ, thực hiện phổ biến và giáo dục pháp luật, thực hiện công khai dân chủ trong trường học, kiểm tra nội bộ trường học, quản lý ngân sách và các nguồn lực tài chính khác. Sau thanh tra, đã theo dõi chặt chẽ việc khắc phục, xử lý sai phạm, hoạt động của các cơ sở giáo dục ngày càng hiệu quả hơn.

⁵⁸ Tỷ lệ: Nhà trẻ: 1,72 giáo viên/nhóm (trong đó công lập 2,04 giáo viên/lớp); Mẫu giáo: 1,72 giáo viên/lớp (trong đó công lập 1,7 giáo viên/lớp); Tiểu học: 1,43 giáo viên/lớp; THCS: 1,91 giáo viên/lớp; THPT: 2,25 giáo viên/lớp.

Thực hiện tốt chính sách ưu đãi, tôn vinh, biểu dương gương nhà giáo tiêu biểu, đóng góp tích cực hoặc có thành tích xuất sắc trong ngành Giáo dục; tiếp tục thực hiện tốt các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với nhà giáo, CBQL, nhân viên⁵⁹...

3. Nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả giáo dục thường xuyên; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học; nâng cao hiệu quả giáo dục dân tộc

3.1. Nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới

Các cơ sở giáo dục tiểu học tiếp tục tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với các khối lớp 2 đến lớp 5; tiếp tục thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với đối tượng học sinh. Chú trọng đổi mới, áp dụng các mô hình, phương pháp dạy học mới linh hoạt, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, tạo sự

⁵⁹ Chế độ hỗ trợ tiền thuê nhà ở 700.000đ/tháng (hường trong 5 năm) cho giáo viên đang công tác tại các trường THPT và trung tâm GDTX của 2 huyện miền núi (Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ). Giáo viên được cử đi học sau đại học được hỗ trợ bảo vệ luận án thạc sỹ 35 triệu đồng, nếu là người dân tộc thiểu số 45 triệu đồng; tiến sỹ 50 triệu đồng, nếu là người dân tộc thiểu số 60 triệu đồng và các khoản trợ cấp thêm. Chế độ cho giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật (Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ); giảm giờ định mức giờ dạy cho giáo viên làm công tác công đoàn không chuyên trách (Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ GDĐT);...

hứng thú trong học tập, theo hướng học sinh tự học, tự quản. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT.

Tiếp tục giao quyền tự chủ xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp với tình hình thực tế ở các cơ sở giáo dục. Các cơ sở giáo dục tiếp tục điều chỉnh kế hoạch giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng và thực hiện các chủ đề dạy học đạt hiệu quả tốt, tiếp cận định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới; thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực.

Chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá học sinh, giáo dục hướng nghiệp gắn với thực tiễn tại địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện và phát triển năng lực tự học, vận dụng kiến thức, kỹ năng của học sinh; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Chú trọng sử dụng kết hợp hài hòa các phương pháp dạy học; tổ chức các hoạt động học tập phù hợp với từng đối tượng học sinh; chú trọng tổ chức dạy học phân hóa phù hợp các đối tượng học sinh khác nhau.

Các cơ sở giáo dục tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm sáng tạo, giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương, đặc điểm tâm sinh lý của học sinh và chương trình giáo dục phổ thông; tăng cường giao lưu, hợp tác nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc và văn hóa thế giới thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức tham quan ngoại

khóa, sưu tầm tài liệu địa phương, hội trại,... Chú trọng giáo dục tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng,...

Chỉ đạo thực hiện tốt giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học tại huyện đảo Trường Sa, tổ chức tập huấn chuyên môn cho giáo viên như: Phương pháp giảng dạy, cách tổ chức các hoạt động dạy học, đánh giá học sinh tiểu học, trẻ mầm non; triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 và sử dụng sách giáo khoa đối với lớp 1. Về triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018, ngành đã hỗ trợ chuyên môn cho giáo viên trong công tác giảng dạy đối với lớp 1; tổ chức tập huấn (trực tuyến) sử dụng sách giáo khoa lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018 cho toàn bộ giáo viên huyện đảo Trường Sa. Hàng năm, mua sắm, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy - học cho giáo viên và học sinh, đáp ứng yêu cầu trong công tác dạy và học của các trường trên đảo⁶⁰.

Triển khai thực hiện tốt nội dung đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và sách giáo khoa lớp 1, chuẩn bị cho năm học 2020 - 2021 như: Công tác lựa chọn sách giáo khoa, tổ chức các lớp tập huấn giảng dạy theo sách giáo khoa lớp 1, tập huấn và triển khai thực hiện đánh giá học sinh tiểu học, công tác biên soạn tài liệu giáo dục địa phương... Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chương trình sách giáo khoa đối với lớp 1 theo Chương trình GDPT 2018; đánh giá học sinh lớp 1 theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ

⁶⁰ Tổng số kinh phí mua sắm trang thiết bị, đồ dùng học tập, đồ dùng dạy học, tặng quà Tết cho giáo viên và học sinh huyện Trường Sa năm học 2020 – 2021 từ nguồn kinh phí của tỉnh là 108.145.000 đồng. Trong đó, mua sắm đầu năm học: 99.270.000 đồng, tặng quà Tết Nguyên đán: 8.875.000 đồng.

GDĐT. Tiếp tục thí điểm tài liệu Hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học, triển khai thực hiện đại trà ở lớp 1 theo Chương trình GDPT 2018; tài liệu Thực hành Tâm lý học đường tại một số trường tiểu học.

Tiếp tục thực hiện việc lựa chọn sách giáo khoa sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông (theo Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT); Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 năm học 2021 - 2022 đảm bảo đúng quy định⁶¹; Hoàn thành công tác lựa chọn, trình UBND tỉnh phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 sử dụng từ năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các sở, ban ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác biên soạn Tài liệu Giáo dục địa phương (GDĐP) lớp 1, lớp 2, lớp 6 và lớp 10 theo quy định⁶²; xây dựng gói thầu để thực hiện biên soạn Tài liệu Giáo dục địa phương cho các khối lớp còn lại, đồng

⁶¹ Trình UBND tỉnh ban hành quyết định thành lập các Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa; phối hợp với các nhà xuất bản tổ chức hội thảo giới thiệu sách giáo khoa; tổ chức Hội nghị hướng dẫn các phòng giáo dục và đào tạo, các trường phổ thông thực hiện quy trình lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 năm học 2021 - 2022; tổ chức họp Hội đồng tiến hành bỏ phiếu kín để lựa chọn sách giáo khoa các bộ môn...

⁶² Quyết định số 2694/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 về việc Thành lập Ban Biên soạn nội dung GDĐP khối lớp 6 và lớp 10 trong Chương trình GDPT 2018; Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 về việc thành lập Hội đồng thẩm định Tài liệu GDĐP khối lớp 10 trong Chương trình GDPT 2018 của tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 về việc thành lập Hội đồng thẩm định Tài liệu GDĐP khối lớp 6 trong Chương trình GDPT 2018 của tỉnh Khánh Hòa.

thời triển khai kế hoạch biên soạn theo lộ trình thay đổi sách giáo khoa của Bộ GDĐT qua từng năm học.

Đối với công tác bồi dưỡng Chương trình GDPT 2018: Sở đã cử đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cốt cán tham gia các lớp bồi dưỡng; ban hành nhiều văn bản để triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng đại trà cho giáo viên, cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục phổ thông và các cơ sở giáo dục có dạy cấp THPT trong toàn tỉnh. Cấp tiểu học đã hoàn thành tập huấn, bồi dưỡng các mô-đun 1 và mô-đun 2, cấp THCS và THPT đã hoàn thành việc bồi dưỡng các mô-đun 1, mô-đun 2 và mô-đun 3 của Chương trình GDPT 2018 cho đội ngũ CBQL và giáo viên đại trà.

3.2. Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”. Các đơn vị đã chủ động, sáng tạo trong thực hiện chương trình giáo dục hướng nghiệp theo hướng tích hợp các chủ đề giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông gắn với các hoạt động tham quan học tập và trải nghiệm thực tế tại các đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương⁶³. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên các cơ sở giáo dục tổ chức ít hoạt động hơn so với kế hoạch năm học 2020 - 2021.

Các cơ sở giáo dục chủ động phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo

⁶³ Viện Hải Dương học Nha Trang, Viện Pasteur Nha Trang, các trại giống cây trồng và vật nuôi ở huyện Diên Khánh, Làng Gồm Lư Cẩm - Nha Trang, Làng muối Ninh Diêm - Ninh Hòa... Các đơn vị thực hiện tốt như: thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, huyện Diên Khánh...

ngành tư vấn hướng nghiệp cho học sinh; lồng ghép các chủ đề giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông và hoạt động tư vấn tuyển sinh, cung cấp thông tin về thị trường lao động cho học sinh để các em lựa chọn ngành, nghề phù hợp.

Công tác phân luồng học sinh sau THCS, tư vấn hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp trong các trường phổ thông tiếp tục đẩy mạnh theo hướng tăng cường công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 và lớp 12. Kết quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở năm học 2020 - 2021 tiếp tục đạt hiệu quả⁶⁴.

3.3. Đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả giáo dục thường xuyên

Chỉ đạo các đơn vị từng bước đa dạng hóa nội dung chương trình giáo dục; chú trọng các chương trình và hình thức tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn, cập nhật kiến thức, kỹ năng, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân được học tập suốt đời. Các cơ sở giáo dục thường xuyên (GDTX) tiếp tục thực hiện các giải pháp đổi mới công tác quản lý theo hướng được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; tích cực, chủ động phối hợp với các lực lượng xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn lực nhằm đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

Các cơ sở GDTX tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học, như: Đổi mới phương pháp dạy và học, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục; tích cực

⁶⁴ Tổng số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2019 - 2020 là 17.720 học sinh. Tổng số học sinh trúng tuyển vào học lớp 10 năm học 2020 - 2021 là 15.648 (hệ phổ thông là 12.497 và hệ Giáo dục thường xuyên là 3.151 học viên, chiếm tỉ lệ 88,3 % so với số tốt nghiệp). Số học sinh tốt nghiệp THCS không học lớp 10 hệ phổ thông và hệ GDTX là 2.072 em, chiếm tỉ lệ 11,7%. Hiện có 2.881 theo học trung cấp tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề (2.731 học viên học nghề kết hợp với học văn hóa theo chương trình GDTX và 150 học viên học nghề), chiếm tỷ lệ 16,3% (tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước).

ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm các trung tâm giáo dục thường xuyên; viết và phổ biến sáng kiến... Tổ chức khảo sát phân loại chất lượng học viên bổ túc THPT ngay từ đầu cấp học, từ đó lập kế hoạch phụ đạo học viên yếu, kém. Công tác huy động học sinh, học viên ra lớp được các cơ sở quan tâm và thực hiện tốt. Năm học 2020 - 2021, các cơ sở GDTX đã huy động được 836 học viên bổ túc THCS (tăng 272 học viên so với cùng kỳ năm trước), 7.277 học viên bổ túc THPT (tăng 1.050 học viên so với cùng kỳ năm trước), trong đó có 5.623 học viên học văn hóa kết hợp học nghề.

Triển khai, tổ chức tốt việc điều tra, cập nhật bổ sung, thống kê, tổng hợp số liệu các độ tuổi trong diện PCGD và XMC trên phần mềm hệ thống quản lý theo quy định của Bộ GDĐT để phục vụ kiểm tra công nhận đạt chuẩn. Duy trì, giữ vững tỷ lệ đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập giáo dục THCS mức độ 1⁶⁵.

⁶⁵ Công tác XMC: Tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15-25 đạt 99,9% mức độ 1, đạt 99,8% mức độ 2; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15-35 đạt tỷ lệ 99,7% ở mức độ 1, đạt tỷ lệ 99,4% ở mức độ 2; tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 đạt tỷ lệ 99,4% ở mức độ 1, đạt tỷ lệ 97,5% ở mức độ 2. Riêng người dân tộc thiểu số trong độ tuổi 15-25 đạt tỷ lệ: 99,9% ở mức độ 1, đạt tỷ lệ: 99,6% ở mức độ 2; độ tuổi từ 15-15 đạt tỷ lệ: 99,6% ở mức độ 1, đạt tỷ lệ: 96,6% ở mức độ 2; độ tuổi từ 15-60 đạt tỷ lệ 97,7% ở mức độ 1, đạt tỷ lệ 84,8% ở mức độ 2. Toàn tỉnh có 139/139 đơn vị cấp xã đạt chuẩn xóa mù chữ, tỷ lệ 100%, trong đó có 02 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 1, tỷ lệ 1,4% , 137 đơn vị cấp xã đạt chuẩn mức độ 2, tỷ lệ 98,6%; có 09/09 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn XMC, tỷ lệ 100%, trong đó có 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 1, tỷ lệ 11,1% và 08 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 2, tỷ lệ 88,9%.

- Công tác PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi: Tiếp tục duy trì, với 139/139 đơn vị cấp xã và 9/9 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, tỷ lệ 100%.

- Công tác PCGDTH: Toàn tỉnh có 09/09 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn mức độ 3 (tỷ lệ 100%). Có 139/139 đơn vị cấp xã đạt chuẩn; trong đó có 138/139 (99,3%) đơn vị đạt chuẩn mức độ 3, 01/139 đơn vị đạt chuẩn mức độ 2 (tỷ lệ 0,7%).

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Chỉ thị đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Tổng kết thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”.

3.4. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học

Công tác giáo dục đạo đức, chính trị tư tưởng, định hướng lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học tại các đơn vị, trường học được đi vào chiều sâu. Các đơn vị, cơ sở giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Chính phủ về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Hầu hết các cơ sở giáo dục đã lồng ghép, tích hợp các hoạt động giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh trong các môn học, giờ sinh hoạt, hoạt động ngoại khóa. Chú trọng xây dựng văn hóa ứng xử trong các cơ sở giáo dục. Chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục tăng cường xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học, văn hóa truyền thống trong học đường; xây dựng môi quan hệ thầy - trò thân thiện, lối sống lành mạnh, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội, bạo lực học đường. 100% các cơ sở giáo dục xây dựng và thực hiện hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong nhà trường.

Chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT, ngày 18/12/2017 của Bộ GDĐT về hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho

- Công tác PCGDTHCS: Tiếp tục duy trì giữ vững với 09/09 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 100%), trong đó có 07/09 đơn vị đạt mức độ 2 (tỷ lệ 77,8%) và 02/9 đơn vị đạt mức độ 1 (tỷ lệ 22,2%); 139/139 đơn vị cấp xã (tỷ lệ 100%), trong đó 17/139 đơn vị đạt mức độ 1 (tỷ lệ 12,2%), 73/139 đơn vị đạt mức độ 2 (tỷ lệ 52,5%), 49/139 đơn vị đạt mức độ 3 (tỷ lệ 35,3%).

học sinh trong trường phổ thông. Các cơ sở giáo dục đã thành lập Tổ tư vấn trong trường học, góp phần tư vấn, giải quyết các vấn đề về tâm, sinh lý, các vướng mắc của các em học sinh trong độ tuổi đang hình thành và phát triển nhân cách.

Tiếp tục triển khai Quyết định số 987/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2020 của Bộ GDĐT về triển khai kế hoạch hành động phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp bạo lực, xâm hại tình dục trẻ em trong các cơ sở giáo dục giai đoạn 2020 - 2025. Các đơn vị, cơ sở giáo dục triển khai các giải pháp xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; không để xảy ra bạo lực học đường, học sinh vi phạm pháp luật. Công tác phối hợp giữa Sở GD-ĐT với các ngành liên quan trong việc giáo dục toàn diện học sinh; công tác đảm bảo an ninh, an toàn trường học được triển khai sâu rộng, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức.

3.5. Nâng cao hiệu quả giáo dục dân tộc

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của miền núi, vùng dân tộc thiểu số (DTTS) và các địa bàn khó khăn, 5 thứ năm triển khai Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025”, 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt phù hợp với độ tuổi.

Các phòng GDĐT tham mưu UBND địa phương đầu tư cơ sở vật chất, xây thêm phòng học, mua sắm trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các trường; chất lượng nói tiếng Việt của trẻ mầm non DTTS được đánh giá tốt, các trẻ tự tin, mạnh dạn hơn trong giao tiếp; trong độ tuổi mẫu giáo, trẻ có khả năng nghe, nói tiếng Việt cơ bản tốt. Kết quả giáo dục của các trường được giữ vững, chất lượng năm sau cao hơn năm

trước. Bậc tiểu học tiếp tục tổ chức dạy học 2 buổi/ngày; duy trì tăng cường Tiếng Việt cho học sinh DTTS từ lớp 1 đến lớp 5; dạy tăng cường Tiếng Việt theo hướng tích hợp vào các môn học, hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức lớp học phù hợp; tăng tỉ lệ chuyên cần; hạn chế tối đa tình trạng lưu ban, bỏ học, nhất là ở lớp 1, 2, 3. Sở chỉ đạo các trường có học sinh DTTS bậc học mầm non và tiểu học sử dụng tài liệu Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh lớp 2 (tài liệu do Bộ GDĐT biên soạn, thẩm định và phê duyệt).

Tiếp tục thực hiện Quy định về Giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật, năm học 2020-2021 có 530 trẻ khuyết tật được học hòa nhập trong các trường tiểu học, đạt tỉ lệ 68%. Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, tạo điều kiện cho trẻ đi học chuyên cần, nâng cao kết quả học tập⁶⁶.

4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh

Tiếp tục triển khai Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2019-2025 trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang bị các thiết bị dạy học môn ngoại ngữ, hệ thống phòng học, đặc biệt là các phòng chức năng, phòng bộ môn để phục vụ giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn Tiếng Anh.

Sau 5 năm triển khai thực hiện thí điểm dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non, toàn tỉnh hiện có 6/8 huyện, thị xã, thành

⁶⁶ Hỗ trợ học bổng 260.000 đồng/HS DTTS/tháng để các trường tiểu học vùng khó khăn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú. Đối với các trường tổ chức học 2 buổi/ngày nhưng trường chưa có điều kiện tổ chức bán trú cho học sinh DTTS hoặc học sinh DTTS học 1 buổi/ngày được tính hỗ trợ học bổng 160.000 đồng/học sinh/tháng.

phổ, với 99/206 trường mầm non tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh (tăng 10 trường so với cùng kỳ năm trước), chiếm tỷ lệ 48,1%⁶⁷. Đối với cấp tiểu học, toàn tỉnh có 185/191 trường có học sinh tiểu học tổ chức dạy tiếng Anh cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, chiếm tỷ lệ 96,9%⁶⁸. Bên cạnh đó, Chương trình giảng dạy tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp tiếp tục duy trì và thực hiện tại 3 trường tiểu học ở thành phố Nha Trang, với 08 lớp và 185 học sinh (từ lớp 2 đến lớp 5).

Tiếp tục triển khai Chương trình tiếng Anh 10 năm đại trà cho khối 6, 7, 10 và 11; tiếp tục triển khai đảm bảo đủ các điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chú trọng tính vừa sức, phù hợp với đối tượng học sinh. Chú trọng nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh; triển khai phân trắc nghiệm và tự luận trong các bài kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ và cuối kỳ; triển khai kế hoạch tổ chức hội thi hùng biện tiếng Anh nhằm tạo cho học sinh sự tự tin, sáng tạo trong giao tiếp; xây dựng môi trường học và sử dụng ngoại ngữ để nâng cao chất lượng bộ môn.

Phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho 175 giáo viên tiếng

⁶⁷Tổng số trẻ tham gia: 10.871 trẻ, 490 lớp, trong đó: 84 trường công lập với 9.687 trẻ/419 lớp (MG 3-4 tuổi: 34 lớp, 626 trẻ; MG 4-5 tuổi: 141 lớp, 3.020 trẻ; MG 5-6 tuổi: 244 lớp, 6.041 trẻ), 15 trường tư thục với 1.184 trẻ/71 lớp (MG 3-4 tuổi: 23 lớp, 330 trẻ; MG 4-5 tuổi: 25 lớp, 384 trẻ; MG 5-6 tuổi: 23 lớp, 470 trẻ).

⁶⁸ Tổng số HS được học tiếng Anh: 86.625; trong đó: Số HS lớp 3, 4, 5 là 58.620/61.675 HS, tỉ lệ 95% (tăng so với năm học trước 1,3%); Số HS lớp 3, 4, 5 được học tiếng Anh 4 tiết/tuần là 45.914/61.675 HS, tỉ lệ 73,6% (tăng so với năm học trước 5,3%); Số HS lớp 1, 2 được làm quen tiếng Anh là 28.005 HS, tỉ lệ 63,9% (tăng 20,1% so với năm học trước), trong đó số HS lớp 1 được làm quen tiếng Anh là 15.702 HS/21.786 HS, tỷ lệ 72,1%.

Anh theo chỉ tiêu; phối hợp với Công ty Cổ phần Giáo dục 3A bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho 161 giáo viên tiếng Anh theo ngân sách tỉnh; phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam mời giảng viên Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới cho 704 giáo viên, với chuyên đề “Kỹ năng nghe, nói trong chương trình Giáo dục phổ thông mới và giảng dạy chủ đề tích hợp”.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục

Các đơn vị, cơ sở giáo dục triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác công nghệ thông tin (CNTT) năm học 2020 - 2021, toàn ngành tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số quốc gia; triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động giáo dục và đào tạo.

Ngành đã hoàn thành giai đoạn triển khai thí điểm phần mềm xác minh văn bằng tốt nghiệp THPT trên nền tảng công nghệ Blockchain, chuẩn bị lập đề án chuyển đổi dữ liệu tốt nghiệp lưu giấy thành dữ liệu số từ giai đoạn 1972 -1999 và đưa hệ thống phần mềm xác minh văn bằng tốt nghiệp THPT trên nền tảng công nghệ Blockchain vào hoạt động chính thức để phục vụ công tác tra cứu văn bằng của các tổ chức, cá nhân. Các đơn vị tiếp tục triển khai Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Tiếp tục triển khai phần mềm quản lý hành

chính điện tử (E-Office); triển khai phần mềm một cửa liên thông, giúp cho người dân có thể đăng ký một số thủ tục hành chính qua môi trường mạng và nhận kết quả ngay tại nhà.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý theo hướng đồng bộ, kết nối liên thông. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; tích hợp các hệ thống thông tin quản lý hiện có vào cơ sở dữ liệu ngành theo lộ trình của Bộ GDĐT. Triển khai đồng bộ các phần mềm quản lý trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, kết nối liên thông dữ liệu với phần mềm cơ sở dữ liệu ngành; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử (gồm sổ điểm, học bạ, sổ liên lạc). Đưa vào sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý các kỳ thi của ngành, từ công tác tổ chức nhập dữ liệu đăng ký dự thi, tổ chức coi thi, chấm thi và công bố kết quả thi.

Toàn tỉnh đã triển khai phần mềm quản lý trường học VnEdu cho tất cả các trường THCS, các cơ sở giáo dục có học sinh cấp THCS; phần mềm quản lý trường học SMAS cho các trường THPT và các trung tâm GDTX-HN; triển khai thí điểm hệ thống Quản lý trường học cấp Tiểu học, ngành học Mầm non. Thực hiện tốt Quy chế quản lý và sử dụng sổ điểm điện tử in từ chương trình quản lý trường học. Phối hợp với Viettel Khánh Hòa khởi tạo tài khoản phục vụ tập huấn trực tuyến thực hiện Chương trình GDPT 2018 cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý trong toàn tỉnh. Triển khai tập huấn trực tiếp, đại trà về Chương trình GDPT 2018 và sách giáo khoa lớp 1, lớp 2 và lớp 6 cho giáo viên, cán bộ quản lý theo kế hoạch.

Về cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến, thực hiện cập nhật thường xuyên, cung cấp các thông tin, các thủ

tục hành chính của ngành giáo dục và đào tạo trên Website của Sở. Các đơn vị trực thuộc Sở đã xây dựng Website của đơn vị nhằm cung cấp các thông báo, biểu mẫu trực tuyến trên Website đơn vị cho nhân dân, phụ huynh học sinh và giáo viên tại đơn vị. Công khai trực tuyến các kết quả tuyển sinh, học tập cho phụ huynh học sinh biết; cho phép người dân và phụ huynh học sinh phản hồi trực tuyến với các bộ phận của đơn vị trên hệ thống cổng thông tin (Website).

Chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục phát động giáo viên xây dựng bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trực tuyến, tư liệu, tài liệu, sách điện tử đóng góp vào kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm trực tuyến. Với phương châm “Mỗi giáo viên ít nhất soạn một bài giảng điện tử”, các cơ sở giáo dục triển khai đến các tổ, nhóm chuyên môn yêu cầu mỗi giáo viên phải có ít nhất 02 tiết dạy tốt/năm học (đều sử dụng bài giảng điện tử). Ngoài ra, các cơ sở giáo dục phải thực hiện các biện pháp khuyến khích giáo viên tăng cường ứng dụng CNTT trong giảng - dạy, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục.

Hầu hết các trường THPT, THCS và một số trường tiểu học tập trung khai thác các phần mềm phục vụ giảng dạy, phần mềm thực hiện các thí nghiệm ảo phục vụ cho bộ môn Hóa học, Vật lý (đối với các trường trung học),... Sở đã tổ chức tuyển chọn Bài giảng điện tử từ các cơ sở trường học để chia sẻ dùng chung qua Website của ngành.

Chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin hợp lý, khoa học, hiệu quả, trở thành nền nếp thường xuyên trong công tác quản lý và dạy - học; tất cả cán bộ, giáo viên biết khai thác các tiện ích công nghệ thông tin, nhất là trong khai thác thông tin, tư liệu mới; chia sẻ kinh

nghiệm quản lý, giảng dạy, trao đổi các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ của từng môn học, cấp học. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ngành GDĐT có trình độ ứng dụng CNTT cơ bản hoặc tương đương đạt trên 90% (trong đó cấp học Mầm non đạt trên 85%, Tiểu học và THCS đạt trên 90%, THPT trên 95%, Giáo dục thường xuyên đạt trên 90%).

6. Đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo

Toàn ngành tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc⁶⁹, làm chuyển biến nhận thức, đổi mới tư duy của người quản lý, phát huy quyền tự chủ của tập thể, vai trò và vị trí của Hội đồng trường; tăng tính chủ động cho đơn vị trong việc sử dụng, điều hành ngân sách, phân bổ ngân sách nhà nước.

Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán chi, tăng tiết kiệm và cân đối cơ cấu chi ngân sách hợp lý, phục vụ tốt cho công tác chuyên môn, tăng cường các điều kiện phục vụ trực tiếp công tác dạy - học và nâng cao một bước đời sống cán bộ, giáo viên. Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị sử dụng tài sản vào các hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết đảm bảo phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

Công tác chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra được tăng cường, không để xảy ra tình trạng lạm thu, thất thoát tài sản, kinh phí

⁶⁹ Tổng số đơn vị được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 là 31/31 đơn vị (đạt tỷ lệ 100%): 01 đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên; 20 đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 10 đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Nhà nước trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn. Hàng năm, Sở đều hướng dẫn việc thu, chi các khoản đóng góp tự nguyện của cha mẹ học sinh; quản lý, sử dụng tài sản và tổ chức kiểm tra thực hiện ở một số đơn vị. Qua kiểm tra, không phát hiện đơn vị nào lạm thu hoặc làm thất thoát tài sản... Công tác công khai thu, chi tài chính, ngân sách Nhà nước, quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện theo đúng các văn bản quy định của Nhà nước, tạo điều kiện để người học và xã hội tham gia giám sát, đánh giá theo đúng các quy định của pháp luật⁷⁰.

7. Từng bước hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Ngoại ngữ quốc gia, nhằm đưa môn ngoại ngữ vào giảng dạy một cách có hệ thống từ cấp tiểu học đến cấp trung học phổ thông, kết hợp nâng cao chất lượng dạy ngoại ngữ, nâng cao trình độ ngôn ngữ và năng lực thực hành các kỹ năng giao tiếp cơ bản của người học theo các quy chuẩn. Khuyến khích và phát huy hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, xây dựng môi trường học tập tiếng Anh. Phối hợp quản lý tốt các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài và các cơ sở hoạt động tư vấn du học (thành lập mới 01 dịch vụ đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học). Tiếp tục duy trì Chương trình giảng dạy tăng cường

⁷⁰ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16/6/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ.

tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp tại Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi và 3 trường tiểu học ở thành phố Nha Trang.

Các cơ sở giáo dục tiểu học tiếp tục triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột”; dạy học môn Mỹ thuật theo phương pháp mới. Tiến hành thí điểm sử dụng sách Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực học sinh tại một số trường tiểu học.

8. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

Tăng cường các điều kiện cho hoạt động giáo dục đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các cấp học, ngành học. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học tiếp tục được tăng cường đầu tư và bổ sung hàng năm theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa. Số phòng học thông thường hiện có 8.233 phòng, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của học sinh⁷¹. Đa số các trường học đều có phòng học bộ môn theo quy định; 100% trường học có nhà vệ sinh học sinh và giáo viên.

Năm học 2020 - 2021, tổng kinh phí đầu tư thực hiện các đề án, sửa chữa giáo dục, mua sắm phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học toàn ngành là 639.895 triệu đồng⁷²; đầu tư mua

⁷¹Mầm non có 2.444 lớp/2.470 phòng (tỷ lệ 0,99 lớp/phòng); Tiểu học có 3.309 lớp/3.459 phòng (tỷ lệ 0,96 lớp/phòng); THCS có 2.045 lớp/1.634 phòng (tỷ lệ 1,25 lớp/phòng); THPT có 917 lớp/670 phòng (tỷ lệ 1,37 lớp/phòng).

⁷² Kinh phí đầu tư xây dựng CSVN cho các cấp học trong toàn tỉnh là 535.435 triệu đồng, kết quả cụ thể như sau:

+ MN: Xây mới 74 phòng học, 7 bộ môn, 1 nhà đa năng, 1 nhà hành chính, 11 nhà bếp, 7 phòng y tế, 15 nhà vệ sinh học sinh, 7 nhà vệ sinh giáo viên, 1 công trình nước sạch; sửa chữa, cải tạo 53 phòng học, 2 nhà vệ sinh giáo viên, 8 nhà vệ sinh cho học sinh và hơn 26 công trình, hạng mục khác. Trong đó 4 trường MN được xây lại mới hoàn toàn: MN Vĩnh Lương - Nha Trang; MN Hương Sen, MN Hướng Dương, MN Sen Hồng - huyện Khánh Vĩnh và đang hoàn

sắm trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học ở các cấp là 104.460 triệu đồng⁷³. Ngoài ra, chuẩn bị cho Chương trình

thành Trường MN Sen Hồng - Cam Lâm để phục vụ cho trẻ khu Công nghiệp Suối Dầu.

+ TH: Xây mới 168 phòng học, 28 phòng học bộ môn, 8 nhà đa năng, 6 thư viện, 3 phòng thiết bị, 3 phòng đoàn - đội, 1 phòng truyền thống, 7 nhà hành chính, 4 nhà bếp - nhà ăn, 9 phòng y tế, 15 nhà vệ sinh cho học sinh, 8 nhà vệ sinh cho giáo viên và và sửa chữa, cải tạo 129 phòng học, 12 nhà vệ sinh cho học sinh, 4 nhà vệ sinh cho giáo viên và hơn 19 công trình, hạng mục khác. Trong đó 2 trường tiểu học được xây lại mới hoàn toàn: TH Giang Ly, TH Liên Sang.

- THCS: Xây mới 24 phòng học, 32 phòng bộ môn, 5 nhà đa năng, 3 thư viện, 3 nhà hành chính, 2 phòng y tế, 4 nhà vệ sinh học sinh, 3 nhà vệ sinh giáo viên, 1 công trình nước sạch và sửa chữa, cải tạo 130 phòng học, 8 công trình, hạng mục khác.

+THPT: Thành lập mới trường THCS và THPT Nguyễn Thái Bình - Khánh Vĩnh (trên cơ sở nhập Dự án Trường THPT Bắc Khánh Vĩnh với Trường THCS Nguyễn Thái Bình); Dự án Trường THPT Bắc Khánh Vĩnh xây dựng trên diện tích 9.262,5m², với tổng mức đầu tư 26.774 triệu đồng, quy mô đầu tư xây dựng giai đoạn 1 với 10 lớp học/300 học sinh, gồm 10 phòng học, 6 phòng bộ môn, thư viện, khối hành chính quản trị, phục vụ học tập và các công trình mục phụ trợ; xây lại Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai - Vạn Ninh trên diện tích 14.500,2 m², với tổng mức đầu tư 39.993 triệu đồng, quy mô đầu tư xây dựng giai đoạn 1 là 18 lớp/700 học sinh, gồm 18 phòng học 6 phòng bộ môn, thư viện, khối hành chính quản trị, phục vụ học tập và các công trình mục phụ trợ; Sửa chữa, cải tạo 64 phòng học, 6 phòng bộ môn và hơn 10 hạng mục công trình khác.

⁷³Đầu tư cho các trường mầm non 9.037 triệu đồng để trang bị 05 bộ máy vi tính cho công tác quản lý, 9 hệ thống âm thanh, 937 bộ bàn ghế học sinh, 22 bộ bàn ghế cho giáo viên, 13 bộ thiết bị tối thiểu cho trẻ, 9 bộ thiết bị đồ chơi ngoài trời, 40 bộ thiết bị nhà bếp, 184 bộ thiết bị văn phòng, sách, tài liệu tham khảo và một số trang thiết bị khác...; Đầu tư cho các trường tiểu học 77.890 triệu đồng để trang bị 211 bộ máy vi tính cho học sinh, 39 bộ máy vi tính cho giáo viên, 28 bộ máy vi tính cho quản lý, văn phòng, 24 bộ máy chiếu, 25 bộ âm thanh, 4.077 bộ bàn ghế học sinh, 133 bộ bàn ghế giáo viên, 6 bộ thiết bị nhà bếp, 1.270 bộ sách giáo khoa, 27.532 bộ bộ sách tài liệu tham khảo, 1 hồ bơi di động, 10 bộ thiết bị dạy ngoại ngữ và các thiết bị khác ...; Đầu tư cho các trường 13.940 triệu đồng để trang bị 210 bộ máy vi tính cho học sinh, 6 máy vi tính cho giáo viên, 28 máy vi tính phục vụ quản lý 10 bộ máy chiếu, 1 máy photo, 10 hệ thống âm thanh, 1.442 bộ bàn ghế học sinh, 89 bộ bàn ghế giáo viên, 1 hồ bơi di động, 23 bộ thiết bị nhà bếp, 521 bộ sách giáo khoa, 815 bộ sách, tài liệu tham khảo và các thiết bị khác...; Đầu tư cho các trường THPT 3.593 triệu đồng để trang bị 2 phòng học ngoại ngữ chuyên dụng và trang bị thiết bị dạy và học môn

giáo dục phổ thông mới, ngân sách đã bố trí 37.661 triệu đồng để mua sắm trang thiết bị tối thiểu phục vụ công tác dạy và học cho lớp 1. Phối hợp với các sở, ngành liên quan xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án tăng cường cơ sở vật chất cho các trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

9. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy từ cung cấp kiến thức sang hỗ trợ phát triển năng lực và phẩm chất của người học; triển khai thực hiện hiệu quả công tác hỗ trợ học sinh khởi nghiệp. Tích cực tham gia và đạt giải cao các kỳ thi do Bộ GDĐT tổ chức như: Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia⁷⁴.

Tiến hành khảo sát tham mưu UBND tỉnh Đề án phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 nhằm thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ về đào tạo giáo viên theo nhu cầu địa phương. Sở đã phối hợp với các trường Đại học, Trường Chính trị tỉnh tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các đơn vị, cơ sở giáo dục. Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhất là cho đội ngũ giáo viên dạy lớp 1 năm học 2020 - 2021 và đội ngũ giáo viên dạy lớp 2, lớp 6 năm học 2021 - 2022.

giáo dục quốc phòng cho 26 trường THPT công lập, sách, tài liệu tham khảo và các trang thiết bị khác.

⁷⁴ Thi KHKT quốc gia 02/02 dự án đạt giải (01 giải Ba, 01 giải Tư).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 5 GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo

Sở đã phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản, các đề án, chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện hiệu quả 09 nhóm nhiệm vụ và 05 giải pháp cơ bản của ngành. Triển khai nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, của Bộ và của tỉnh; tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm học 2020 - 2021, rà soát và cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của địa phương. Tiếp tục thực hiện chương trình hành động và Thông tri của Tỉnh ủy, Kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; tích cực chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

Thường xuyên phổ biến, quán triệt nhiệm vụ kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) của tỉnh, của ngành với nhiều hình thức⁷⁵. Rà soát, giảm tải các thủ tục hành chính không cần thiết, tăng cường hiệu quả cải cách hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công. Kịp thời rà soát thủ tục hành chính theo cơ sở dữ liệu quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo trình UBND tỉnh ban hành thủ tục hành chính mới.

⁷⁵ Chỉ đạo bằng văn bản; đăng tải các văn bản liên quan đến cải cách thủ tục hành chính lên trang thông tin điện tử của ngành, website của Sở hoặc thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng, quý, tổng kết năm...

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC). Toàn bộ TTHC đều được thiết lập quy trình và cập nhật thông tin trên Phần mềm một cửa điện tử giải quyết theo quy định. Năm học 2020 - 2021, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã tiếp nhận 675 hồ sơ (tiếp nhận trực tuyến 546 hồ sơ, tiếp nhận trực tiếp 129 hồ sơ); trong đó, 675/675 hồ sơ được giải quyết đúng hạn và sớm hạn so với quy định, đạt tỷ lệ 100%. Tiếp tục triển khai các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 để nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục. Trong năm học, có tổng 546/661 hồ sơ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 (đạt 86,6%). Tỷ lệ thủ tục hành chính phát sinh hồ sơ/thủ tục hành chính giải quyết trực tuyến mức độ 3,4 là 05/05 thủ tục, đạt 100%.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành; tiếp tục triển khai phần mềm một cửa điện tử, phần mềm quản lý văn bản E-office, thư điện tử công vụ, chữ ký số hóa quy trình xử lý văn bản nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí. Tiếp tục duy trì và áp dụng tốt hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008, tiến tới chuyển đổi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cán bộ quản lý

Công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL các cơ sở giáo dục luôn được quan tâm, thường xuyên cử CBQL, công chức tham gia các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, an ninh - quốc phòng, thanh tra viên, chuyên viên, chuyên viên chính... để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp

vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tăng cường khuyến khích đội ngũ CBQL phát huy tinh thần tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực lãnh đạo, năng lực quản lý. Hàng năm, các đơn vị, cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng định kỳ, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ CBQL của đơn vị trong hè, trong năm học theo các mô đun thích hợp, tạo điều kiện cho đội ngũ CBQL tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh và thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển nhân lực đáp ứng về số lượng và chất lượng đội ngũ; thực hiện tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển... đúng quy định, đúng vị trí việc làm.

3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo

Toàn ngành giáo dục và đào tạo tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa và Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao...

Trong năm học, đã vận động các nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ hơn 19.432 triệu đồng (trong đó mầm non huy động được 8.443 triệu đồng, tiểu học 6.777 triệu đồng, trung học cơ sở 4.212 triệu đồng) đã xây mới 6 phòng học, làm 31 mái che, tu bổ cơ sở vật chất hơn 69 hạng mục công trình, trang bị 141 máy vi tính, 34 ti vi, 4 tủ lạnh, 4 bộ âm thanh, máy chiếu, trao 3.907 suất học bổng, tặng 398 xe đạp cho học sinh, 9 máy đo thân nhiệt phục vụ phòng chống

dịch Covid-19 cùng nhiều bàn ghế, thiết bị nhà bếp, nhà ăn và trang thiết bị phục vụ giảng dạy học tập khác...

Cơ chế, thủ tục cùng với các chính sách ưu đãi đã thu hút được nhiều nhà đầu tư tham gia vào lĩnh vực giáo dục, trong năm học 2020 - 2021, toàn tỉnh có thêm 05 trường mầm non ngoài công lập được thành lập và đưa vào hoạt động.

4. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

4.1. Công tác khảo thí

Trong năm học 2020-2021, các trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, tổ chức thi chọn học sinh giỏi cấp trường, cấp huyện, tham dự các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia, đã tổ chức tốt các kỳ thi⁷⁶. Sở chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị mọi điều kiện để tổ chức Kỳ thi THPT 2021 an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế.

⁷⁶Kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh để chọn đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2020 - 2021, kết quả, có 162/380 thí sinh dự thi đạt giải (12 giải Nhất, 34 giải Nhì, 48 giải Ba và 68 giải Khuyến khích). Kỳ thi chọn học sinh giỏi THCS cấp tỉnh, kết quả, có 303/611 học sinh đạt giải, tỉ lệ 49,59% (gồm 13 giải nhất, 68 giải nhì, 93 giải ba và 129 giải khuyến khích). Các đơn vị có kết quả cao như: Nha Trang, Ninh Hòa, Diên Khánh, Vạn Ninh, Cam Ranh... Kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp tỉnh, kết quả, có 232/467 học sinh đạt giải, tỉ lệ 49,68% (gồm 12 giải nhất, 49 giải nhì, 67 giải ba và 104 giải khuyến khích). Những đơn vị đạt kết quả cao như: THPT Lý Tự Trọng, THPT Nguyễn Trãi, THPT Ngô Gia Tự, THPT Huỳnh Thúc Kháng, THPT Hoàng Hoa Thám... Một số đơn vị thuộc vùng xa, vùng khó khăn, chất lượng đầu vào thấp như Trường THPT Đoàn Thị Điểm nhưng có học sinh đạt giải nhất, Trường THPT Phạm Văn Đồng, Trường THPT Khánh Sơn, Trường THPT Nguyễn Thái Học có số lượng và chất lượng đạt giải cao... Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm học 2020 - 2021 (kết quả, có 20/63 học sinh đạt giải, gồm 02 giải nhì, 06 giải ba và 12 giải khuyến khích). Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn đạt 17 giải, THPT Ngô Gia Tự đạt 01 giải Nhì (môn Vật lý), THPT Huỳnh Thúc Kháng đạt 01 giải Ba (môn Tin học và THPT Lý Tự Trọng đạt 01 giải Khuyến khích (môn Lịch sử). Đã tổ chức kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2021 - 2022. Toàn tỉnh có 10.982 thí sinh trúng tuyển vào các trường THPT, đạt tỷ lệ 81,39%.

Đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo công tác tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT⁷⁷. Hiện nay, đang tiếp tục chuẩn bị để tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT đợt 2 năm 2021 theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục

Sở tiếp tục triển khai công tác kiểm tra, đánh giá để công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo các thông tư quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁷⁸.

Công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài giúp các cơ sở giáo dục xác định những hạn chế, tồn tại của đơn vị, từ đó đề ra những giải pháp khắc phục trong công tác quản lý, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Đồng thời, nhận thức của các cơ sở giáo dục về lưu trữ hồ sơ sổ sách, quy trình ban hành văn bản, phương thức quản lý dạy - học của giáo viên và học sinh, thu thập minh chứng ngày được nâng lên, nhằm

⁷⁷Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 16/4/2021 về việc tổ chức kỳ thi và tuyển sinh năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 1137/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2021 tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 27/4/2021 về việc phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Chỉ đạo Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 tỉnh Khánh Hòa...Toàn tỉnh có 14.637 thí sinh đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT, 34 điểm thi với 628 phòng thi. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, trong ngày thi thứ hai (ngày 07/7/2021), tại 02 điểm thi Phạm Văn Đồng và Võ Thị Sáu, thành phố Nha Trang, 404 thí sinh phải dừng thi và chuyển sang thi đợt 2 do liên quan đến ca dương tính SARS-COV-2 đã được cách ly trước đó. Đến cuối tháng 7, theo rà soát, truy vết của các địa phương, có 753 thí sinh bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh sẽ dự thi Kỳ thi đợt 2.

⁷⁸ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 của Bộ GDĐT.

xây dựng chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, đưa mọi hoạt động của nhà trường đi vào nề nếp... Tiêu biểu các đơn vị thực hiện tốt công tác này như: thành phố Nha Trang, huyện Diên Khánh, huyện Vạn Ninh.

Sở đã tiến hành kiểm tra, đánh giá ngoài công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia 02 đợt, với 61 trường; kết quả có 58 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia (mầm non: 21, tiểu học: 15, THCS: 21 và THPT: 01).

Toàn tỉnh hiện có 265 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục (mầm non: 97, tiểu học: 94, THCS: 68 và THPT: 6); 271 trường đạt chuẩn quốc gia (mầm non: 89, tiểu học: 106, THCS: 74 và THPT: 2).

5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục đào tạo

Toàn ngành tiếp tục thực hiện kế hoạch công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo năm học 2020 - 2021 nhằm đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về giáo dục đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức và hành động cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cha mẹ học sinh và học sinh về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện GDĐT. Qua đó, tạo sự thống nhất trong nhận thức và trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện có hiệu quả các nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; tạo sự đồng thuận cao, huy động sự vào cuộc của toàn xã hội trong thực hiện lộ trình đổi mới GDĐT trên địa bàn tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW.

Sở đã chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục triển khai thực hiện nghiêm công tác truyền thông về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, UBND tỉnh và ngành Y tế.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 21/1/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Truyền thông về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề; Chương trình phối hợp công tác giữa Sở GDĐT và Báo Khánh Hòa về công tác tuyên truyền về giáo dục và đào tạo giai đoạn 2017 - 2021. Triển khai thực hiện tốt công tác truyền thông về các hoạt động chuẩn bị điều kiện cho việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa, tập trung triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa đối với lớp 1 năm học 2020 - 2021 và công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 năm học 2021 - 2022 theo đúng Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GDĐT.

Chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí tăng cường thông tin, truyền thông trong việc triển khai thực hiện các đề án lớn của ngành⁷⁹. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giới thiệu và tôn vinh các nhân tố điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, những giải pháp đột phá, cách làm

⁷⁹ Đề án “Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mầm non và học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số”; “Cải thiện tình trạng dinh dưỡng góp phần phát triển thể lực, tâm vóc người Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020”; “Tăng cường cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên huy động trẻ mầm non từ 12 - 36 tháng tuổi đến trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2017 - 2020”; “Đề án thí điểm dạy bơi, phòng chống đuối nước cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở trong nhà trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, giai đoạn 2017 - 2020”; “Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi”; “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020”; “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”, “Xóa mù chữ đến năm 2020”, “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020”; nâng cao chất lượng giáo dục các cấp ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số;...

linh hoạt, sáng tạo của các cơ sở giáo dục trong toàn ngành. Nhiều tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến ở các cấp học đã được Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa, Tạp chí Thi đua, khen thưởng Trung ương, Báo Dân trí, Báo Tuổi trẻ, Báo Giáo dục và Thời đại tích cực tuyên truyền⁸⁰. Đồng thời, Sở đã tăng cường công tác phản biện xã hội và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương để kịp thời giải quyết, xử lý những vấn đề nổi cộm trong dư luận xã hội mà báo chí nêu và thông tin đến công luận về kết quả xử lý.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm học 2020 - 2021 mặc dù diễn ra trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng với sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự chỉ đạo của UBND tỉnh, sự phối hợp của các ngành, các cấp và địa phương, cùng với nỗ lực phấn đấu, ngành Giáo dục và Đào tạo đã tập trung triển khai thực hiện và hoàn thành tốt 09 nhóm nhiệm vụ chủ yếu và 05 giải pháp cơ bản và đạt nhiều kết quả nổi bật. Mạng lưới trường, lớp các cơ sở giáo dục tiếp tục được rà soát, sắp xếp; cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ công tác dạy - học tiếp tục được chuẩn hóa và từng bước hiện đại hóa; các nguồn lực đầu tư cho giáo dục được quản lý và triển khai có hiệu quả; công tác định hướng nghề nghiệp được tăng

⁸⁰ Các tập thể: Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, Trường THPT Ngô Gia Tự, Trường THPT Nguyễn Trãi, Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi,... Các cá nhân: Lưu Hải Phong, Giáo viên Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn; Mai Thị Thu Hằng, Hiệu trưởng Trường Mầm non 2/4, TP. Cam Ranh; Lê Thị Hằng, Giáo viên Trường TH&THCS Cam Lập, TP. Cam Ranh; Nguyễn Thị Thanh Vân, Giáo viên Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi; Nguyễn Thị Thanh Thủy, Giáo viên Trường Tiểu học và THCS Cam Lập, TP. Cam Ranh; Bé Thị Dung, Giáo viên Trường Tiểu học Khánh Bình, huyện Khánh Vĩnh...

cường, lồng ghép các chủ đề giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông và hoạt động tư vấn tuyển sinh; tăng cường ứng dụng CNTT, triển khai hiệu quả hệ thống phần mềm, học trực tuyến qua mạng; tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục và đào tạo.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL cơ sở giáo dục tiếp tục được quan tâm; công tác bồi dưỡng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được triển khai đầy đủ, hiệu quả; công tác tôn vinh, biểu dương, khen thưởng những tấm gương nhà giáo tiêu biểu, xuất sắc được triển khai kịp thời, góp phần tạo động lực, khơi dậy niềm tin cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ QLGD; công tác thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh; công tác khảo thí thực hiện theo hướng bảo đảm khách quan, trung thực; công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được tiếp tục chú trọng; công tác thông tin, truyền thông được đổi mới, hiệu quả hơn, mạng lưới truyền thông được thiết lập từ Sở đến các đơn vị trường học. Công tác phổ cập giáo dục các cấp tiếp tục được duy trì, củng cố và đạt kết quả; tỷ lệ huy động trẻ đến trường tăng; mô hình trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm được triển khai có hiệu quả. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Chất lượng giáo dục toàn diện các cấp tiếp tục được nâng lên kể cả giáo dục dân tộc.

2. Hạn chế

Việc triển khai xây dựng trường học theo các đề án đã được phê duyệt còn chậm, chủ yếu do vướng các thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng; nguồn lực thu hút đầu tư cho giáo dục chưa tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Số phòng chức

năng, thư viện, thí nghiệm còn thiếu so với yêu cầu. Nhiều phòng bộ môn đã có nhưng chưa đạt chuẩn theo quy định mới của Bộ GDĐT; một số đơn vị, cơ sở giáo dục chưa thực sự chú trọng đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, nhất là cấp THPT; định mức kinh phí chi thường xuyên được phân bổ/học sinh nên một số đơn vị có số lượng học sinh ít sẽ khó khăn trong việc chi cho các hoạt động; công tác phân luồng học sinh sau trung học chưa có sự đồng thuận cao; số lượng học sinh được học chương trình ngoại ngữ mới còn thấp so với mục tiêu của giai đoạn; chưa đầu tư đúng mức trong lĩnh vực giáo dục, nhất là áp dụng công nghệ, mô hình giáo dục nước ngoài; số lượng tuyển sinh đi du học theo các chương trình học bổng hiệp định hoặc ngân sách nhà nước ít; chế độ chính sách hỗ trợ cho nhân viên nấu ăn tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập và trường phổ thông dân tộc nội trú còn nhiều bất cập.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NĂM HỌC 2021 - 2022

I. PHƯƠNG HƯỚNG CHUNG

1. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; tăng cường an ninh, an toàn trường học; chú trọng giáo dục thể chất, y tế trường học; xây dựng văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

2. Giáo dục mầm non: Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước đối với giáo dục mầm non; tiếp tục đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; tăng cường các điều kiện để nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

3. Giáo dục phổ thông: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; tích cực chuẩn bị các điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới; nâng cao chất lượng công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá học sinh; đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông; tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục phổ thông.

4. Giáo dục thường xuyên: Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp.

II. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Rà soát, quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 11/5/2018; Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29/06/2012 của HĐND tỉnh về Quy hoạch phát triển hệ thống GDĐT tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục các cấp

- Tiếp tục thực hiện các quy định về chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, CBQL giáo dục các cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế về GDĐT. Triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở giai đoạn 1 (2020 - 2025).

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, CBQL, nhân viên các cơ sở giáo dục. Quan tâm

quyền lợi chính đáng của giáo viên công tác ở miền núi, hải đảo; hỗ trợ tích cực về mọi mặt cho đội ngũ giáo viên công tác ở huyện đảo Trường Sa.

- Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng đối với đội ngũ nhà giáo, CBQL, nhân viên các cơ sở giáo dục theo hướng thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức và đảm bảo đúng luật. Tăng cường tuyên truyền những tấm gương nhà giáo tiêu biểu, các điển hình tiên tiến xuất sắc nhằm khơi dậy nhiệt huyết và ý thức tự hào nghề nghiệp của đội ngũ.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục, triển khai chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới; đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; đổi mới quản lý và nâng cao hiệu quả giáo dục thường xuyên; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học; nâng cao hiệu quả giáo dục dân tộc

- Triển khai thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới (lớp 1, lớp 2 và lớp 6); tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy từ cung cấp kiến thức sang hỗ trợ phát triển năng lực và phẩm chất của người học.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường. Cung cấp rộng rãi thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu thị trường lao động nhằm hướng các hoạt động giáo dục hướng nghiệp đáp ứng thị trường lao động, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tiếp tục triển khai mô hình giáo dục nhà trường gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh của địa phương; tăng cường huy động các nguồn lực tài chính và các điều kiện về cơ sở

vật chất, trang thiết bị, bảo đảm cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trong nhà trường theo hướng thực học, lý thuyết gắn với thực hành và thực tiễn, đảm bảo giáo dục cơ bản ở THCS, phục vụ cho giáo dục hướng nghiệp và phân luồng đạt hiệu quả.

- Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh, bảo đảm an toàn trường học.

4. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh

- Tiếp tục triển khai Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2019 - 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa” theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 29/01/2019 của UBND tỉnh.

- Tăng cường đầu tư hệ thống phòng học, trang bị các thiết bị dạy học môn ngoại ngữ, đặc biệt là các phòng chức năng, phòng bộ môn để phục vụ giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn Tiếng Anh.

- Triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018 và sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 6 theo danh mục UBND tỉnh phê duyệt; tiếp tục triển khai Chương trình tiếng Anh 10 năm đại trà cho khối 7, 8, 10, 11 và 12 trên toàn tỉnh.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025 theo Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng

e-learning của ngành phục vụ nhu cầu tự học của học sinh và đổi mới, sáng tạo trong hoạt động dạy học; nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT cho đội ngũ CBQL, giáo viên và học sinh trong toàn ngành.

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học và quản lý; khai thác hệ thống phần mềm quản lý học sinh, quản lý nhân sự nhằm tiết kiệm kinh phí, giảm đi lại cho cán bộ và giáo viên trên phạm vi toàn tỉnh, đồng thời tạo ra một kênh thông tin công khai đến tất cả mọi đối tượng quan tâm.

6. Đẩy mạnh việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới cơ chế tài chính giáo dục nhằm huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nhà nước và xã hội đầu tư cho giáo dục. Thực hiện tốt cơ chế khoán chi, tăng cường tiết kiệm và cân đối cơ cấu chi ngân sách hợp lý, phục vụ tốt cho công tác chuyên môn, nhất là tăng cường các điều kiện phục vụ trực tiếp công tác dạy - học và nâng cao một bước đời sống cán bộ, giáo viên.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến khích sự hỗ trợ giúp đỡ của các nhà hảo tâm và các tổ chức kinh tế - xã hội cho công tác giáo dục ở địa phương, đơn vị.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; Nghị quyết số 32/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND tỉnh Khánh Hòa.

7. Từng bước hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột”; dạy học môn Mỹ thuật theo phương pháp mới, tiến hành thí điểm sử dụng sách Mỹ thuật theo định hướng phát triển năng lực học sinh tại một số trường tiểu học; “Chương trình giảng dạy tăng cường tiếng Pháp và bằng tiếng Pháp”.

- Tiếp tục theo dõi, quản lý tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài tỉnh tổ chức hội thảo, tư vấn du học đối với học sinh có nhu cầu tham gia du học ở nước ngoài...

8. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Tăng cường công tác đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án...; đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thư viện chuẩn, thư viện tiên tiến...

9. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn; chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy từ cung cấp kiến thức sang hỗ trợ phát triển năng lực và phẩm chất của người học.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án phát triển đội ngũ giáo và cán bộ quản lý giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo chuẩn, nâng cao trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa và đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

II. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật.

- Đổi mới công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm công khai, minh bạch với các tiêu chí rõ ràng, cụ thể gắn với hiệu quả công việc được giao.

2. Nâng cao năng lực lãnh đạo cán bộ quản lý giáo dục các cấp

- Xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục chủ chốt ở các cấp, các đơn vị tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý có chất lượng; tiếp tục triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL giáo dục các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Tiếp tục thực hiện đánh giá, phân loại CBQL theo chuẩn; thực hiện công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục các cấp đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn chức danh theo quy định; tăng cường kỷ cương, kỷ luật đối với CBQL giáo dục.

3. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo

Tham mưu, bố trí hợp lý chi đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; tăng cường xã hội hóa giáo dục, nâng

cao hiệu quả, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường các giải pháp đẩy mạnh thu hút các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào giáo dục, trong đó khuyến khích thành lập các trường tư thục chất lượng cao.

4. Tăng cường công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; tăng cường công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài các cơ sở giáo dục.

- Tổ chức tốt các kỳ thi, đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế.

5. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch truyền thông năm học 2021 - 2022.

- Đa dạng hóa các hình thức thông tin, truyền thông, gương người tốt việc tốt, biểu dương những tấm gương nhà giáo điển hình tiên tiến; chủ động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và các chỉ đạo của ngành, giám sát, kiểm tra và có chế tài thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục.

MỤC LỤC

• Một số kết quả của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
• Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam	24
• Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 08/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	38
• Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2020 - 2025	54
• Chương trình hành động số 08-CTr/TU, ngày 21/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2020 - 2025	63
• Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	91
• Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	113
• Chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc	118
• Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội	149
• Tình hình thế giới, khu vực 6 tháng đầu năm 2021 và công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta	153
• Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa 6 tháng đầu năm 2021	159
• Kết quả năm học 2020-2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2021-2022 của ngành Giáo dục và Đào tạo	171

TÀI LIỆU
BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HÈ NĂM 2021

Chịu trách nhiệm xuất bản

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Khánh Hòa
Số 06 Trần Hưng Đạo, Nha Trang, Khánh Hòa
Trưởng ban: **HỒ VĂN MỪNG**

Ban Biên tập

LƯU HỒNG VÂN
NGUYỄN SINH CUNG
TRỊNH HOÀNG HIỆP
LÊ THỊ HẢI VÂN
LÊ ANH TUẤN
DƯƠNG NHẬT THÙY TRINH

In 3500 quyển, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty TNHH Thương mại In và Sản xuất Cát Thành, 25A Khu B, số 02, Lê Hồng Phong, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang.

Giấy phép xuất bản số 30/GP- STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Khánh Hòa cấp ngày 16 tháng 8 năm 2021.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2021.

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN